VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐOÀN TRỌNG CHỈNH

TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐOÀN TRỌNG CHỈNH

TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Mã số: 9.38.01.04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS. HỒ TRỌNG NGŨ

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các số liệu, tài liệu được sử dụng trong luận án có nguồn gốc và trích dẫn rõ ràng.

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2022

NGƯỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU..... 1

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....10

1.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước liên quan đến đề tài nghiên cứu..... 10

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến đề tài nghiên cứu.....15

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....
29

Tiểu kết chương 1.....32

Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC.....
33

2 1. Những vấn đề lý luận về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức
33

2.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.....
56

2.3. Quy định của Bộ luật hình sự một số nước khác trên thế giới về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.....
78

Tiểu kết chương 2.....86

Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....
87

3.1. Khái quát tình hình tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021.....
87

3.2. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng tại thành phố Hồ Chí Minh..... 94
3.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh..... 109
3.4. Nguyên nhân của những sai lầm, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức..... 130
Tiểu kết chương 3..... 140

Chương 4: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC..... 141
4.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức..... 141
4.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức..... 148
Tiểu kết chương 4..... 171
KẾT LUẬN..... 172
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ..... 175
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 176
PHỤ LỤC Pl.1

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	BLHS	Bộ luật hình sự
2	CTTP	Cấu thành tội phạm
3	TAND	Tòa án nhân dân
4	TNHS	Trách nhiệm hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và phát triển toàn diện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, gia nhập tổ chức kinh tế thế giới (WTO) đã và đang mang lại những thành tựu to lớn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh những thành tựu đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng kéo theo nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực, trong đó có tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tình hình tội cướp tài sản nói riêng. Những hiện tượng xã hội tiêu cực đó cũng đã và đang ảnh hưởng không tốt đến việc tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược "Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa", vì vậy cần được khắc phục và dần loại bỏ trên phạm vi cả nước nói chung và ở từng địa bàn cụ thể nói chung. Đối với địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, điều đó cũng không phải là ngoại lệ.

Là một trung tâm kinh tế lớn của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Số lượng dân cư đông, tăng nhanh, thành phần phức tạp, phong tục tập quán và văn hóa ứng xử khác nhau, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nhiều đối tượng hình sự từ các địa phương khác lợi dụng tình hình nhập cư trà trộn vào thành phố Hồ Chí Minh... làm cho tình hình tội phạm nói chung, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng ở thành phố này trong những năm vừa qua diễn biến phức tạp, nguy hiểm. Số liệu thống kê (*xem bảng 3.1 – Phần phụ lục*) cho thấy, số vụ án cũng như số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh trong 10 năm qua là 1.562 vụ với 3.618 bị cáo, trung bình mỗi năm có 156,2 vụ án với 361,8 bị cáo. So với các địa phương khác trên cả nước thì con số này là tương đối lớn; tăng giảm không đều và liên tục qua các năm, nhất là, so với năm 2019, thì năm 2020 tăng cả về số vụ án và cả số bị cáo. Thực tiễn xét xử hình sự tại thành phố Hồ Chí minh trong những năm gần đây cũng cho thấy, tội phạm này xảy ra mang tính chất băng nhóm, có tổ chức, hoạt động mang tính cơ động cao, có sự liên kết chặt

chẽ giữa các tổ chức tội phạm ở các địa phương với nhau xảy ra ngày càng nhiều. Khi thực hiện loại tội phạm này, người phạm tội thường sử dụng vũ khí, đặc biệt là vũ khí nóng để gây án, nên để lại hậu quả rất nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe và tài sản, gây ảnh hưởng lớn đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc lớn trong quần chúng nhân dân và là sự thách thức lớn đối với cơ quan thi hành pháp luật. Số liệu thống kê về tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên cả nước cũng như tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chiếm tỷ lệ 45,2% trong các vụ án cướp tài sản và chiếm tỉ lệ 2,4% trong số các vụ phạm pháp hình sự đã phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử.

Số liệu khái quát về tình hình tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đã nêu trên đây vừa phản ánh kết quả của đấu tranh chống tội phạm, đồng thời phản ánh hệ luỵ của phòng ngừa, trong đó có chống tội phạm này chưa tốt vốn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có:

Thứ nhất, về lý luận, một số vấn đề, chẳng hạn như thế nào là phạm tội có tổ chức hay mối tương quan giữa trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm chưa được nhận thức một cách thống nhất trong giới luật học cũng như giữa các cơ quan, người tiến hành tố tụng ở các ngành, các địa phương, dẫn đến các cách hiểu khác nhau về "cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức" và trách nhiệm của những người cùng thực hiện tội phạm trong trường hợp phạm tội này đã gây ảnh hưởng không tốt đến định tội danh cũng như định khung hình phạt một cách chính xác, bảo đảm các nguyên tắc công bằng, phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt, nhân đạo... đối với người phạm tội.

Thứ hai, các quy định về tội cướp tài sản nói chung, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng mặc dù được quy định khá sớm và ngày càng được hoàn thiện, song vẫn còn những tình tiết (dấu hiệu) chưa thực sự rõ ràng, trong khi văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn về tình tiết này đã được ban hành quá lâu chưa được cập nhật cho phù hợp với những tình hình hiện tại cũng như không có giá trị pháp lý để hướng dẫn áp dụng cho quy định của BLHS

hiện hành, dẫn đến những cách hiểu và áp dụng khác nhau trong thực tiễn xét xử. Mặt khác, các nguyên tắc trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng và phạm tội có tổ chức nói chung với từng vai trò cụ thể ngoài người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy cũng chưa được pháp luật hình sự quy định một cách cụ thể làm cho việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội trong một số trường hợp "bị ảnh hưởng" bởi cảm tính của người áp dụng pháp luật hình sự. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay cho thấy, trường hợp phạm tội cướp tài sản của tổ chức tội phạm và trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có tính nguy hiểm và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao thấp khác nhau. Tuy nhiên, hai trường hợp này vẫn chưa được BLHS hiện hành quy định mà hầu hết được áp dụng chung với tình tiết tăng nặng định khung "phạm tội có tổ chức" ở các tội phạm cụ thể nói chung và tội cướp tài sản nói riêng. Điều này làm cho tính răn đe, tính công bằng, tính phân hoá trách nhiệm hình và cá thể hoá hình phạt, tính nhân đạo... của pháp luật hình sự đối với từng hành vi phạm tội khi áp dụng hình phạt chưa thực sự được bảo đảm trên thực tế.

Từ những phân tích khái quát nêu trên có thể thấy, để có thể giải quyết được vấn đề tội phạm, bên cạnh việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa (ở nghĩa hẹp của từ này) tình hình tội phạm, cần tăng cường chất lượng, hiệu quả của chống tội phạm, tức xử lý các tội phạm đã xảy ra. Vai trò to lớn trong chống, tức xử lý tội phạm đã xảy ra trên thực tế, thuộc về pháp luật hình sự. Vai trò to lớn đó của pháp luật hình sự, đến lượt mình không chỉ tùy thuộc vào chính sách hình sự, trong đó có chính sách pháp luật hình sự mà còn tùy thuộc vào chất lượng của các quy phạm pháp luật hình sự - phương tiện thể hiện chính sách pháp luật hình sự, chất lượng của áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự trên thực tế và mức độ hoàn thiện chúng nhằm đáp ứng yêu cầu của chống tội phạm trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Từ góc độ chống tội phạm trong điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước, pháp luật hình sự cần được tiếp tục nghiên cứu trên tất cả các phương diện lý luận, thực tiễn và xu hướng phát triển. Nói cách khác, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, giải quyết các vấn đề lý luận mới đặt ra, phân tích đánh giá các quy định

của pháp luật hình sự hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức để đưa ra những giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật và giải quyết những vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự là yêu cầu đang đặt ra hiện nay. Cần lưu ý thêm rằng, trong nhiều năm kể từ thời điểm sửa đổi Bộ luật hình sự năm 2009 đến nay chưa có một luận án tiến sĩ nào nghiên cứu vấn đề này. Chính vì vậy, thông qua việc nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành gắn với phân tích thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại địa phương điển hình như thành phố Hồ Chí Minh để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại địa bàn nói trên nói riêng cũng như trên phạm vi cả nước nói chung trong tình hình hiện nay là một yêu cầu cần thiết. Đó cũng chính là lý do để nghiên cứu sinh chọn đề tài *"Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh"* để nghiên cứu làm luận án tiến sĩ luật học của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án này là làm sáng tỏ về mặt lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, để trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án, rút ra những vấn đề cần nghiên cứu trong luận án.

- Phân tích những vấn đề lý luận về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

- Phân tích các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; các quy định trong pháp luật hình sự của một số nước ngoài về tội danh này có so sánh với các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành để thấy được những tiến bộ cần tiếp thu, học tập.

- Nghiên cứu, phân tích thực trạng áp dụng pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, qua đó, đánh giá những thành tựu, rút ra những hạn chế, bất cập và xác định những nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn và yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, luận án đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội nói trên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam. Luận án này lấy các quan điểm khoa học đã được nêu ra trong khoa học luật hình sự về tội phạm, đồng phạm, phạm tội có tổ chức, tội cướp tài sản, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam cũng như của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự nói trên tại thành phố Hồ Chí Minh để nghiên cứu những vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài luận án.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về phạm vi chuyên ngành nghiên cứu: Đề tài luận án được nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự.

- Về phạm vi thực tiễn:

+ Về pháp luật hình sự thực định: Luận án nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Luận án còn nghiên cứu các quy định trong

pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

+ Về thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự

Việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được tiến hành bởi nhiều chủ thể khác nhau như các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, những người tiến hành tố tụng hình sự và nhiều nội dung khác nhau như định tội danh, miễn trách nhiệm hình sự, quyết định hình phạt, miễn hình phạt, giảm hình phạt đã tuyên... Tuy nhiên, luận án này chỉ tập trung nghiên cứu chủ thể áp dụng là Toà án và người tiến hành tố tụng hình sự là Thẩm phán, Hội thẩm (Hội đồng xét xử) và hai nội dung chính của áp dụng pháp luật hình sự là định tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

- Phạm vi về thời gian và không gian:

+ Các số liệu xét xử, các vụ án điển hình phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài được luận án thu thập trong thời gian từ năm 2011 đến hết năm 2021.

+ Các số liệu xét xử, các vụ án điển hình phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài được luận án thu thập tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận

Đề tài luận án được thực hiện trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; Chính sách hình sự của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tội phạm, về hình phạt, về đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài luận án còn được nghiên cứu trên cơ sở sử dụng có kết hợp trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp phân tích và tổng hợp được luận án sử dụng xuyên suốt toàn bộ các chương của luận án để thực hiện tất cả các

nhiệm vụ nghiên cứu. Cụ thể là, luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp để phân tích các quan điểm đã được nêu ra trong khoa học luật hình sự về tội phạm, các yếu tố cấu thành tội phạm của tội cướp tài sản, trách nhiệm hình sự...; phân tích các quy định cụ thể của pháp luật hình sự; thực tiễn tình hình tội cướp tài sản nói chung, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trên thực tế; thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội này trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; từ đó khái quát lại để phân tích, rút ra những cái thuộc về bản chất của các hiện tượng, các quan điểm, quy định và hoạt động thực tiễn này (Chương 2, Chương 3); từ đó rút ra các đánh giá, kết luận và kiến nghị phù hợp giữa lý luận và thực tiễn (Chương 4).

- Phương pháp thống kê được luận án sử dụng chủ yếu trong chương 3 để phân tích thực trạng về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và việc áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội này ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp này cũng được sử dụng trong việc khảo sát, lấy ý kiến chuyên gia về cách xử lý cũng như tổng hợp những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân.

- Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn: Phương pháp này được luận án sử dụng trong tất cả các chương của luận án. Cụ thể, tác giả sử dụng lý luận về khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội phạm để phân tích, đánh giá tội cướp tài sản trên thực tế; từ đó, khái quát lên thành những vấn đề có tính lý luận của tội này (Chương 2, Chương 3); kết hợp lý luận và thực tiễn làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật. Ngoài ra, luận án cũng đề cập đến một số vấn đề của tội phạm học liên quan đến trách nhiệm hình sự, làm cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xem xét, đánh giá chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội cướp tài sản dưới hình thức đồng phạm có tổ chức (Chương 4).

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này chủ yếu được sử dụng tại Chương 2 của luận án. Cụ thể là được vận dụng trong việc so sánh các quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam, trong quy định pháp luật của một số nước trên thế giới với quy định về tội danh này trong bộ luật hình sự hiện hành để thấy được những điểm tích cực, tiến bộ cần học hỏi, tiếp thu; so sánh khái niệm có tổ chức trong quy định của

pháp luật Việt Nam, của các nhà khoa học với quy định tại Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Ngoài ra, tại Chương 4 của luận án, tác giả cũng sử dụng phương pháp này để so sánh và rút ra các kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật nhằm phù hợp với văn hóa chính trị - pháp lý của dân tộc cũng như với điều kiện thực tế của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- Phương pháp nghiên cứu án điển hình được luận án sử dụng để phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý hình sự đối với hành vi phạm tội này ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong các vụ án cụ thể (chương 3). Với phương pháp này, tác giả xác định được những hạn chế, bất cập trong thực tiễn xét xử các hành vi phạm tội trong phạm vi nghiên cứu của đề tài. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn, tác giả đề xuất các giải pháp để khắc phục hạn chế, bất cập đó.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án đã xây dựng khái niệm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức với những dấu hiệu đặc trưng của nó.

Thứ hai, luận án đã phân tích làm rõ nội dung của các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Thứ ba, luận án đã phân tích làm rõ thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020 trên cơ sở phân tích, đánh giá các kết quả đạt được trong định tội danh và trong quyết định hình phạt đối với người phạm tội này có chứng minh bằng một số vụ án cụ thể, đồng thời chỉ ra được những vướng mắc, hạn chế, vi phạm, sai lầm và nguyên nhân của những vướng mắc, hạn chế, vi phạm, sai lầm đó.

Thứ tư, luận án đã nêu ra các yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; đề xuất được một số giải pháp có đóng góp cho việc nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án đã hệ thống hóa một cách khoa học, logic và góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về tội cướp tài sản, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, đồng phạm, phạm tội có tổ chức, tổ chức tội phạm, qua đó góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần nâng cao chất lượng của việc quy định các quy phạm pháp luật hình sự về tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và nâng cao chất lượng của việc phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tội cướp tài sản cũng như tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập về luật hình sự tại các cơ sở có đào tạo luật học ở nước ta.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được cơ cấu thành 04 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước liên quan đến đề tài nghiên cứu

- Các công trình nghiên cứu về đồng phạm, phạm tội có tổ chức

Trong khoa học luật hình sự Liên bang Nga, có khá nhiều công trình nghiên cứu về đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Trong số những công trình khoa học đó, có thể kể đến: *"Giáo trình Luật hình sự"* do GS. TS Gausman L. Đ., GS. TS Kolodkin L. M, GS. TS Macximov C.B. chủ biên xuất bản năm 1999 tại Nxb Inphra; *"Giáo trình Luật hình sự, phần các tội phạm"* do GS. TS. Ignatop A. N. và GS. TS. Craxicop

Y. A. chủ biên, xuất bản năm 1998 tại Nxb Dê-xa-lô Teid*; "Giáo trình luật hình sự"* (2002) do GS.TS Borzenkop và GS.TS Kanuixarop chủ biên; *"Bình luận khoa học BLHS Liên bang Nga"* (1997) do Xcuratov U. I và Lebedev B. M chủ biên; *"Bình luận khoa học BLHS Liên bang Nga"* (2000) do GS. TS. Radchenko chủ biên; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Liên bang Nga"* (2005), nhà xuất bản Inphra;… Trong các công trình trên, ngoài các tội phạm được quy định tại Phần các tội phạm cụ thể (Phần riêng), các tác giả đã phân tích các quy định thuộc Phần chung của BLHS Liên bang Nga, trong đó có nội dung phân tích về chế định đồng phạm: khái niệm đồng phạm, các loại người đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm. Đặc biệt, các tác giả cũng đã phân tích quy định của BLHS Liên bang Nga về yếu tố có tổ chức trong đồng phạm bao gồm trường hợp phạm tội do nhóm người có bàn bạc, nhóm có tổ chức và tổ chức tội phạm thực hiện. Đây cũng là quy định mang tính chất chung được áp dụng cho các tội phạm cụ thể trong BLHS Liên bang Nga.

Cuốn sách *"Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm"* do tác giả P.Ph. Tennốv làm chủ biên và Nhà xuất bản sách Matxcơva xuất bản năm 1974, có đề cập phân tích, bình luận một số quan điểm khác nhau đã được nêu ra trong khoa học luật hình sự Liên bang Nga về khái niệm đồng phạm, về tính nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm. Chẳng hạn, đó là quan điểm của nhà hình sự học Liên Xô M.A.Sơnhâyđơ về

tính nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm so với trường hợp phạm tội đơn lẻ. Theo M.A.Sơnhâyđơ, thì "trong mọi trường hợp phải coi đồng phạm là hình thức phạm tội nguy hiểm hơn và vì vậy, phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn". Ngược lại với quan điểm trên là quan điểm của nhà hình sự học M.Đ Sargôroxtki. Theo M.Đ Sargôroxtki, thì đồng phạm không ảnh hưởng gì đến tính chất mà mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Đặc biệt trong cuốn sách nêu trên, các nhà hình sự học Xô viết điển hình như M.D Sargôroxtki; L.P. Malakhốp cũng đã phân tích vai trò, hành vi của những người tổ chức, xúi giục, giúp sức, thực hành trong một vụ án đồng phạm.

Bên cạnh đó còn có *"Giáo trình Luật hình sự Xô viết, phần chung"* do Nhà xuất bản Đại học tổng hợp Matxcơva xuất bản năm 1988. Trong cuốn giáo trình này các nhà khoa học luật hình sự của Liên Xô (trước đây) cũng đã có những bài viết về đồng phạm. Khi luận về đồng phạm, các tác giả của giáo trình đã quan niệm về đồng phạm có thông mưu trước là hình thức đồng phạm trong đó những người đồng phạm đã thỏa thuận với nhau về hoạt động phạm tội chung trước khi thực hiện tội phạm.

Mặc dù, theo thời gian các quan điểm khoa học của các nhà hình sự học Liên Xô trong lĩnh vực luật hình sự có sự thay đổi nhất định. Tuy nhiên, các quan niệm về đồng phạm nói trên cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị, vì vậy, các nhà hình sự học tiến bộ của Liên bang Nga ngày nay vẫn kế thừa và phát huy nó. Khái niệm đồng phạm dần được nghiên cứu dưới nhiều góc độ và các cách tiếp cận nghiên cứu của xã hội học luật hình sự, luật hình sự so sánh, tội phạm học, khoa học luật hình sự... trên cơ sở quan điểm lập pháp hình sự và thực tiễn áp dụng hình sự của mỗi quốc gia có khác nhau. Các nhà hình sự học tại các nước thuộc hệ thống pháp luật Anglo – Saxon có quan niệm về đồng phạm khác với các nhà hình sự tại nước xã hội chủ nghĩa. Chẳng hạn, các nhà hình sự học của vương quốc Anh quan niệm về đồng phạm rất rộng, theo đó được coi là đồng phạm bất cứ người nào có cảm tình và tỏ ý tán thành hành vi phạm tội, trong khi đó các nhà hình sự học của Cộng hòa Pháp còn có những quan điểm về người thực hành là chính phạm (Auteur principal) và gọi người đồng thực hành là đồng phạm (Coauteur).

Trong số những công trình nghiên cứu có liên quan đến tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức còn có cuốn sách: *"Tội xâm phạm sở hữu có tổ chức"* của tác giả Stijn Van Daele – Giảng viên Trường đại học Ghen ở Bỉ được xuất bản vào năm 2008. Trong cuốn sách này, Stijn Van Daele nghiên cứu hoạt động của các băng, nhóm tội phạm ở Bỉ đang được các cơ quan thực thi pháp luật ở Bỉ chú ý trong thời gian gần đây. Các cơ quan thực thi pháp luật quan tâm đến tình trạng gia tăng tội phạm, đối tượng phạm tội, chính sách phòng, chống tội phạm và sự nhận thức về tội phạm, các hiện tượng tổ chức thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Ngoài ra, cuốn sách còn phân tích đặc điểm về lối sống lưu động và quốc tịch của tội phạm - 2 yếu tố quan trọng của các nhóm tội phạm có tổ chức. Đồng thời, cuốn sách cũng nêu ra những hạn chế trong chính sách của Chính phủ Bỉ về đấu tranh với tội phạm ở chỗ không nhấn mạnh vai trò loại trừ tội phạm mà chỉ nhấn mạnh vai trò kìm hãm sự hoạt động của tội phạm.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến tội cướp tài sản

Cướp tài sản là tội phạm nguy hiểm mà hầu hết pháp luật hình sự các quốc gia trên thế giới đều có quy định. Để phòng chống loại tội phạm này, các quốc gia đã tập trung đầu tư tài chính, lực lượng, công sức nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở pháp lý, lý luận, bộ máy tổ chức cũng như đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả phòng chống. Trên cơ sở đó, nhiều công trình khoa học nghiên cứu về tội cướp tài sản ở nhiều góc độ ra đời.

Đặc biệt, ở Cộng hòa Liên bang Nga, từ năm 1996, đã có một loạt công trình nghiên cứu về luật hình sự, trong đó có quy định về tội cướp tài sản nói chung, tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói riêng. Ví dụ: *"Giáo trình Luật hình sự"* do GS. TS Gausman L. Đ., GS. TS Kolodkin L. M., GS. TS Macximov C. B. chủ biên, xuất bản năm 1999 tại Nxb Inphra; *"Giáo trình Luật hình sự, phần các tội phạm"* do GS. TS. Ignatop A. N. và GS. TS. Craxicop Y. A. chủ biên, xuất bản năm 1998 tại Nxb Dê-xa-lô Teid; *"Giáo trình luật hình sự"* (2002) do GS.TS Borzenkop và GS.TS Kanuixarop chủ biên; *Bình luận khoa học BLHS Liên bang Nga"*

(1997) do Xcuratov U. I và Lebedev B. M chủ biên; *"Bình luận khoa học BLHS Liên bang Nga"* (2000) do GS. TS. Radchenko chủ biên; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Liên bang Nga"* do nhà xuất bản Inphra xuất bản năm 2005;... Các công trình nêu trên đã phân tích về các quy định của BLHS, các đặc điểm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm, trong đó có nội dung phân tích về chế định đồng phạm, yếu tố có tổ chức và tội cướp tài sản với tình tiết phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, vì phạm vi nghiên cứu rộng ở tất cả các tội phạm được quy định trong BLHS nên phần nghiên cứu về tội cướp tài sản trong các công trình nói trên có dung lượng tương đối hạn chế và mức độ chung mà chưa phải là mức độ chuyên khảo về tội danh này.

Bộ luật hình sự của hầu hết các quốc gia đều có quy định về tội cướp tài sản nên các công trình nghiên cứu về BLHS của các quốc gia đều có đề cập đến nội dung nghiên cứu về tội cướp tài sản. Nghiên cứu về các tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng trong BLHS một số nước khác có các công trình như: Cuốn *"Luật hình sự"* của giáo sư người Pháp Giăng Lacguyê xuất bản năm 1994; cuốn "Criminal Law" của tác giả Smith and Hogan xuất bản năm 2005; "Criminal Law" của tác giả Storey Tony và Lidbury Alan xuất bản năm 2007;... Các công trình này nghiên cứu về tất cả các tội danh được quy định trong bộ luật hình sự trong đó có tội cướp tài sản. Vì vậy, nội dung nghiên cứu về tội cướp tài sản tương đối hạn chế, chưa thực sự đầy đủ và sâu sắc.

Bên cạnh đó, còn có một số sách chuyên khảo nghiên cứu ở ngoài nước về tội cướp tài sản, đáng chú ý như:

Cuốn sách *"Robbery Fact, Violient crimes against persons"* Carolina Academic Press của tác giả Chris E. McGoey. Trên cơ sở nghiên cứu các vụ cướp tài sản ở Mỹ từ năm 2006 đến năm 2010, công trình này đã phân tích một cách chi tiết về các đặc điểm của tội cướp tài sản như độ tuổi, trình độ, dân cư, giới tính,... Trong công trình này tác giả cũng làm rõ cướp là một tội phạm bạo lực có sử dụng công cụ, phương tiện trong đó sử dụng súng chiếm tỷ lệ 42,2%, sử dụng dao chiếm tỷ lệ 8,6%,...

Trong cuốn sách *"Criminal Investigation - A Method for Reconstructing the Past"*, xuất bản năm 2013, tác giả Jamé. W.Osterburg khi nghiên cứu các vụ cướp

tài sản ở nước Mỹ, đã nhận xét rằng hầu hết các vụ cướp tài sản có tổ chức do hai tên gây nên thường nhắm đến một nạn nhân và 1/3 trong tổng số vụ án mà tác giả điều tra là do ba tên tội phạm thực hiện. Người phạm tội cướp tài sản có tổ chức hợp thành các băng nhóm có độ tuổi gần bằng nhau; những tên tội phạm chuyên nghiệp trong các băng nhóm đó thường hoạt động trong các khu vực địa lý rộng lớn, một số còn vượt ra ngoài các tiểu bang khác và những tên cướp này thường sử dụng súng, xe ô tô, mặt nạ ngụy trang và có người canh chừng.

Trong cuốn sách *"So sánh một cách có hệ thống về các vụ cướp ở Chicago, về các vụ cướp không gây thương tích và có gây thương tích đã dẫn đến chết người tại Chicago, về tình hình cướp tài sản ở Chicago"*, xuất bản năm 1986 ở Chicago, hai tác giả Franklin E. Zimring và James Zueh có đề cập nghiên cứu về tội cướp tài sản và tội cướp giật tài sản. Cuốn sách này gồm hai phần:

Trong phần thứ nhất, các tác giả mô tả về kết quả thực nghiệm, bao gồm nội dung ước tính mức độ, diễn biến và tính chất của các vụ cướp tài sản và giết người ở Chicago; phân tích các hình thức thực hiện hành vi cướp tài sản, giết người trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể; mức độ và cách xử lý của cảnh sát đối với các vụ cướp tài sản khác nhau bằng việc áp dụng các quy định của pháp luật tại Chicago. Tại phần thứ hai của cuốn sách, các tác giả đề cập đến sự tác động của lý thuyết tội phạm học đến kết quả nghiên cứu lý luận về tội cướp tài sản và các quy định của pháp luật ở Chicago, đồng thời đưa ra nhiều biện pháp ngăn chặn và kiểm soát các tội phạm này tại Chicago bằng pháp luật hình sự với nhiều biện pháp về kinh tế, giáo dục và quản lý các ngành nghề có liên quan để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội cướp tài sản tại Chicago.

Trong bài viết *"The Crime of Robbery in South African Law, International Journal of Arts and Science"*, (tạm dịch: Tội phạm cướp trong Luật Nam Phi), đăng trên Tạp chí Khoa học và Nghệ thuật Quốc tế năm 2010, tác giả Deidre Joubert có đề cập nghiên cứu các đặc điểm của tội cướp tài sản đã được định nghĩa trong pháp luật của Nam Phi; nguồn gốc lịch sử và sự phát triển của tội cướp tài sản theo từng giai đoạn thời gian của Nam Phi. Bên cạnh đó, Deidre Joubert cũng đề cập nghiên

cứu những hình phạt và xác định các khía cạnh liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự. Trong bài viết này, Deidre Joubert đã chứng minh rằng tội cướp tài sản vẫn bảo đảm sự tồn tại riêng trong pháp luật Nam Phi. Một trong những vấn đề này là "Cướp túi xách" được các Tòa án Nam Phi xét xử một cách tùy tiện, dẫn đến sự thiếu tôn nghiêm về luật pháp. Do đó, tác giả bài viết nói trên đã kiến nghị cần cải cách các quy định pháp luật liên quan đến tội cướp tài sản. Theo tác giả bài viết nói trên, tình hình tội phạm bạo lực và tội cướp tài sản ở Nam Phi ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Những đề xuất được tác giả bài viết đưa ra bao gồm xây dựng các quy định pháp luật cho phép mở rộng phạm vi truy tố, xét xử các tội phạm thông thường, mà trong đó các biểu hiện khác nhau của hành vi phạm tội được đánh giá theo mức độ nghiêm trọng của chúng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án khi tuyên án những người bị kết tội cướp tài sản.

Ở dạng khái quát có thể nhận xét rằng, những công trình nghiên cứu khoa học ở nước ngoài nêu trên đây mà nghiên cứu sinh tham khảo và tổng quan là những tài liệu tham khảo có giá trị không chỉ cung cấp cho nghiên cứu sinh những tri thức cần thiết về lý luận và thực tiễn liên quan đến đề tài luận án mà mình thực hiện, mà quan trọng hơn là cho nghiên cứu sinh biết những vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của luận án ở nước ngoài đã được nghiên cứu như thế nào? Đến đâu? Những vấn đề gì chưa nghiên cứu... nhất là cách tiếp cận nghiên cứu đề tài. Ngoài những vấn đề lý luận, nghiên cứu sinh còn nắm được bức tranh toàn cảnh về quy định của pháp luật nước ngoài về tội cướp tài sản, đồng phạm, phạm tội có tổ chức và từ đó có thể rút ra những quan điểm tiến bộ, phù hợp phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài luận án.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến đề tài nghiên cứu

Với tính cách là một trong số những tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, tội cướp tài sản và các hình thức phạm tội của nó thu hút được sự quan tâm nghiên cứu nhiều hơn của các nhà luật học nước ta. Đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, điều đó cũng không phải là ngoại lệ. Bởi vậy, có nhiều công trình nghiên cứu về hoặc liên quan đến tội cướp tài sản và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đã được công bố, trong số đó có thể kể đến:

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đồng phạm, phạm tội có tổ chức

Để nghiên cứu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cần phải dựa trên lý luận về đồng phạm, phạm tội có tổ chức nói chung. Tháng 3 năm 1997 lần đầu tiên ở Việt Nam vấn đề tội phạm có tổ chức được đưa lên bàn nghị sự của một cuộc Hội thảo khoa học do Tạp chí Trật tự an toàn xã hội tổ chức, do Thiếu tướng. TS. Lê Thế Tiệm chủ trì. Tại hội thảo đã có những bài viết đề cập đến tội phạm có tổ chức, trong đó có các tác giả đã đề cập đến các băng ổ nhóm và tổ chức tội phạm. Tuy nhiên, nhận thức về tội phạm có tổ chức lúc đó vẫn còn mờ nhạt. Việc sử dụng thuật ngữ "có tổ chức" được dùng hết sức dè dặt. Nhiều người cho rằng tội phạm có tổ chức là cái gì đó hết sức đặc biệt, khác thường, thậm chí không có ở Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công trình nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên về tội phạm có tổ chức được công bố ở Việt Nam của GS.TS. Hồ Trọng Ngũ do Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2000 với tiêu đề "Tội phạm có tổ chức – Lịch sử và vấn đề hôm nay", đã lần đầu tiên đề cập đến thuật ngữ "đồng phạm có tổ chức" để chỉ tội phạm có tổ chức. Trước đó, chưa ai nghiên cứu giải quyết vấn đề "đồng phạm có tổ chức" mà chỉ có quan niệm về "đồng phạm phức tạp", và cũng chưa có ai đưa ra quan niệm về *"tội phạm có tổ chức như một hình thức đồng phạm đặc biệt – đồng phạm có tổ chức"*[41, tr.32]. Công trình chuyên khảo này của tác giả Hồ Trọng Ngũ đã dành một số trang thỏa đáng cho phân tích làm rõ bản chất của hình thức đồng phạm đặc biệt này. Tuy nhiên, do công trình nghiên cứu về tội phạm có tổ chức nói chung nên tác giả không đề cập đến tội cướp tài sản và "đồng phạm cướp có tổ chức" với ý nghĩa là một tội phạm cụ thể.

Bên cạnh đó còn có một số công trình nghiên cứu có đề cập đến chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức được tiến hành bởi các nhà luật học Việt Nam nhưng có đề cập phân tích các quy định này trong pháp luật hình sự của một số nước khác trên thế giới như: sách chuyên khảo *"Luật hình sự so sánh"* của PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản năm 2018. Trong cuốn sách này, tác giả đã phân tích, quy định về đồng phạm, phạm tội có tổ chức trong pháp luật hình sự Việt Nam, đối chiếu pháp luật hình sự, thực tiễn xét xử hình sự và

các học thuyết pháp lý hình sự của Việt Nam về chế định này với quy định của một số quốc gia khác như Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Tây Ban Nha, Vương quốc Anh, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Thụy Sĩ, Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cuốn sách dành một chương (Chương VI) để nghiên cứu các vấn đề lý luận về đồng phạm, như khái niệm, những người đồng phạm, hình thức đồng phạm, phạm tội có tổ chức, mối liên hệ giữa những người phạm tội có tổ chức, ... làm tiền đề cho việc đối chiếu, phân tích các quy định của pháp luật hình sự của các quốc gia nói trên, từ đó rút ra những điểm tương đồng và (hoặc) khác biệt trong các quy định về đồng phạm, phạm tội có tổ chức, trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm trong pháp luật hình sự của các quốc gia có pháp luật hình sự được đề cập nghiên cứu;

Bên cạnh đó còn có thể kể đến sách chuyên khảo *"Tổ chức tội phạm ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn"* do TS. Nguyễn Văn Hiển chủ biên được xuất bản năm 2016 tại nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về tổ chức tội phạm – hình thức đặc biệt của đối tượng thực hiện tội phạm một cách có tổ chức. Trong công trình này, tác giả đã phân tích một số vấn đề lý luận về tổ chức tội phạm, trong đó có nội dung phân tích về khái niệm, đặc điểm, cơ cấu và hoạt động của tổ chức tội phạm, phân biệt tổ chức tội phạm và phạm tội có tổ chức; phân tích quy định về tổ chức tội phạm trong pháp luật quốc tế và trong pháp luật hình sự của một số quốc gia như Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Liên bang Đức, Liên bang Nga, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Bên cạnh đó, công trình cũng đã nêu và phân tích thực trạng pháp luật về đấu tranh phòng, chống các băng, nhóm tội phạm có dấu hiệu tổ chức tội phạm ở Việt Nam và trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp phòng chống tổ chức tội phạm ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn có một số luận văn, luận án như:

Luận án *"Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam"* của TS. Trần Quang Tiệp thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2000. Luận án đã hệ thống hóa sự hình thành và phát triển các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về đồng phạm;

phân tích nội dung cụ thể và bản chất pháp lý của chế định này trước yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta; so sánh, đối chiếu chế định đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam với chế định đồng phạm trong luật hình sự của một số nước trên thế giới từ đó đề xuất vận dụng có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự về vấn đề này. Bên cạnh đó, Luận án cũng nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự của chế định đồng phạm trong thực tiễn xét xử và rút ra những vướng mắc, thiếu sót nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về đồng phạm. Cụ thể, dựa trên các công trình nghiên cứu về đồng phạm của pháp luật Xô Viết, Cộng hòa Pháp và một số nước tư bản, tác giả đã phân tích khái niệm, đặc điểm về đồng phạm cũng như các loại người đồng phạm. Thành công của luận án là dựa trên lý thuyết về đồng phạm, tác giả đã lồng ghép thực tiễn các vụ án ở Việt Nam để từ đó đưa ra các kết luận những dấu hiệu về mặt chủ quan, mặt khách quan của đồng phạm. Luận án cũng cung cấp cho người nghiên cứu các kiến thức cơ bản liên quan đến các loại người đồng phạm như người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức,... Đặc biệt trong phần chương 2 của Luận án, tác giả đã phân tích một cách rất sâu sắc về các hình thức đồng phạm trong đó có hình thức đồng phạm có tổ chức. Có thể nói Luận án *"Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Trần Quang Tiệp là cơ sở khoa học quan trọng cho người nghiên cứu tiếp cận đề tài tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu mà người nghiên cứu có thể kế thừa thì Luận án của tác giả Trần Quang Tiệp được nghiên cứu từ năm 2000 nên những thông tin khoa học và thực tiễn cũng cần được cập nhật cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Luận án *"Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống"* của tác giả TS. Nguyễn Trung Thành thực hiện tại Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật năm 2002. Đây là công trình nghiên cứu tương đối có hệ thống và toàn diện về hình thức phạm tội có tổ chức ở phương diện pháp lý hình sự cũng như tội phạm học. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tác giả của luận án đã làm sáng tỏ lịch sử quy định, bản chất, đặc trưng của phạm tội có tổ chức với tư cách là

một hình thức đồng phạm đặc biệt dưới góc độ khoa học luật hình sự. Luận án cũng nêu ra được những điểm bất hợp lý trong các quy định của BLHS năm 1999 về đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng. Những thành công của luận án là nguồn tài liệu quan trọng để tác giả nghiên cứu kế thừa lý luận về phạm tội có tổ chức với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung. Tuy nhiên, luận án chỉ nghiên cứu những vấn đề có tính chất chung của phạm tội có tổ chức nên khi áp dụng đối với một tội phạm cụ thể như tội cướp tài sản thì cần có sự vận dụng một cách phù hợp. Mặt khác cơ sở thực tiễn được luận án nghiên cứu đã hơn 15 năm nên một số quy định đã thay đổi, cần được nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.

Luận văn thạc sĩ *"Hình thức phạm tội có tổ chức trong chế định đồng phạm theo pháp luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Minh Đức cũng đã đề cập đến một số vấn đề lý luận về phạm tội có tổ chức với tư cách là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung trong chế định đồng phạm một cách tương đối sâu sắc. Tuy nhiên, luận văn được nghiên cứu trên cơ sở quy định của BLHS năm 1985 nên đã có những điểm khác biệt so với quy định của BLHS hiện hành cần được bổ sung cho phù hợp.

Luận văn thạc sĩ *"Các hình thức đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Thị Trang Liên, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2009. Luận văn đã làm rõ các vấn đề chung về người thực hành trong vụ án có đồng phạm theo quy định của luật hình sự Việt Nam, phân biệt hình thức đồng phạm này với một số hình thức đồng phạm khác mà hiện hay thường có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ chế định đồng phạm quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999,… Luận văn *"Người thực hành trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hòa thực hiện tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2011. Luận văn đã nghiên cứu sâu về vai trò của người thực hành trong vụ án đồng phạm. Mặc dù người thực hành chỉ là một trong bốn loại người trong vụ án đồng phạm nhưng luận văn cũng là một tư liệu có ý nghĩa cho việc nghiên cứu của tác giả. Tuy nhiên, trong cả hai công trình nghiên cứu này, nội dung về phạm tội có tổ chức được nghiên cứu chưa thực sự đầy đủ và toàn diện.

Luận văn thạc sĩ *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Phí Thành Chung thực hiện tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2010. Luận văn đã đưa ra và phân tích khái niệm về phạm tội có tổ chức; các nguyên tắc và căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức; thực trạng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức thông qua thực tế ở địa bàn thành phố Hà Nội; đánh giá thành tựu cũng như hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy được nghiên cứu trên cơ sở BLHS năm 1999 nhưng những vấn đề lý luận được phân tích trong công trình này vẫn rất có giá trị cho việc nghiên cứu của tác giả.

Ngoài ra vấn đề đồng phạm và phạm tội có tổ chức còn được đề cập ở một số bài báo, tạp chí khoa học như: bài viết *"Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức tội phạm, tội phạm có tổ chức và phạm tội có tổ chức"* của TS. Trần Quang Tiệp đăng trên Tạp chí Kiểm sát số tháng 7/2003; bài viết *"Chế định đồng phạm trong pháp luật hình sự ở một số nước trên thế giới"* của tác giả Lê Thị Sơn đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 11/1997; bài viết *"Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm"* của tác giả Dương Văn Tiến đăng trên Tạp chí Luật học số 3/1998; bài viết *"Các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm"* đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 1/1986; … Ngoài ra còn có Chuyên đề nghiên cứu khoa học *"Những vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới"* do Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp thực hiện năm 2002.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến tội cướp tài sản

Tội cướp tài sản là tội danh có lịch sử quy định từ rất sớm trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam, vì vậy các nhà khoa học luật hình sự cũng có nhiều công trình nghiên cứu về tội này. Trên cơ sở cấp độ nghiên cứu, nhất là những vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của các công trình nghiên cứu liên quan đến tội cướp tài sản, có thể nhóm các công trình nghiên cứu thành các nhóm để tổng quan, theo đó, có:

- Nhóm các luận án, luận văn

Trong số những luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, có thể kể đến luận án tiến sĩ luật học về đề tài *"Các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh"* của tác giả Nguyễn Văn Thanh, bảo vệ tại Học viện Khoa học Xã hội năm 2016. Trong luận án này, tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận, nhất là khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu nói chung, trong đó có tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam; lịch sử quy định về các tội xâm phạm sở hữu theo pháp luật Việt Nam; đặc điểm tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 5 năm, từ năm 2011 đến năm 2015; thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, luận án đã đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội cướp tài sản nói riêng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Ở cấp độ luận án tiến sĩ cũng có một số đề tài luận án mặc dù được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, nhưng có liên quan đến tội cướp tài sản như luận án tiến sĩ luật học *"Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội"* do tác giả Đỗ Kim Tuyến thực hiện, bảo vệ năm 2001 tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận án đã nghiên cứu sâu sắc các đặc điểm của tình hình của tội cướp tài sản tại thành phố Hà Nội từ năm 1990 đến năm 2000. Trong luận án, tác giả đã phân tích nguyên nhân, tình hình tội cướp tài sản trên địa bàn cũng như các đặc điểm về nhân thân người phạm tội để từ đó đánh giá được ý thức, đặc điểm con người, diễn biến của quá trình đi vào con đường phạm tội cướp tài sản. Trên cơ sở đó tìm ra các nhân tố tác động vào con người khiến họ quyết định thực hiện hành vi phạm tội. Luận án trên được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học, có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn. Luận án đã cung cấp cho tác giả một góc nhìn đa chiều hơn liên quan đến tội cướp tài sản. Tuy nhiên dưới góc độ của luật hình sự, những vấn đề về mặt lý luận định tội danh cũng như thực tiễn quyết định hình phạt, vấn đề trách

nhiệm hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thì trong một luận án chuyên sâu về tội phạm học, không được đề cập giải quyết.

Cũng được tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, nhưng có liên quan đến tội cướp tài sản là luận án tiến sĩ luật học về đề tài *"Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa"* của tác giả Đoàn Công Viên, bảo vệ năm 2018 tại Học viện Khoa học xã hội. Luận án này đã đánh giá tình hình hoạt động phòng ngừa đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt nói chung, trong đó có tội cướp tài sản, từ đó chỉ ra những ưu điểm cũng như những hạn chế, thiếu sót trong công tác phòng ngừa để có căn cứ đề xuất kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng. Điều đáng nói là luận án cũng đã phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trong đó có tội cướp tài sản.

Trong số những luận văn thạc sĩ chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự có đề cập nghiên cứu về và (hoặc) có liên quan đến tội cướp tài sản, có thể kể đến luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Thị Hà Châu về đề tài *"Tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi",* bảo vệ năm 2016 tại Học viện Khoa học xã hội. Trong luận văn của mình, tác giả đã khái quát lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản; phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội cướp tài sản; phân tích thực tiễn áp dụng quy định về tội cướp tài sản thông qua thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đánh giá những hoạt động đó và rút ra hạn chế, bất cập cũng như xác định nguyên nhân của hạn chế, bất cập và đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội cướp tài sản, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và của cả nước nói chung. Kết quả nghiên cứu của luận văn là tài liệu tham khảo để tác giả nghiên cứu về tội cướp tài sản trong luận án của mình. Tuy nhiên, công trình này được thực hiện trên cơ sở quy định của BLHS năm 1999 và qua thực tiễn tại địa

bàn tỉnh Quảng Ngãi với điều kiện, hoàn cảnh đặc trưng khác với địa bàn thành phố Hồ Chí Minh mà tác giả đang nghiên cứu. Bên cạnh đó, tình tiết phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản cũng chưa được luận văn nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện.

Nói đến luận văn thạc sĩ luật học có đề tài về và (hoặc) có liên quan đến tội cướp tài sản, cần nói đến luận văn thạc sĩ luật học về đề tài *"Định tội danh các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt theo Bộ luật hình sự năm 1999"* của tác giả Đỗ Ngọc Lợi thực hiện tại Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh năm 2011. Trong luận văn này, tác giả đã phân tích lý luận về định tội danh, quy định của pháp luật, các yếu tố cấu thành của các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và thực trạng định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, trong đó có tội cướp tài sản. Trên cơ sở đó, công trình đã đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như nâng cao chất lượng định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt. Là một trong số các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, tội cướp tài sản cũng đã được nghiên cứu trong công trình này nhưng không được nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ mà chỉ tập trung vào các dấu hiệu định tội ở khung cơ bản trên cơ sở quy định về tội danh này của Bộ luật hình sự năm 1999. Bên cạnh đó, quy định của BLHS hiện hành về các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản nói chung và tội cướp tài sản nói riêng đã có sự thay đổi so với quy định của BLHS năm 1999 nên cần được cập nhật, bổ sung cho đầy đủ và phù hợp.

Ngoài ra còn có một số luận văn nghiên cứu một khía cạnh nào đó của tội cướp tài sản, chẳng hạn như luận văn thạc sĩ luật học về đề tài *"Các yếu tố khách quan của các tội chiếm đoạt tài sản trong Bộ luật hình sự Việt Nam"* do tác giả Phạm Quốc Thuần thực hiện năm 2008 tại Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Trong luận văn này, tác giả không nghiên cứu một cách toàn diện đối với tội phạm có tính chất chiếm đoạt tài sản hay một tội phạm có mục đích chiếm đoạt tài sản cụ thể mà chỉ nghiên cứu một trong bốn yếu tố cấu thành của các tội chiếm đoạt tài sản nói chung, đó là yếu tố khách quan. Trong đó, yếu tố khách quan của tội

cướp tài sản cũng đã được phân tích một cách tương đối đầy đủ cả về lý luận và thực tiễn. Khi nghiên cứu về các yếu tố khách quan, tác giả đã đánh giá một cách chi tiết và cụ thể các yếu tố thuộc về mặt khách quan của các tội phạm được thực hiện với mục đích chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, việc chỉ nghiên cứu mặt khách quan dẫn đến việc công trình này chưa đưa ra được một cái nhìn tổng thể, đầy đủ về lý luận, các yếu tố cấu thành tội phạm đối với các tội chiếm đoạt tài sản nói chung và tội cướp tài sản nói riêng. Khía cạnh thực tiễn của luận văn cũng chỉ được giới hạn trong việc xác định mặt khách quan mà chủ yếu là hành vi khách quan của các tội chiếm đoạt tài sản. Mặt khác, công trình này được nghiên cứu trên cơ sở quy định của BLHS năm 1999 nên quy định pháp luật được áp dụng có những điểm khác biệt so với quy định của BLHS hiện hành, cần được nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.

Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu tội cướp tài sản dưới góc độ tội phạm học và trong phạm vi một tỉnh thành cụ thể như: luận án tiến sĩ *"Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh"* do tác giả Nguyễn Đức Thảo thực hiện năm 2016 tại Học viện Khoa học xã hội; luận văn của tác giả Trần Văn Hiếu *"Phòng ngừa tình hình tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh"* được thực hiện năm 2019 tại Học viện khoa học xã hội; Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thanh Dương *"Nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án cướp tài sản có sử dụng vũ khí do băng nhóm tội phạm gây ra của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh"* thực hiện năm 2008 tại Học viện cảnh sát nhân dân; ... Tuy nhiên, vì nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và điều tra tội phạm nên nội dung nghiên cứu về tội cướp tài sản nói chung và tình tiết phạm tội "có tổ chức" nói riêng theo quy định của BLHS còn chưa đầy đủ và sâu sắc.

Trong số những công trình nghiên cứu ở cấp độ đề tài khoa học cấp Bộ được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, song có liên quan đến tội cướp tài sản có Đề tài khoa học cấp Bộ *"Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm cướp có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phụ cận"* của Trường đại học cảnh sát nhân dân, do TS. Lê Văn Hòe làm chủ nhiệm và bảo vệ

năm 2008. Đây là đề tài nghiên cứu một cách toàn diện và đầy đủ về lý luận và tình hình hoạt động của tội phạm cướp có tổ chức và công tác phòng chống. Đề tài đưa ra giải pháp mới góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phụ cận. Thành công của đề tài là các tác giả đã phân tích được đặc điểm, thực trạng của tội phạm cướp có tổ chức ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phụ cận, trên cơ sở đó các tác giả đã đưa ra các giải pháp, kiến nghị nâng cao hiệu quả phòng chống loại tội phạm này. Phương pháp phân tích và tình hình tội phạm được phân tích là tài liệu để tác giả có thể tham khảo khi nghiên cứu luận án. Tuy nhiên, do đề tài nghiên cứu ở góc độ tội phạm học trên cơ sở phân tích nguyên nhân, thực trạng của tình hình tội phạm nên các khía cạnh lý luận cũng như thực tiễn vấn đề trách nhiệm hình sự của tội phạm này chưa thực sự sâu sắc. Thời điểm nghiên cứu cũng đã khá lâu nên có một số quy định làm cơ sở nghiên cứu đã không còn phù hợp, cần được bổ sung.

- Nhóm sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết tạp chí

Trong nhóm công trình này, trước hết phải kể đến cuốn sách *"Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu"* của tác giả Nguyễn Duy Thuần do nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 1991. Trong cuốn sách này, tác giả đã tiếp cận nghiên cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu ở hai khía cạnh: các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. Tác giả đã phân tích khái niệm, đặc điểm cũng như các yếu tố cấu thành của các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân, trong đó có tội cướp tài sản. Tuy nhiên, trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu là một lĩnh vực rộng nên công trình này không thể phân tích sâu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Mặt khác, do công trình được nghiên cứu với thời gian đã khá lâu (1991) nên về mặt lý luận cũng như thực tiễn đã có sự thay đổi cần được cập nhật và bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Cuốn *"Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009"* của tác giả Mai Bộ, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

xuất bản năm 2010. Đây là một công trình nghiên cứu khá đầy đủ về các tội xâm phạm sở hữu. Cuốn sách đã phân tích những vấn đề lý luận chung về quyền sở hữu tài sản, khái niệm các tội xâm phạm sở hữu, các yếu tố cấu thành của các tội xâm phạm sở hữu. Trong phần Chương 2 của cuốn sách, tác giả đã đi vào phân tích cụ thể từng tội theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), trong đó có tội cướp tài sản. Đặc biệt, trên cơ sở phân tích các yếu tố cấu thành cụ thể của từng tội trong nhóm tội xâm phạm sở hữu tác giả đã nêu ra một số vướng mắc trong thực tiễn khi áp dụng một số tội danh cụ thể. Tuy nhiên, vì nghiên cứu ở phạm vi rộng bao gồm tất cả các tội xâm phạm sở hữu nên tội cướp tài sản và tình tiết phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản chưa được nghiên cứu một cách sâu sắc. Quy định về tội cướp tài sản trong BLHS hiện hành cũng đã có thay đổi so với quy định trong BLHS năm 1999 nên một số nội dung nghiên cứu cũng cần được cập nhật, bổ sung. Mặc dù vậy, công trình cũng là tài liệu tham khảo có giá trị để tác giả nghiên cứu lý luận về tội cướp tài sản trong luận án của mình.

Cuốn sách *"Định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu: Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009"* của tác giả Lê Đăng Doanh được Nhà xuất bản Tư Pháp xuất bản năm 2013. Cuốn sách này không nghiên cứu một cách toàn diện về các tội xâm phạm sở hữu mà chỉ nghiên cứu về một vấn đề cụ thể về các tội danh này, đó là vấn đề định tội danh. Trên cơ sở phân tích lý luận về định tội danh, cấu thành cơ bản của các tội xâm phạm sở hữu, cuốn sách này đã phân tích vấn đề định tội đối với các tội danh này trên cơ sở quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội danh thuộc chương "Các tội xâm phạm sở hữu." Trong đó, vấn đề định tội danh tội cướp tài sản cũng được đề cập phân tích một cách tương đối cụ thể và sâu sắc.

Ngoài ra, công trình nghiên cứu dưới góc độ so sánh pháp luật pháp hình sự nước ngoài có liên quan đến tội cướp tài sản và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, đó là sách chuyên khảo "*Luật hình sự so sánh*" của PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn. Trong cuốn sách này, ngoài nội dung phân tích các quy định thuộc Phần chung của BLHS Việt Nam, tác giả cũng đề cập phân tích các quy định về tội cướp

tài sản trong BLHS của các quốc gia có pháp luật hình sự được đề cập nghiên cứu so sánh, theo cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng, nhấn mạnh về các dạng hành vi phạm tội cướp tài sản và các tình tiết tăng nặng TNHS. Đặc biệt, trong cuốn sách này, PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn đã phân tích một cách chi tiết các quy định trong BLHS một số quốc gia như Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Pháp,… về những tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp tài sản, trong đó có tình tiết (trường hợp) phạm tội có tổ chức. Trong quá trình phân tích, tác giả cuốn sách nói trên cũng đã so sánh sự khác nhau trong quy định về các chế định trên trong BLHS Việt Nam hiện hành và BLHS của các quốc gia khác.

Trong số những công trình nghiên cứu về tội cướp tài sản còn có các sách bình luận khoa học về BLHS như:*"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phần các tội phạm"* do tác giả Trần Văn Luyện chủ biên, do Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2017; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự hiện hành (sửa đổi, bổ sung năm 2017)"* do tác giả Nguyễn Đức Mai chủ biên và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật ấn hành năm 2018; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (phần các tội phạm)"* do GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên được xuất bản tại nhà xuất bản Tư pháp năm 2017; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)"* của tác giả Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng xuất bản năm 2017 tại nhà xuất bản Thế Giới; *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017"* của tác giả Lê Quang Thành xuất bản tại nhà xuất bản Lao động năm 2020 *"Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999"* của tác giả Uông Chu Lưu (chủ biên) Nxb Chính trị quốc gia;... Tất cả các Bình luận khoa học Bộ luật hình sự nêu trên đều đề cập phân tích một cách chi tiết khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về tội cướp tài sản còn có các giáo trình luật hình sự trong các chương trình đào tạo cử nhân luật, thạc sĩ luật như: *"Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm"* do GS. TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, xuất bản tại Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2014; *"Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội*

phạm)*"* của Trường Đại học luật Hà Nội, do Nhà xuất bản Công an nhân dân ấn hành năm 2018; *"Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm- quyển 1)"* của Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh, do Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam xuất bản năm 2015... Với tính chất của giáo trình, các cuốn sách này cũng chủ yếu đưa ra các vấn đề lý luận rất cơ bản, mang tính truyền thống, phân tích các quy định của BLHS hiện hành trong đó có tội cướp tài sản và có một số liên hệ khiêm tốn về thực tiễn,... để giúp cho sinh viên tiếp cận ban đầu về tội phạm này. Tuy nhiên, vì các giáo trình có phạm vi nghiên cứu rộng nên không đi sâu phân tích về một tội danh cụ thể như tội cướp tài sản; không đưa ra các quan điểm lý luận khác nhau cũng như không cập nhật các hiện tượng, quan điểm khoa học và thực tiễn tình hình tội phạm mới, mà chủ yếu là phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội này và hình phạt đối với nó, nên giá trị khoa học chuyên sâu tương đối hạn chế. Mặc dù vậy, các công trình này là tài liệu tham khảo có giá trị để tác giả nghiên cứu về lý luận, quy định của pháp luật về tội cướp tài sản.

Những nội dung về lý luận và thực tiễn liên quan đến tội cướp tài sản cũng được một số tác giả đề cập đến trong một số tạp chí chuyên ngành như: bài viết *"Vướng mắc trong việc định tội và định khung hình phạt đối với một số tội xâm phạm sở hữu"* của tác giả Phạm Minh Tuyên đăng trên tạp chí Kiểm sát số 23/2020; bài viết *"Về tội cướp tài sản: Một điều luật, nhiều cách hiểu khác nhau"* đăng trên Báo pháp luật Việt Nam, số 136 ngày 08 tháng 6 năm 2009; bài viết *"Tội cướp tài sản trong Luật hình sự Việt Nam"* của tác giả Phạm Văn Báu đăng trên Tạp chí Luật học năm 2010;…

Mặc dù có tính chuyên sâu về mặt khoa học, nhưng trong phạm vi một bài tạp chí, các bài viết trên đây chỉ nghiên cứu một hoặc một số khía cạnh lý luận hay thực tiễn của tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam, nên độ rộng của đối tượng nghiên cứu bị hạn chế nhất định. Tuy nhiên, từ các bài viết được tham khảo và tổng quan, nghiên cứu sinh lĩnh hội được nhiều tri thức bổ ích cho việc nghiên cứu đề tài luận án của mình.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1.3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Qua nghiên cứu các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án trong và ngoài nước từ trước đến nay mà tác giả tiếp cận được, có thể rút ra một số đánh giá sau đây:

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan đến đề tài tương đối nhiều. Các công trình này có phạm vi nghiên cứu khá rộng, chủ yếu nghiên cứu độc lập về tội cướp tài sản và về chế định đồng phạm nói chung, trong đó có phạm tội có tổ chức. Đây là một nguồn tài liệu tham khảo giúp tác giả có cái nhìn tổng quan hơn về tội cướp tài sản cũng như yếu tố có tổ chức của tội phạm này ở một số nước trên thế giới qua đó tiếp thu, học hỏi những quy định tiến bộ, những yếu tố hợp lý, có tính tương thích với pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, trong các công trình đó, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chưa được nghiên cứu một cách độc lập, sâu sắc mà mới chỉ nghiên cứu ở mức độ chung khi nghiên cứu về tội cướp tài sản hoặc nghiên cứu yếu tố có tổ chức trong chế định đồng phạm nói chung mà chưa kết hợp với tội cướp tài sản. Một số công trình được nghiên cứu cách đây đã quá lâu, không còn phù hợp với tình hình tội phạm có tổ chức và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, quy định cụ thể của pháp luật mỗi nước đối với loại tội phạm này khác nhau, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của mỗi nước nên kết quả nghiên cứu chỉ mang giá trị tham khảo để tác giả nghiên cứu tiếp thu những giá trị tiến bộ, phù hợp với tình hình hiện tại ở nước ta.

Ở trong nước cũng đã có khá nhiều công trình liên quan đến đề tài được nghiên cứu ở nhiều cấp độ và nhiều góc độ. Các công trình này chủ yếu nghiên cứu về tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội cướp tài sản nói riêng, đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Một số công trình đã nghiên cứu một cách tương đối sâu sắc về tội cướp tài sản với khái niệm, các yếu tố cấu thành tội phạm, quy định về cấu thành cơ bản cũng như cấu thành tăng nặng trong đó có dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức

khi nghiên cứu tội cướp tài sản một cách độc lập hoặc nghiên cứu trong nhóm tội xâm phạm sở hữu dưới góc độ hình sự. Bên cạnh đó, một số công trình cũng đã phân tích thực trạng áp dụng quy định của pháp luật về tội cướp tài sản cũng như thực trạng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung trên cả nước và ở một số địa phương cụ thể, đồng thời đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật, khắc phục bất cập, hạn chế,... Một số công trình nghiên cứu về chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức, trong đó đã phân tích khá sâu sắc các khái niệm, đặc điểm của đồng phạm, phạm tội có tổ chức và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, vì nghiên cứu phạm tội có tổ chức với tư cách một tình tiết tăng nặng độc lập trong chế định đồng phạm mà không nghiên cứu dưới góc độ là tình tiết tăng nặng định khung của tội cướp tài sản nên một số bất cập, hạn chế và giải pháp, kiến nghị đưa ra trong các công trình này cũng chưa sâu sắc và cụ thể. Bên cạnh đó, hầu hết các công trình này được nghiên cứu trên cơ sở quy định của BLHS năm 1999 trở về trước với thời điểm nghiên cứu đã khá lâu. Các công trình nghiên cứu về tội cướp tài sản cũng đã có nội dung về áp dụng tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức nhưng với dung lượng hạn chế nên cả lý luận, thực tiễn áp dụng, giải pháp kiến nghị đều chưa đầy đủ và toàn diện. Đến nay, BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp lý và tình hình tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên thực tế đã có những thay đổi lớn đòi hỏi có những nghiên cứu mới về cả lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu liên quan đến đề tài còn có các bài viết trên các tạp chí khoa học nhưng hầu hết chỉ tập trung vào một số khía cạnh lý luận, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật hoặc thực tiễn áp dụng nên chưa giải quyết thỏa đáng và toàn diện các vấn đề lý luận, pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học - phòng ngừa tội phạm nên nội dung lý luận cũng như thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tương đối hạn chế.

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức một cách đầy đủ,

toàn diện, kết hợp cả lý luận và thực tiễn để từ đó đánh giá hạn chế, khó khăn và đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật về tội danh này trên phương diện quy định của pháp luật cũng như cơ chế áp dụng, nhất là nghiên cứu trên cơ sở thực tiễn là địa bàn thành phố Hồ Chí Minh – địa bàn xảy ra loại án trên với số lượng tương đối lớn. Do vậy, luận án này là công trình khoa học ở cấp độ tiến sĩ đầu tiên nghiên cứu những vấn đề lý luận về phạm tội có tổ chức, phân biệt nó với tổ chức tội phạm về tính chất, hình thức thực hiện tội phạm từ đó đề ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và áp dụng pháp luật phù hợp với giai đoạn hiện nay; nghiên cứu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức gắn với thực trạng áp dụng pháp luật ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong thời gian tới.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu trong luận án

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, việc nghiên cứu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được tiến hành chưa được toàn diện, sâu sắc, cần phải được tiếp tục nghiên cứu những vấn đề sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm của đồng phạm, phạm tội có tổ chức; phân biệt phạm tội có tổ chức với các khái niệm có liên quan; phân tích làm sáng tỏ khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức;

Hai là, phân tích, đánh giá vấn đề về thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021, qua đó làm sáng tỏ những hạn chế, vi phạm, sai lầm cần khắc phục;

Ba là, phân tích, đánh giá làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, vi phạm, sai lầm trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Bốn là, phân tích các yêu cầu và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Tiểu kết chương 1

Qua nghiên cứu các công trình đã được công bố cho thấy, có khá nhiều công trình nghiên cứu về đồng phạm, phạm tội có tổ chức và về tội cướp tài sản. Trong đó, các tác giả đã phân tích khá sâu sắc khái niệm, đặc điểm của đồng phạm, các loại người trong đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Các tác giả cũng đã phân tích khá sâu sắc khái niệm, đặc điểm, các dấu hiệu pháp lý và các tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp tài sản và trách nhiệm hình sự đối với nó. Một số công trình đã phân tích thực trạng áp dụng quy định của pháp luật về tội cướp tài sản, thực trạng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung trên cả nước và ở một số địa phương, đồng thời đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật, khắc phục bất cập, hạn chế đặt ra trong thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế ở một số vấn đề như: nghiên cứu chưa thật toàn diện, chưa thật đầy đủ về tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức cả về lý luận cũng như cả về thực tiễn mà đa số chỉ nghiên cứu về một góc độ nào đó như tội cướp tài sản nói chung hay chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức nói chung mà không gắn với tội danh cụ thể là tội cướp tài sản; nêu được một số khó khăn, vướng mắc khi áp dụng luật về tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức nhưng chưa đi sâu, phân tích rõ ràng và cụ thể các vướng mắc, bất cập đó cũng như chưa đưa ra giải pháp khắc phục một cách thỏa đáng; Một số công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học, phòng ngừa tội phạm nên lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật tương đối hạn chế; Nhiều công trình được nghiên cứu trên cơ sở BLHS năm 1999 trở về trước trong khi quy định của pháp luật hình sự hiện hành cũng như tình hình tội phạm cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức đã có nhiều thay đổi. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, trong công trình này, tác giả sẽ nghiên cứu những vấn đề của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức còn bị bỏ ngỏ, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ở nước ta nói chung trong thời gian tới.

Chương 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC

2.1. Những vấn đề lý luận về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Để có thể nghiên cứu một sự vật, một hiện tượng, một quá trình... trước hết phải bắt đầu từ nó và nghiên cứu chính nó. Điều đó có nghĩa là muốn nghiên cứu tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, trước hết phải xây dựng khái niệm và phân tích đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Cần lưu ý rằng, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức không phải là một tội danh độc lập với tội cướp tài mà là trường hợp phạm tội cướp tài sản được thực hiện bằng hình thức đồng phạm, hơn thế là đồng phạm phức tạp bởi yếu tố "có tổ chức". Bởi vậy, để xây dựng khái niệm và phân tích đặc điểm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, trước hết phải phân tích khái niệm và các dấu hiệu của tội cướp tài sản, kế đó là phân tích khái niệm và đặc điểm của phạm tội có tổ chức.

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm tội cướp tài sản

Trong khoa học luật hình sự, ở các nước khác nhau có những khái niệm khác nhau về tội phạm, nhưng có thể khái quát những khái niệm đó thành hai loại là khái niệm hình thức và khái niệm nội dung về tội phạm. Theo khái niệm hình thức, "tội phạm" được hiểu "là hành vi bị đạo luật hình sự trừng trị", còn theo khái niệm nội dung, "tội phạm" được hiểu "là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt"[124; tr.104-105]. Xét trên nhiều phương diện, khái niệm nội dung về tội phạm là chuẩn xác hơn về mặt khoa học, bởi nó cho phép làm sáng tỏ hơn bản chất xã hội đích thực của tội phạm, chỉ ra được những lợi ích của giai cấp nào bị tội phạm xâm phạm, thiệt hại nào mà tội phạm gây ra cho các quan hệ xã hội đang thống trị và những cơ sở nào để coi hành vi nào là tội phạm. Đồng thời, khái niệm nội dung về tội phạm chỉ ra được các dấu hiệu của tội phạm gồm tính nguy hiểm cho xã hội, tính có lỗi của hành vi, tính trái pháp luật hình sự và tính

phải chịu hình phạt. Vì vậy, khái niệm nội dung về tội phạm "được xem như là điều kiện cần thiết có tính nguyên tắc để giới hạn giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa trách nhiệm hình sự và những trách nhiệm pháp lý khác..."[30, tr.9]. Cũng vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà trong pháp luật hình sự ở nước ta, khái niệm tội phạm được các nhà làm luật ghi nhận một cách cụ thể và không có thay đổi nhiều. Trong pháp luật hình sự hiện hành, *"tội phạm"* được quy định: "*là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự"*[50].

Với tính cách là cái "cơ bản", cái "nền tảng", khái niệm nội dung về tội phạm là cơ sở thống nhất cho việc nhận thức, xác định, xây dựng khái niệm về tội cụ thể. Điều đó có nghĩa là bất kỳ một tội phạm cụ thể nào cũng "mang" những dấu hiệu pháp lý của tội phạm nói chung, đồng thời có những dấu hiệu đặc trưng của nó. Đối với tội cướp tài sản, điều đó cũng không phải là ngoại lệ. Thuật ngữ "cướp" được hiểu là "lấy của người khác bằng vũ lực (nói về của cải hoặc nói chung cái quý giá)"[121, tr.310]. Trên cơ sở khái niệm tội phạm nói chung và nội hàm của "thuật ngữ cướp" nói trên, khái niệm cướp tài sản được hiểu một cách tương đối thống nhất trong khoa học luật hình sự, theo đó, cướp tài sản là "hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản"[53, tr.12]; [103, tr.173]; [120, tr.206-207]. Khái niệm cướp tài sản đã bao hàm trong nó cả những hành vi đặc trưng của tội cướp tài sản. Thông qua các dạng hành vi đặc trưng đó, tội cướp tài sản không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản mà còn xâm phạm đến quyền nhân thân, quyền được bảo vệ về tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Trên cơ sở kế thừa những yếu tố hợp lý trong các quan điểm khoa học và quy

định của BLHS hiện hành về tội phạm và về cướp tài sản có thể đưa ra khái niệm tội cướp tài sản như sau*: Tội cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm phạm đến quan hệ nhân thân và quyền sở hữu tài sản.*

Tội cướp tài sản có một số đặc điểm riêng, phân biệt với các tội phạm khác. Trên cơ sở nghiên cứu khái niệm, đặc điểm của tội phạm nói chung và khái niệm Tội cướp tài sản nói riêng, có thể khái quát một số đặc điểm của Tội cướp tài sản như sau:

Một là, Tội cướp tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ mà cụ thể là xâm phạm đồng thời đến quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân. Đây là hai quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ đặc biệt nên nó thể hiện tính chất nguy hiểm cao cho xã hội của tội phạm cướp tài sản.

Hai là, Tội cướp tài sản là hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, tức là hành vi phải do người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện và người đó không rơi vào trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự.

Ba là, chủ thể thực hiện hành vi cướp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp (cố ý về cả hành vi và hậu quả). Nhận thức chủ quan của người phạm tội xuất phát từ mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác.

Bốn là, Tội cướp tài sản là hành vi trái pháp luật hình sự, cụ thể là hành vi cướp tài sản phải được quy định trong BLHS mới bị coi là tội phạm, ngoài BLHS ra thì không một văn bản pháp luật nào có thể quy định về hành vi này bị coi là tội phạm. Và vì cướp tài sản bị coi là tội phạm nên chủ thể thực hiện hành vi cướp tài sản phải chịu hình phạt. Đây cũng là một trong những đặc điểm chung của tội phạm nhằm đảm bảo có sự phân biệt chính xác giữa các vi phạm pháp luật dân sự, vi phạm hành chính,…với vi phạm hình sự.

Cướp tài sản là một tội phạm cụ thể nên nó vừa mang dấu hiệu của tội phạm nói chung và có dấu hiệu riêng của mình. Các trường hợp phạm tội cướp tài sản rất đa dạng, có những nội dung riêng biệt. Tuy nhiên, dấu hiệu đặc trưng của trường hợp này là "phạm tội có tổ chức". Bởi vậy, để có thể xây dựng khái niệm và phân tích đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cần xây dựng khái niệm và phân tích đặc điểm của phạm tội có tổ chức.

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của phạm tội có tổ chức

Khái niệm về phạm tội có tổ chức đã được nêu ra khá nhiều trong khoa học luật hình sự. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng, "Phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, được bàn bạc, thống nhất hành động của hai người trở lên, trên cơ sở phân công vai trò, vị trí của từng người cụ thể."[61, tr.10]. Khái niệm này nêu ra quan điểm chung thống nhất đối với các khái niệm về phạm tội có tổ chức, đó là phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm này so với khái niệm phạm tội có tổ chức được ghi nhận trong BLHS (Khoản 2 Điều 17 BLHS năm 2015) xét về mặt lý luận là chưa thực sự đầy đủ. Khái niệm này chưa nêu ra được sự câu kết chặt chẽ và tính kế hoạch thống nhất trong việc thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức. Theo một quan điểm khác, thì "Phạm tội có tổ chức là một dạng đồng phạm có thông mưu trước, một nhóm phạm tội có từ hai người trở lên, sự liên hệ giữa những người đồng phạm thể hiện tính bền vững và thống nhất, được hình thành thường là để thực hiện một lượng tội phạm không xác định"[127, tr.262-263]. Ngoài việc nêu ra quan điểm chung phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, khái niệm này còn nhấn mạnh đây là dạng đồng phạm có thông mưu trước. Tuy nhiên, về mặt lý luận, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng ở mức độ cao mà không phải chỉ là thông mưu trước ở mức độ thông thường. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật hình sự nước ta trước năm 1985 [91, tr. 326] tuy có đề cập phạm tội có tổ chức nhưng đều chưa có quy định về khái niệm của hình thức này. Trong các văn bản đó, phạm tội có tổ chức mới chỉ được quy định là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Từ BLHS năm 1985, khái niệm phạm tội có tổ chức đã được quy định và không có sự thay đổi

nhiều qua các lần sửa đổi bổ sung BLHS. Khoản 2 Điều 17 BLHS hiện hành quy định: "Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm". Như vậy, dù dưới góc độ khoa học luật hình sự hay lập pháp hình sự thì khái niệm về phạm tội có tổ chức cũng có những điểm chung cơ bản nhất, vừa mang đặc điểm chung của chế định đồng phạm vừa có đặc trưng riêng của một hình thức đồng phạm đặc biệt. Phạm tội có tổ chức là một hình thức đồng phạm, do hai người trở lên thực hiện với sự bàn bạc, thống nhất ý chí của những người tham gia. Tính chất đặc biệt của hình thức phạm tội này được đặc trưng bởi dấu hiệu "có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm". Sự câu kết chặt chẽ này chính là đặc điểm quan trọng nhất nói lên tính chất và mức độ nguy hiểm cao hơn hẳn của phạm tội có tổ chức, đồng thời nó cũng quy định sự khác nhau về chất giữa phạm tội có tổ chức và các hình thức đồng phạm khác. Nó vừa thể hiện đặc điểm của dấu hiệu chủ quan, vừa thể hiện đặc điểm của dấu hiệu khách quan. Mức độ câu kết chặt chẽ là căn cứ để phân biệt trường hợp phạm tội có tổ chức và các hình thức đồng phạm khác. Tuy nhiên, "câu kết chặt chẽ" là thuật ngữ mang tính chất định tính, không có sự lượng hóa cụ thể đối với sự câu kết nên dễ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự về chế định này. Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền đã sớm có hướng dẫn về trường hợp này. Theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền [92] thì sự "câu kết chặt chẽ" trong phạm tội có tổ chức có thể được thể hiện dưới các dạng:

- Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như: đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ, nhóm,… có những tên chỉ huy, cầm đầu. Tuy nhiên, cũng có khi tổ chức phạm tội không có những tên chỉ huy, cầm đầu mà chỉ là sự tập hợp những tên chuyên phạm tội đã thống nhất cùng nhau hoạt động phạm tội.
- Những người đồng phạm đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo một kế hoạch đã thống nhất trước. Ví dụ: một số nhân viên nhà nước đã thông đồng với nhau tham ô nhiều lần; một số tên chuyên cùng nhau đi trộm cắp; một số tên hoạt động đầu cơ, buôn lậu có tổ chức đường dây để nắm nguồn hàng, vận chuyển, thông tin về giá cả,…

- Những người đồng phạm chỉ thực hiện tội phạm một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo một kế hoạch được tính toán kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện hoạt động và có khi còn chuẩn bị cả kế hoạch che giấu tội phạm. Ví dụ: Trong các trường hợp trộm cắp, cướp tài sản của công dân mà có phân công điều tra trước về nơi ở, quy luật sinh hoạt của gia đình chủ nhà, phân công chuẩn bị phương tiện và hoạt động của mỗi người đồng phạm; v.v…

Mặc dù vậy, việc áp dụng hướng dẫn này trên thực tế để giải quyết các vụ án có trường hợp phạm tội có tổ chức cũng chưa thực sự thống nhất giữa các địa phương và giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Bởi vì, việc nhận định, đánh giá về sự "câu kết chặt chẽ" và mức độ câu kết phụ thuộc rất lớn vào nhận định của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Qua thực tiễn xét xử, tính "câu kết chặt chẽ" được đánh giá thông qua các đặc trưng riêng về mặt chủ quan và khách quan của hình thức đồng phạm phạm tội có tổ chức. Về mặt khách quan, hai thuộc tính phản ánh bản chất, đặc trưng của tính câu kết chặt chẽ trong phạm tội có tổ chức là tính tổ chức chặt chẽ và tính kế hoạch thống nhất. Theo đó, "tính tổ chức chặt chẽ được hiểu là trước khi thực hiện tội phạm, những người đồng phạm đã liên kết, tập hợp với nhau thành các băng, nhóm tội phạm với quy mô lớn nhỏ khác nhau"[24, tr.49]. Tính kế hoạch thống nhất tức là tội phạm được thực hiện bao giờ cũng có kế hoạch từ trước, có sự tính toán chu đáo, kỹ càng, đầy đủ, thống nhất, thậm chí là có cả kế hoạch che giấu tội phạm. Hay nói cách khác, phạm tội có tổ chức luôn là hình thức đồng phạm có thông mưu trước. Về mặt chủ quan, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước ở mức độ cao.

Trong BLHS, cụm từ "phạm tội có tổ chức" được sử dụng với ý nghĩa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là tình tiết định khung tăng nặng (tình tiết cấu thành tội phạm tăng nặng) của một số tội phạm cụ thể, nhằm chỉ phương thức thực hiện hành vi, với ý nghĩa phạm tội một cách có tổ chức. Phạm tội có tổ chức còn là hình thức đồng phạm đặc biệt, trong đó có sự phân công vai trò giữa người thực hành và người cầm đầu, chỉ huy trong việc thực hiện tội phạm. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm phức tạp. Những người đồng phạm có sự thỏa thuận, bàn

bạc với nhau về hoạt động phạm tội chung trước khi thực hiện tội phạm. Nó đòi hỏi mối quan hệ giữa những người đồng phạm phải là mối quan hệ có tổ chức như một nhóm phạm tội. Cấp độ tổ chức càng chặt chẽ, càng mang tính hệ thống thì mức độ, tính nguy hiểm của phạm tội có tổ chức càng cao. "Nhóm phạm tội này thường được hình thành với phương hướng hoạt động có tính chất lâu dài, bền vững, thường có sự phân công vai trò thực hiện tội phạm khác nhau giữa những người đồng phạm nhằm thực hiện nhiều tội, phạm tội nhiều lần"[74, tr.81]. Trong đó cũng thường tồn tại quan hệ chỉ huy - phục tùng, mỗi người đồng phạm đều chịu sự điều khiển chung thống nhất, đều coi và sử dụng tổ chức phạm tội như là công cụ sức mạnh trong hoạt động phạm tội của mình. Bên cạnh đó, trong phạm tội có tổ chức thì vai trò của người tổ chức mang tính quyết định. Phạm tội có tổ chức khác với trường hợp đồng phạm có thông mưu trước chính là ở vai trò của người tổ chức: ở đồng phạm có thông mưu trước, những người phạm tội chỉ bàn nhau cách thức thực hiện tội phạm còn ở phạm tội có tổ chức thì người tổ chức có vị trí cao hơn những người khác, chịu trách nhiệm thiết kế hoạt động và chỉ huy thực hiện tội phạm. Trong đó, người tổ chức có thể là người cầm đầu, chủ mưu hoặc chỉ huy.

Bên cạnh đó, phạm tội có tổ chức đòi hỏi phải có tính có kế hoạch thống nhất. Thông thường, việc thực hiện tội phạm trong trường hợp phạm tội có tổ chức bao giờ cũng có kế hoạch từ trước. Trong đó, những người cùng tham gia thực hiện tội phạm có sự tính toán một cách chu đáo, kỹ càng, đầy đủ và thống nhất về mọi mặt từ khi chuẩn bị thực hiện tội phạm cho đến khi thực hiện xong tội phạm và thậm chí có thể có kế hoạch che giấu tội phạm, cách thức thực hiện tội phạm thường tinh vi, xảo quyệt. Hay nói cách khác, đây là hình thức đồng phạm có thông mưu trước ở mức độ cao. Giữa những người cùng thực hiện tội phạm có sự cố ý cùng liên kết về mặt ý thức khi bàn bạc, thỏa thuận kế hoạch và phân công vai trò thực hiện tội phạm. Trên cơ sở đó, mỗi người tham gia thực hiện tội phạm đều tìm cách hỗ trợ những người đồng phạm khác và cố gắng thực hiện hoạt động của mình nhằm đạt được kết quả phạm tội chung đã đề ra. Điều này hình thành nên mối quan hệ và tính thống nhất trong hành động của họ. Mức độ câu kết chặt chẽ hay không là một căn cứ để phân biệt phạm tội có tổ chức và các hình thức đồng phạm khác.

Với những đặc điểm của phạm tội có tổ chức trình bày ở trên, thông qua hình thức đồng phạm có tổ chức, tội phạm có thể được thực hiện nhiều lần, liên tục, gây ra những hậu quả nghiêm trọng, làm cho công tác phòng, chống tội phạm gặp nhiều khó khăn, tốn kém. Vì vậy, pháp luật hình sự Việt Nam quy định phạm tội có tổ chức là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Yếu tố đồng phạm có tổ chức làm cho hành vi nguy hiểm hơn, vì vậy phạm tội có tổ chức được quy định đầu tiên trong các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung tại Điều 52 BLHS cũng như là tình tiết tăng nặng định khung đầu tiên trong tội cướp tài sản và các tội danh khác có quy định về tình tiết này. Ngoài ra, với tính đặc trưng bởi sự câu kết chặt chẽ trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và che giấu tội phạm mà tình tiết phạm tội có tổ chức còn được quy định là tình tiết định tội của một số tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm BLHS. Ví dụ như Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109 BLHS),… Thông thường đó là những tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm có thông mưu trước và có dấu hiệu đặc trưng để phân biệt với các tội phạm khác chính là sự phân công vai trò giữa người ra lệnh với người thực hiện mệnh lệnh, thường có phương hướng hoạt động phạm tội lâu dài, bền vững và sự thống nhất ở mức độ cao trong kế hoạch thực hiện tội phạm. Phạm tội có tổ chức phản ánh dấu hiệu khách quan của cơ chế thực hiện hành vi phạm tội của một nhóm chủ thể trong hoàn cảnh cụ thể để thực hiện một hành vi phạm tội cụ thể. Như vậy, để kết luận một vụ án có sự tham gia của nhiều người là phạm tội có tổ chức thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh được hai vấn đề: Đây là một vụ đồng phạm và có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, vấn đề thứ hai đã bao hàm đồng phạm nên trên thực tế chỉ cần chứng minh sự câu kết chặt chẽ để làm rõ yếu tố phạm tội có tổ chức.

Từ những điều phân tích khái quát trên đây về khái niệm và đặc điểm của phạm tội có tổ chức, tác giả luận án này chia sẻ với quan điểm cho rằng, “Phạm tội có tổ chức là một dạng đồng phạm có thông mưu trước, một nhóm phạm tội gồm hai người trở lên, sự liên hệ giữa những người đồng phạm thể hiện tính bền vững và thống nhất, được hình thành thường là để thực hiện một số lượng tội phạm không

xác định. Phạm tội có tổ chức có thể là hình thức đồng phạm giản đơn, tất cả những người tham gia thực hiện tội phạm đã hành động với vai trò là người thực hành. Phạm tội có tổ chức cũng có thể là là hình thức đồng phạm phức tạp, tức có sự phân công vai trò giữa những người tham gia thực hiện tội phạm"[124;tr.262].

Bởi những đặc điểm của phạm tội có tổ chức được trình bày trên đây, phạm tội có tổ chức có thể thực hiện tội phạm nhiều lần, liên tục, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Đó cũng là lý do chính lý giải vì sao phạm tội có tổ chức được pháp luật hình sự nước ta quy định là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 BLHS năm 2015. Trong nhiều cấu thành tội phạm, phạm tội có tổ chức được quy định là tình tiết định khung tăng nặng (dấu hiệu của cấu thành tội phạm tăng nặng). Đối với tội cướp tài sản, quy định đó cũng không phải là ngoại lệ. Trong khoa học luật hình sự, liên quan đến phạm tội có tổ chức, một thuật ngữ được nhắc đến khá phổ biến là tội phạm có tổ chức. Đối với thuật ngữ tội phạm có tổ chức, "Người Mỹ cho rằng thuật ngữ tội phạm có tổ chức "Organized crime" lần đầu tiên được các chuyên gia Mỹ xây dựng vào năm 1915"[41, tr.46]. Đây là một khái niệm đa nghĩa được tiếp cận dưới hai cấp độ là cấp độ hành vi và cấp độ chỉ hiện tượng xã hội. Ở cấp độ chỉ hành vi, "tội phạm có tổ chức là một tội phạm do một số người đã cấu kết với nhau để thực hiện một cách có tổ chức"[41, tr.161]. Như vậy, dưới góc độ khoa học luật hình sự, tội phạm có tổ chức là những hành vi cố ý phạm tội được thực hiện một cách có tổ chức, hay nói cách khác, tội phạm có tổ chức có nghĩa là những người phạm tội đã tổ chức thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS. Tội phạm có tổ chức là một cấp độ, một dạng đặc biệt của đồng phạm - đồng phạm phức tạp và cũng là một hiện tượng đồng phạm có tổ chức. Yếu tố "có tổ chức" trong khoa học luật hình sự đặc trưng bởi hai yếu tố là sự liên kết chặt chẽ của hai hay nhiều người và sự liên kết đó là có mục đích phạm tội. Như vậy, dưới góc độ luật hình sự có thể hiểu, "Tội phạm có tổ chức là một hành vi nguy hiểm cho xã hội do những người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có tổ chức, cố ý xâm hại đến những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và đáng bị xử lý bằng hình phạt"[41, tr.120]. Hay nói cách khác,

tội phạm có tổ chức là tội phạm mà trong đó việc thực hiện hành vi khách quan đòi hỏi phải có sự cấu kết với nhiều người hoặc hành vi khách quan được thực hiện với sự cấu kết chặt chẽ của nhiều người. Tội phạm có tổ chức có thể là ở dạng tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm có tổ chức hoặc tội phạm được thực hiện do thành lập, tham gia các tổ chức tội phạm hoặc do nhóm phạm tội có tổ chức chuyên nghiệp và được thực hiện trong một khoảng thời gian, không gian xác định.

Trong lực lượng Công an nhân dân, khi nghiên cứu về tội phạm có tổ chức, các nhà nghiên cứu đưa ra khái niệm tội phạm có tổ chức có một số điểm khác biệt. Theo đó, tội phạm có tổ chức là những tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một băng nhóm tội phạm gây ra. Băng nhóm tội phạm có tổ chức có những dấu hiệu cơ bản sau[19]: "Số thành viên trong nhóm từ 03 người trở lên, liên kết với nhau trong một thời gian nhất định để thực hiện tội phạm, sự liên kết còn chưa chặt chẽ, dễ tan rã; Cấu trúc của tổ chức còn đơn giản, có 02 cấp, gồm tên cầm đầu và các thành viên trực tiếp thực hiện tội phạm hoặc liên kết với nhau như những mắt xích trong một đường dây; Đối tượng hoạt động mang tính chuyên nghiệp (yếu tố bắt buộc) nhưng thường chỉ gây ra một loại hoặc một số tội có phương thức, thủ đoạn tương tự; Động cơ phạm tội là vụ lợi. Tội phạm do chúng gây ra thường bị phát hiện sớm, độ ẩn của tội phạm thấp". Cách hiểu về tội phạm có tổ chức này khá tương đồng với quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Tuy nhiên, đây chỉ là văn bản áp dụng trong ngành Công an khi thống kê tội phạm mà không phải là văn bản có giá trị áp dụng chung cho liên ngành tư pháp khi điều tra, truy tố, xét xử đối với tội phạm có tổ chức nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Thiết nghĩ, khi ban hành văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi bổ sung BLHS, cơ quan có thẩm quyền nên cân nhắc, sử dụng hướng dẫn này để xác định một cách rõ ràng dấu hiệu phạm tội có tổ chức, tội phạm có tổ chức cũng như để nội luật hóa một cách triệt để quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam đã là thành viên.

Tội phạm có tổ chức và phạm tội có tổ chức có mối liên hệ với nhau, "là hai khái niệm giáp ranh nhưng không đồng nhất"[41, tr.138]. Tội phạm có tổ chức được hiểu như danh từ chỉ loại tội phạm để phân biệt với tội phạm khác không có tổ chức. Phạm tội có tổ chức chỉ trạng thái và phương thức thực hiện tội phạm, mang ý nghĩa trạng động từ diễn đạt ý nghĩa là hành động phạm tội được thực hiện một cách có tổ chức. "Phạm tội có tổ chức vừa là dấu hiệu định tính (tình tiết tăng nặng), vừa là dấu hiệu biểu hiện về mặt hình thức là phương thức thực hiện tội phạm một cách có tổ chức. Bằng cách đó, tình tiết "phạm tội có tổ chức" đã phản ánh hai đặc điểm quan trọng của tội phạm có tổ chức"[41, tr.169].

Bên cạnh đó, còn có một thuật ngữ cần được phân biệt với phạm tội có tổ chức đó là tổ chức tội phạm. Trong những năm vừa qua, mặc dù BLHS Việt Nam chưa có quy định cụ thể nhưng thuật ngữ tổ chức tội phạm cũng đã được các cơ quan bảo vệ pháp luật sử dụng trong các vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Về lý luận, "Tổ chức tội phạm là một tập hợp người có sự liên kết, phân công, phối hợp hoạt động với nhau do một hoặc một số cá nhân thành lập, điều khiển một cách có kế hoạch nhằm thực hiện một hoặc nhiều tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"[74, tr.192]. Qua khái niệm có thể thấy sự khác nhau của tổ chức tội phạm với phạm tội có tổ chức. Phạm tội có tổ chức chỉ trạng thái và phương thức thực hiện tội phạm, còn tổ chức tội phạm là danh từ chỉ một nhóm xã hội hình thành dưới dạng tổ chức – tổ chức của những người hoạt động phạm tội. Phạm tội có tổ chức có thể có sự phân công vai trò rõ ràng hoặc phân công vai trò không dứt khoát, rõ ràng. Nhưng đối với tổ chức tội phạm, sự phân công vai trò giữa các thành viên là tất yếu, là kết cấu của tổ chức tội phạm. Các thành viên luôn cùng nhau phối hợp, điều chỉnh sự đóng góp của cá nhân vào hậu quả phạm tội chung. Hay nói cách khác, mức độ câu kết giữa các thành viên trong tổ chức tội phạm đa dạng hơn, có tính bền vững hơn, tính quy mô và mục đích hoạt động rõ ràng hơn, tính kỷ luật cao hơn nhiều so với trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường; Phạm tội có tổ chức có thể có một vài tên đóng vai trò người tổ chức hoặc cũng có trường hợp không có người tổ chức, vai trò người tổ chức không rõ ràng. Nhưng tổ chức tội phạm thì

luôn có vai trò của người tổ chức mà thường là một nhóm đóng vai trò tổ chức – nhóm thủ lĩnh. Nhóm này bảo đảm sự phối hợp trong hoạt động phạm tội của các thành viên và hướng các hoạt động vào mục đích của tổ chức tội phạm; Tổ chức tội phạm có mục đích thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, phạm tội có tổ chức không có giới hạn loại tội phạm. Như vậy, nó có thể bị áp dụng đối với tất cả các loại tội phạm do cố ý. Về bản chất pháp lý, tổ chức tội phạm là tổ chức được lập ra bởi một nhóm người có sự câu kết rất chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện một hoặc một số hành vi phạm tội. "Việc truy cứu TNHS trong trường hợp này là nhằm hướng tới việc trừng trị sự ra đời, tồn tại của một loại "tổ chức nguy hiểm" trong xã hội"[24, tr. 52]. Trong đó trước tiên hướng đến việc trừng trị hành vi lập nên tổ chức, sau đó là trừng trị hành vi phạm tội cụ thể của tổ chức đó. Trong khi phạm tội có tổ chức chỉ là hình thức đồng phạm đặc biệt, truy cứu TNHS trong trường hợp này là đối với hành vi cố ý phạm tội cụ thể dưới hình thức đồng phạm ở mức độ cao.

Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đã đưa ra khái niệm về nhóm tội phạm có tổ chức trên cơ sở cụ thể hóa số lượng người thực hiện hành vi phạm tội: ""Nhóm tội phạm có tổ chức" nghĩa là một nhóm có cơ cấu gồm từ ba người trở lên, tồn tại trong một thời gian và hoạt động có phối hợp để thực hiện một hay nhiều tội phạm nghiêm trọng hoặc các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước này, nhằm giành được, trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích về tài chính hay vật chất khác"[18]. So sánh khái niệm của Công ước với pháp luật hình sự Việt Nam về phạm tội có tổ chức cho thấy, "Nhóm tội phạm có tổ chức là một trường hợp đặc biệt của hình thức phạm tội có tổ chức. Đó là hình thức đồng phạm nhiều người câu kết với nhau để cùng thực hiện một tội phạm"[69, tr.49]. Như vậy, nhóm tội phạm có tổ chức có thể coi là khái niệm tương đồng với tổ chức tội phạm. Đây chính là một trong số những điểm tương đồng giữa luật hình sự Việt Nam với pháp luật hình sự quốc tế mà cụ thể là Công ước trong việc quy định về nhóm tội phạm có tổ chức.

Thuật ngữ tổ chức tội phạm đã phổ biến ở các nước phát triển từ rất lâu trong lịch sử. Trong đó, một tên gọi chúng ta thường hay nghe nhắc đến là Mafia. Mafia được coi là tổ chức tội phạm có kỷ luật cao nhất, hoạt động bí mật nhất và thường được kết hợp thống nhất giữa tội phạm và quyền lực công. Trong giai đoạn hiện nay, dù muốn hay không, các quốc gia đều phải thừa nhận rằng tổ chức tội phạm là một tổ chức bất hợp pháp được thành lập nhằm mục đích thực hiện tội phạm. Và thực tế, sự hiện hữu của các tổ chức tội phạm đã gây nguy hiểm lớn cho xã hội dù tổ chức này đã thực hiện tội phạm hay chưa, đã thực hiện tội phạm một hay nhiều lần, đã thực hiện một hay nhiều tội phạm. Có thể thấy, mức độ nguy hiểm của tổ chức tội phạm cao hơn hẳn so với phạm tội có tổ chức. Trong những năm gần đây, ở Việt Nam, ngày càng nhiều tổ chức được thành lập nhằm mục đích thực hiện tội phạm mà hiện nay thường được gọi là băng, ổ, nhóm tội phạm hoặc tổ chức tội phạm theo kiểu xã hội đen. "Các tổ chức này chuyên hoạt động phạm tội trên nhiều lĩnh vực, thậm chí cấu kết với các tổ chức tội phạm nước ngoài, dùng bạo lực hoặc nhiều thủ đoạn nguy hiểm để mở rộng và tăng mức độ ảnh hưởng của tổ chức"[57, tr.15]. Tổ chức tội phạm theo kiểu xã hội đen nổi bật được nhắc đến là Phúc Bồ, Khánh Trắng ở Hà Nội và Trương Văn Cam ở thành phố Hồ Chí Minh với việc thực hiện nhiều loại tội phạm khác nhau. Việc hình thành, tồn tại và phát triển các tổ chức tội phạm nêu trên không chỉ gây ra hậu quả cho xã hội qua các tội phạm do các tổ chức tội phạm đó gây ra mà còn thể hiện ở sự gây nguy hại nghiêm trọng cho trật tự, an toàn công cộng. Bản thân sự thành lập những tập hợp người có cùng mục đích phạm tội mà chưa cần có hoạt động phạm tội cụ thể đã đe dọa gây nguy hại cho trật tự, an toàn công cộng. Chính vì vậy, việc đấu tranh chống các tổ chức tội phạm này không thể chỉ thông qua việc đấu tranh chống các tội phạm có tổ chức do các tổ chức tội phạm gây ra mà cần phải được bắt đầu ngay từ khi tổ chức tội phạm đó được hình thành, tức là phải bao gồm cả việc đấu tranh chống sự hình thành và tồn tại của các tổ chức tội phạm nhằm hạn chế sự hình thành và gia tăng của các tổ chức tội phạm cũng như ngăn chặn các tội phạm có tổ chức do các tổ chức tội phạm thực hiện. Tuy nhiên, quy định của BLHS hiện hành về các tội phạm có dấu hiệu "có tổ chức" nói

chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng chưa đáp ứng được yêu cầu đó. Các quy định này của BLHS hiện hành mới chỉ cho phép đấu tranh chống các tổ chức tội phạm thông qua việc đấu tranh chống các tội phạm do các tổ chức đó thực hiện mà chưa tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh trực tiếp và ngăn chặn kịp thời sự hình thành và tồn tại của các tổ chức tội phạm. Vì vậy, việc quy định cụ thể về tội phạm có tổ chức trong BLHS để có cơ sở xử lý hình sự một cách đúng đắn, công bằng, phù hợp là rất cần thiết. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu nội luật hóa Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đối với quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam. Vì lẽ đó, theo tác giả, BLHS nên có thêm quy định coi những hành vi thành lập, tham gia hoặc hỗ trợ tổ chức có mục đích thực hiện tội phạm là tội phạm mà không chỉ dừng lại ở việc quy định hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm đặc biệt như tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân mới là tội phạm.

2.1.3. Khái niệm, đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Việc phân tích khái niệm và đặc điểm của tội cướp tài sản cũng như khái niệm, đặc điểm của phạm tội có tổ chức không có mục đích tự thân mà là tạo tiền đề về mặt lý luận cho việc xây dựng khái niệm và phân tích đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, qua đó làm rõ vì sao pháp luật hình sự Việt Nam lại quy định là trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt, là hình thức đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội.

Khái niệm về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức không thể không xây dựng trên cơ sở khái niệm tội phạm nói chung, khái niệm tội cướp tài sản và khái niệm phạm tội có tổ chức, bởi mối liên hệ giữa những khái niệm đó là mối liên hệ giữa cái chung, cái riêng và cái đơn nhất. Cần nhấn mạnh thêm rằng, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được tiếp cận dưới góc độ luật hình sự, theo đó được hiểu là hành vi cướp tài sản có tổ chức mà không phải là một hiện tượng xã hội. Hơn thế, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức không phải là tội danh độc lập với tội cướp tài sản mà chỉ là một trường hợp phạm tội của

tội cướp tài sản được thực hiện dưới hình thức đồng phạm mang tính chất có tổ chức. Trong đó, hành vi phạm tội cướp tài sản không do một cá nhân thực hiện mà đòi hỏi sự tham gia của nhiều người và giữa họ có sự câu kết với nhau một cách chặt chẽ. Bởi vậy, có quan điểm khẳng định: "Phạm tội cướp tài sản có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện việc cướp tài sản, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu"[53, tr. 203]. Phân tích nội hàm của khái niệm phạm tội cướp tài sản có tổ chức, được nêu ra trong quan điểm trên đây, có thể thấy, mặc dù chỉ ra được nó là trường hợp phạm tội của tội cướp tài sản được thực hiện có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện việc cướp tài sản. Vậy vấn đề đặt ra ở đây là kế hoạch đó đã được thực hiện hay chưa, thì lời văn không rõ. Hơn thế, cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đâu chỉ do người cầm đầu điều khiển mà còn có thể do người chủ mưu, người chỉ huy điều khiển. Đồng thời, nói đến tội phạm nói chung cũng như tội cướp tài sản nói riêng mà tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là một trường hợp (tình tiết định khung tăng nặng) của nó, cần phải nói đến hành vi nguy hiểm cho xã hội. Vấn đề là ở chỗ, không có hành vi nguy hiểm (đáng kể) cho xã hội thì không có tội phạm. Trong khi đó khái niệm nêu trên mới chỉ đề cập đến phạm tội cướp tài sản có tổ chức. Thiết nghĩ, sẽ là hợp lý nếu trong khái niệm về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, ngoài việc khẳng định là hành vi, còn nêu thêm phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi, các đặc điểm về độ tuổi, về năng lực chịu trách nhiệm hình sự và mục đích của hành vi. Như vậy, kết hợp khái niệm và các dấu hiệu của tội phạm (nói chung), khái niệm và đặc điểm của tội cướp tài sản, khái niệm và đặc điểm của phạm tội có tổ chức, có thể xây dựng khái niệm về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức như sau: *Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác, do nhiều người đều có năng lực trách nhiệm hình sự và đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự câu kết chặt chẽ với nhau cùng thực hiện một cách cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác.*

Như vậy, với tính cách là một trường hợp phạm tội của tội cướp tài sản, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, trước hết phải có các dấu hiệu của một tội phạm nói chung, tức hành vi phạm tội phải có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội, tính trái pháp luật hình sự, tính có lỗi và tính phải chịu hình phạt. Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng phải thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản, cả về khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan. Nói cách khác, để được coi là tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, nó phải được xác định, trước hết là tội cướp tài sản. Vậy thì, tại sao tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức dưới hình thức đồng phạm được nhà làm luật quy định là trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt? Và tại sao tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức bị coi là hình thức đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội? Câu trả lời nằm ở chính các đặc điểm đặc trưng (vốn có) của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức quyết định tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của nó so với trường hợp phạm tội cướp tài sản với những dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản. Những đặc điểm đó bao gồm:

Thứ nhất, thể hiện ở đặc điểm nhiều người cùng thực hiện tội cướp tài sản.

Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, trước hết là hình thức đồng phạm, hay nói cách khác đây là tội cướp tài sản được thực hiện bằng (dưới) hình thức đồng phạm. Đây là trường hợp có hai người trở lên cùng cố ý thực hiện tội cướp tài sản. Hay nói cách khác, đây là cướp tài sản trong trường hợp đặc biệt. Tính đặc biệt đó, trước hết thể hiện ở khía cạnh chủ thể thực hiện tội phạm. Tại cấu thành tội phạm cơ bản của các tội phạm cụ thể có chủ thể của tội phạm là thể nhân (cá nhân) được quy định tại Phần các tội phạm của BLHS, nhà làm luật quy định một người. Chẳng hạn, tại Khoản 1 Điều 168 BLHS năm 2015 về tội "Cướp tài sản", nhà làm luật quy định "Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc... thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm". Trong khi đó, với tính cách là đồng phạm, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có hai người trở lên cùng thực hiện tội phạm. Trong vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, tùy

thuộc vào quy mô và tính chất của đồng phạm mà có thể có số lượng người tham gia thực hiện khác nhau, nhưng ít nhất là hai người. Khi vụ cướp tài sản được thực hiện dưới hình thức phạm tội có tổ chức, thường có ba người trở lên tham gia với những vai trò khác nhau như người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Người tổ chức được cả lý luận lẫn cả pháp luật thừa nhận gồm người chủ mưu, người cầm đầu, người chỉ huy. Vậy thì tại sao lý luận và pháp luật đều thừa nhận điều đó. Vấn đề là ở chỗ, thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung, tội cướp tài sản nói chung cho thấy, có những trường hợp ba vai trò chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy tập trung vào một người mà pháp luật quy định là người tổ chức, nhưng cũng có những trường hợp mỗi vai trò nói trên do ba người khác nhau nắm giữ, theo đó người chủ mưu là người đề xướng chủ trương, phương hướng hoạt động của nhóm đồng phạm cướp tài sản, trực tiếp điều khiển hoặc không trực tiếp điều khiển hoạt động của nhóm. Người cầm đầu là người thành lập nhóm đồng phạm cướp tài sản hoặc tham gia vào việc soạn thảo kế hoạch, phân công, giao trách nhiệm cho đồng bọn cũng như đôn đốc, điều khiển hoạt động của nhóm đồng phạm cướp tài sản. Người chỉ huy là người điều khiển trực tiếp của nhóm đồng phạm cướp tài sản có vũ trang hoặc bán vũ trang. Thực tiễn cũng cho thấy, người tổ chức trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có thể tồn tại dưới một trong ba dạng là chủ mưu, cầm đầu hoặc chỉ huy; nhưng cũng có thể kết hợp hai dạng chủ mưu với cầm đầu, chủ mưu với chỉ huy, cầm đầu với chỉ huy và cũng có thể kết hợp cả ba dạng. Người tổ chức vụ phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có thể có những hành vi như khởi xướng, vạch kế hoạch thực hiện, kế hoạch che giấu sau khi cướp tài sản, rủ rê lôi kéo người khác, phân công trách nhiệm, đôn đốc thúc đẩy các đồng phạm khác cùng thực hiện tội phạm,… Với vai trò như vậy, người tổ chức luôn được coi là người có hành vi nguy hiểm nhất trong vụ cướp có tổ chức. Trong số những người đồng phạm phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, người tổ chức bao giờ cũng bị trừng phạt nghiêm khắc hơn. Khi quyết định hình phạt, mức hình phạt đối với người tổ chức trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thường cao hơn

mức hình phạt đối với người thực hành, người xúi giục hoặc người giúp sức nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau.

Người thực hành: Trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức luôn có người thực hành. Người thực hành trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là người thực hiện những hành vi thuộc mặt khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm tăng nặng của tội cướp tài sản, tức là người trực tiếp dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác làm cho nạn nhân lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của người thực hành có ảnh hưởng trực tiếp tới hậu quả của tội phạm. Nếu người thực hành không thực hiện được những hành vi nói trên thì tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chỉ dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt. Khi đó TNHS đặt ra đối với những người đồng phạm khác cũng thay đổi rất nhiều. Trong một số trường hợp người thực hành không thực hiện đúng kế hoạch phạm tội của những người đồng phạm khác, hoặc vẫn thỏa mãn quy định của tội cướp tài sản nhưng hành vi đó có thể không đáp ứng đủ yêu cầu của những người đồng phạm hoặc cũng có thể vượt quá những yêu cầu đó (hành vi vượt quá của người thực hành) khi đó tùy từng trường hợp mà xét tới TNHS của những người đồng phạm khác... Mặc dù không giữ vai trò nguy hiểm nhất trong đồng phạm cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, nhưng người thực hành giữ vai trò trung tâm trong vụ án có đồng phạm cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, vì hành vi của người thực hành trong vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là cơ sở để định tội danh, để xác định giai đoạn thực hiện tội phạm, để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Nói cách khác, TNHS của những người đồng phạm khác trong vụ án có tổ chức nói chung và cướp có tổ chức nói riêng phụ thuộc vào hành vi của người thực hành.

Người xúi giục người khác cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội cướp tài sản. Hành vi xúi giục tác động đến tư tưởng và ý chí của người khác, làm xuất hiện ý định phạm tội và thúc đẩy người này thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản. Hành vi này thể

hiện qua nhiều phương thức như kích động, mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ, cưỡng ép, đe dọa,... nhưng khái quát lại nó bao gồm hai phương thức cơ bản là thuyết phục và bắt buộc. Một hành vi được coi là xúi giục trong tội cướp tài sản phải thỏa mãn các điều kiện: Một là, người xúi giục trong tội cướp tài sản đã thực hiện việc xúi giục một cách trực tiếp nhằm mục đích để người khác thực hiện hành vi cướp tài sản và nhằm vào đối tượng người thực hành cụ thể. Nếu chỉ có hành vi kích động chung chung, bâng quơ không nhằm vào một ai, một nhóm người cụ thể thì không bị coi là người xúi giục trong đồng phạm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; Hai là, người xúi giục đã có hành vi xúi giục cụ thể nhằm gây ra việc thực hiện tội cướp tài sản. Nếu chỉ tác động bằng cách gieo rắc, truyền bá, phổ biến ý tưởng cướp tài sản cho một số người, khiến những người này đi vào con đường phạm tội cướp tài sản cũng không phải là hành vi xúi giục trong đồng phạm cướp tài sản mà chỉ có thể cấu thành tội phạm độc lập khác; Ba là, người xúi giục phải đã có ý định rõ ràng thúc đẩy người khác phạm tội cướp tài sản. Người có lời nói hoặc việc làm có thể gây ảnh hưởng đến việc phạm tội cướp tài sản của người khác nhưng không có ý định thúc đẩy người này phạm tội cướp tài sản thì cũng không phải là người xúi giục trong vụ cướp tài sản dưới hình thức đồng phạm có tổ chức. Hành vi xúi giục đã có liên quan trực tiếp đến toàn bộ hoạt động tội phạm của những người đồng phạm khác, người thực hiện tội phạm trước khi bị xúi giục chưa có ý định phạm tội mà sau khi có người khác xúi giục họ mới nảy sinh ý định phạm tội. Tuy nhiên, nếu xúi giục người dưới 14 tuổi hoặc người không có năng lực TNHS thực hiện hành vi phạm tội thì hành vi xúi giục được coi là hành vi thực hành thông qua hành vi của người không chịu trách nhiệm hình sự.

Người giúp sức là người tạo những điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện hành vi cướp tài sản. Người giúp sức có thể giúp về tinh thần hoặc vật chất, bằng lời nói, lời khuyên, động viên người thực hành, cung cấp các phương tiện cần thiết (như dao, súng, dây trói…), chỉ dẫn cách thức thực hiện hành vi cướp tài sản hoặc khắc phục những trở ngại trong quá trình thực hiện hành vi cướp tài sản, hứa hẹn che giấu tội phạm, tìm chỗ ẩn nấp, xóa dấu vết phạm tội,… cho người thực

hành hoặc có nghĩa vụ thực hiện một công việc nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ của mình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội. Về thời điểm, hành vi giúp sức được tiến hành trước hoặc trong khi người phạm tội thực hiện hành vi cướp tài sản, tức là phải trước khi cướp tài sản kết thúc. Bởi vì, sự giúp sức chỉ có tác dụng hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm trong quá trình thực hiện nó.

Thực tiễn cho thấy, trong một vụ cướp tài sản dưới hình thức có tổ chức không nhất thiết phải có đầy đủ 04 loại người đồng phạm nêu trên. Tuy nhiên, trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, người thực hành luôn luôn phải tồn tại bất kể khi thực hiện hành vi phạm tội người đó có thực hiện được các hành vi được mô tả trong mặt khách quan của CTTP hay không, tất cả những người đồng phạm đều phải cùng chịu TNHS về tội cướp tài sản thực hiện. Người thực hành thực hiện hành vi cướp tài sản được đến đâu thì những người đồng phạm khác phải chịu trách nhiệm đến đó. Trong trường hợp người thực hành thực hiện hành vi vượt quá sự bàn bạc, nhất trí của những người đồng phạm khác trong vụ án cướp tài sản thì những người đồng phạm này không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá đó, tương tự như vậy, nếu người nào trong số những người đồng phạm tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì chỉ người đó được miễn TNHS về tội định phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ TNHS thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.

Như vậy, hành vi phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức khác với hành vi cướp tài sản được thực hiện bởi một người (đơn lẻ) ở tính cùng thực hiện hay là tính liên hiệp hành động, có nghĩa là hành vi của mỗi người trong đồng phạm có tổ chức mang liên hiệp hành động, móc xích, tác động, hỗ trợ, thúc đẩy, tạo tiền đề cho nhau, bởi hành vi của người thực hành là kết quả của hành vi của những người đồng phạm khác, còn hành vi của những người đồng phạm khác là tiền đề, điều kiện để hành vi cướp tài sản của người thực hành được thực hiện có "kết quả", đạt được mục đích chiếm đoạt được tài sản của người khác.

Rõ ràng "đặc điểm nhiều người" cùng tham gia thực hiện tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, kéo theo nhiều dạng "hành vi đồng phạm" khác nhau

và "tính liên hiệp hành động" của chúng. Bởi vậy, tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức so với tội cướp tài sản được thực hiện hành vi đơn lẻ được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản không chỉ được quyết định bởi số lượng nhiều người tham gia thực hiện tội cướp tài sản mà còn được quyết định bởi "tính liên hiệp hành động" trong hành vi của những người tham gia thực hiện tội phạm đó.

Thứ hai, thể hiện ở đặc điểm cùng cố ý thực hiện tội phạm

Tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức so với tội cướp tài sản với những dấu hiệu được mô tả trong cấu thành cơ bản của tội cướp tài sản còn thể hiện ở những dấu hiệu chủ quan của nó với tính cách là một hình thức đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội. Điều đó không chỉ được quyết định bởi đặc điểm "cùng cố ý phạm tội" của những người tham gia vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, mà còn được quyết định bởi cả đặc điểm "cấu kết chặt chẽ" giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Nếu như, trong trường hợp cướp tài sản với những dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản, hành vi cướp tài sản là biểu hiện ý chí của một người phạm tội ra thế giới bên ngoài dưới hình thức hành động, thì trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, hành vi cướp tài sản "hội tụ" vào nó lý trí và ý chí của tất cả những người đồng phạm trong vụ cướp tài sản. Về hình thức lỗi, tội cướp tài sản có lỗi cố ý trực tiếp. Trong khi đó, lỗi thể hiện thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi và đối với hậu quả do hành vi tội phạm gây ra. Như vậy, khi tham gia thực hiện tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, tất cả những người đồng phạm đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà hành vi phạm tội của mình gây ra, nhưng mong muốn cho hậu quả xảy ra. Tất nhiên, hành vi của những người đồng phạm khác thông qua hành vi của người thực hành gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Chính đặc điểm "cố ý cùng thực hiện tội phạm" trong tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, tạo niềm tin, sự quyết tâm thực hiện hành vi cướp tài sản của người thực hành. Thực tiễn cho thấy,

các trường hợp phạm tội cướp tài sản có tổ chức được thực hiện "mạnh mẽ, "quyết liệt" đến cùng, gây ra hậu quả rất lớn cho xã hội.

Thứ ba, thể hiện ở hình thức đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội – phạm tội có tổ chức

Tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức so với trường hợp cướp tài sản được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản còn thể hiện ở đặc điểm "cấu kết chặt chẽ" giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Đặc điểm này của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thể hiện những đặc điểm cả về mặt khách quan lẫn về mặt chủ quan của đồng phạm. Điều đó có nghĩa là đặc điểm này không chỉ thể hiện ở dấu hiệu nhiều người và dấu hiệu cùng thực hiện tội cướp tài sản, mà còn thể hiện mức độ cao của dấu hiệu cùng cố ý thực hiện tội cướp tài sản thể hiện ở sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Nhìn từ góc độ đặc điểm về mặt khách quan của đồng phạm, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm phức tạp thể hiện ở chỗ, ngoài một hoặc một số người có vai trò là người thực hành, còn có người tổ chức, người xúi dục hoặc người giúp sức. Nhìn từ góc độ đặc điểm về mặt chủ quan, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước được đặc trưng bởi sự bàn bạc, thoả thuận giữa những người đồng phạm về việc cùng thực hiện tội cướp tài sản. Sự bàn bạc thoả thuận đó giữa những người đồng phạm có thể diễn ra ngay trước khi bắt tay vào việc thực hiện vụ cướp tài sản hoặc ở một thời điểm thực hiện tội phạm. Sự bàn bạc thỏa thuận đó có thể về một số khía cạnh cụ thể của việc phạm tội cướp tài sản hoặc chỉ liên quan đến che dấu tội phạm mà không nhất thiết phải về toàn bộ các hoạt động phạm tội cướp tài sản. Sự bàn bạc trước cũng có thể rất chi tiết về thực hiện tội cướp tài sản, cũng có thể về một số tội phạm cùng thực hiện. Chẳng hạn, những người đồng phạm bàn bạc, thoả thuận về thực hiện tội cướp tài sản và về tội giết người, trong trường hợp bị hại chống trả. Với đặc điểm này, đồng phạm có thông mưu trước có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn đồng phạm không có thông mưu trước.

Trong sự kết hợp các đặc điểm cả về mặt khách quan, lẫn về mặt chủ quan của đồng phạm, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là phạm tội có tổ chức mà theo pháp luật hình sự là có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm (Khoản 3 Điều 17 BLHS năm 2015). Sự câu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thể hiện ở mức độ phân hóa vai trò, nhiệm vụ cụ thể của những người đồng phạm: người tổ chức, người thực hành, người xúi dục, người giúp sức cũng như ở sự bàn bạc, thỏa thuận ở mức độ thống nhất cao, chặt chẽ, chi tiết về thực hiện vụ cướp tài sản. Trước khi thực hiện tội phạm, những người đồng phạm bàn bạc trước và có sự phân công thực hiện tội phạm. Thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho thấy, trước khi thực hiện vụ cướp tài sản, những người đồng phạm cùng bàn bạc kỹ lưỡng, chi tiết kế hoạch phạm tội cướp tài sản dưới sự chỉ đạo, điều khiển thống nhất của người tổ chức. Đi với đó là phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia, trong đó, mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi và chịu sự điều khiển của người tổ chức. Dấu hiệu có tổ chức phản ánh phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Việc phạm tội luôn được chuẩn bị chu đáo, cẩn thận trên mọi mặt về kế hoạch thực hiện tội phạm, kế hoạch che dấu tội phạm,… Vì vậy, hành vi cướp tài sản được thực hiện một cách tinh vi, xảo quyệt, táo bạo hơn, gây hậu quả lớn hơn và dễ dàng che dấu tội phạm hơn so với trường hợp phạm tội riêng lẻ.

Thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức ở nước ta cho thấy, sự câu kết chặt chẽ thể hiện ở các dạng: thứ nhất, những người đồng phạm cướp tài sản đã tham gia một băng nhóm cướp tài sản; thứ hai, những người đồng phạm cướp tài sản đã cùng nhau phạm tội cướp tài sản nhiều lần, theo một kế hoạch đã thống nhất trước; thứ ba, những người đồng phạm cướp tài sản chỉ thực hiện tội cướp tài sản một lần, nhưng đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch đã được bàn bạc, thỏa thuận kỹ càng, chu đáo, có chuẩn bị phương tiện, có khi cả chuẩn bị kế hoạch che dấu tội phạm.

Từ những điều phân tích khái quát trên đây, có thể thấy, chính những đặc điểm đặc thù của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức gắn liền với những

dấu hiệu khách quan và chủ quan của hình thức đồng phạm, nội dung của đồng phạm, hình thức của đồng phạm, tính chất của đồng phạm, số người trong đồng phạm, mức độ câu kết, phương thức hoạt động, khả năng thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản... chính là cơ sở lý luận để khẳng định tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội và pháp luật hình sự quy định là tình tiết định khung tăng nặng (dấu hiệu của cấu thành tội phạm tăng nặng của tội cướp tài sản) để trên cơ sở quy định tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với những người đồng phạm. Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, việc pháp luật hình sự nước ta quy định tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là tình tiết định khung tăng nặng (định khung hình phạt tăng nặng) của tội cướp tài sản là nhằm thực hiện và phù hợp với chính sách hình sự: kết hợp nghiêm trị với khoan hồng, kết hợp cưỡng chế với thuyết phục giáo dục, của Nhà nước ta, các nguyên tắc của luật hình sự như pháp chế, công bằng, bình đẳng, phân hóa tội phạm và cá thể hóa hình phạt, nhân đạo... Thêm nữa là để đấu tranh phòng ngừa và chống có hiệu quả tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

2.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

2.2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trước năm 1945

Trong lịch sử phát triển của đất nước, các quy định pháp luật của các triều đại phong kiến Việt Nam luôn luôn chú trọng tới việc bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Ở thời kỳ này các quy tắc xử sự chung chỉ được thể hiện qua các chiếu chỉ, dụ, sắc lệnh của Nhà vua mà chưa được pháp điển hóa thành các văn bản quy định pháp luật mang tính hệ thống. "Trước kia, việc kiện tụng trong nhà nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sai trung thư[1] san định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời thế, chia ra môn loại, biến thành điều

[1] Năm 1471, lần đầu tiên ở nước ta, Vua Lê Thánh Tông cho lập Trung thư giám, một chức quan chuyên giữ việc biên chép kim, ngân tiên, biểu chế, văn tế các miếu của triều đình.

khoản, làm thành sách Hình thư của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện…"[44, tr.24]. "Những hành vi mà ngày nay chúng ta gọi là "phạm tội có tổ chức" hay "tội phạm có tổ chức" cũng đã tìm thấy dấu ấn của mình trong cách thể hiện chế định "tòng phạm" hay "đồng phạm", tất nhiên mới chỉ ở mức độ chung, sơ lược nhất"[41, tr.23].

Từ các triều đại Lý, Trần, hình luật đã được chú trọng, tuy nhiên do ảnh hưởng nhiều yếu tố, đặc biệt là do thời gian và chiến tranh nên cho tới nay các bộ hình luật này đều bị thất truyền. Trong một số công trình nghiên cứu của người xưa còn lưu giữ được thì "nhìn chung, các nhà lập pháp thời này vẫn chưa xây dựng được khái niệm đồng phạm, mặc dầu hành vi đồng phạm đã được chú ý và các thuật ngữ "tòng phạm", "tùng phạm" đã được sử dụng để chỉ đồng phạm. Các băng đảng tội phạm bị gọi chung là "giặc", hoặc "bè đảng", "đảng cướp". Các tổ chức tội phạm hoạt động bí mật thì gọi là "hội kín""[41, tr.23]. Như vậy có thể nói trong giai đoạn này, chế định về tội cướp tài sản có tổ chức vẫn mang tính chung chung với dưới góc độ tội phạm nói chung mà chưa có quy định riêng về tội danh này. Đến triều đại nhà Lê, trong hơn 360 năm tồn tại, nhà Lê đã để lại những thành tựu hết sức to lớn trong lĩnh vực pháp luật. Trong đó, có thể kể tới các đạo luật như "Quốc Triều Hình luật", "Quốc triều luật lệnh", "Lê triều quan chế", "Thiên Nam Dư Hạ", "Hồng Đức Thiện Chính",… Tuy nhiên, nổi bật và quan trọng nhất trong số các đạo luật thời này là bộ "Quốc Triều Hình luật", gồm 6 tập được hoàn thiện dưới thời vua Lê Thánh Tông. Đây là thành tựu chung của toàn bộ nền pháp luật thời Lê với nhiều lần được bổ sung và hoàn chỉnh. "Quốc Triều Hình luật" có các quy định riêng về các tội phạm trong lĩnh vực hình sự, trong đó có quy định tội cướp nằm trong chương "Đạo tặc". Cụ thể, tội cướp được quy định tại Điều 16, quyển IV:

"Những kẻ ăn cướp, nghĩa là ban đêm cầm khí giới giết người lấy của, thủ phạm thì xử chém; kẻ tòng phạm xử giảo; ngoài việc phải đền tang vật ăn cướp, điền sản phải sung công. Cướp của lại giết người thì xử chém bêu đầu; tòng phạm xử chém, phải nộp tiền đền mạng và phải đền tiền tang vật gấp đôi trả cho nhà chủ bị cướp. Kẻ chứa chấp kẻ cướp lâu ngày thi bị xử đồng đội, mới khoảng 10 ngày thì

xử giảm một bậc, đều phải bồi thường một phần ba nộp vào kho. Kẻ biết việc mà không cáo giác thì xử tội đồ làm chủng điền binh"[44, tr.21].

Theo quy định trên, người bị coi là phạm tội cướp khi dùng vũ lực, vũ khí tấn công để chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong điều luật có quy định luôn cả các chế tài dân sự, việc bồi thường cho người bị hại và nộp phạt cho triều đình khi phạm tội, quy định hình phạt đối với cả kẻ đồng phạm, người không tố giác và che giấu tội phạm trong cùng một điều luật. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 18 quyển số IV, một trường hợp khác của tội cướp phải bị chém bêu đầu, tuy nhiên dấu hiệu này được quy định tại một điều luật riêng biệt và có thể hiểu là dấu hiệu định tội: "Ăn cướp mà lại hiếp dâm thì xử chém bêu đầu, tội chém; điền sản kẻ phạm tội đền trả cho nhà khổ chủ". Như vậy, có thể thấy đạo luật quy định khá chi tiết về tội cướp tài sản với chế tài hình sự rõ ràng áp dụng đối với người phạm tội, tuy nhiên trường hợp đủ dấu hiệu định tội nhưng kẻ cướp gây thương tích nặng cho nạn nhân lại không có chế tài tăng nặng. Điều luật cũng không để cho các quan lại khi xét xử được phép "tùy nghi" áp dụng các chế tài khác nhẹ hơn, hoặc có nhiều tình tiết giảm nhẹ cũng như tăng nặng so với "cấu thành tội phạm cơ bản". Trong một điều luật khác được quy định trong chương đạo tặc về hành vi về mặt khách quan được hiểu là tội cướp hay cưỡng đoạt tài sản. Tuy nhiên, điều luật lại quy định hành vi đó thỏa mãn dấu hiệu của tội trộm cắp, với chế tài được giảm hơn so với hành vi dùng vũ lực: "Dọa nạt người để lấy của thì khép vào tội trộm mà giảm một bậc, dẫu sự dọa nạt không đáng sợ, nhưng người có của vẫn sợ mà phải đem cho, thì người dọa lấy của cũng phải tội như thế, chưa lấy được của cải, thì xử 60 trượng, biếm hai tư".

Hoàng Việt Luật Lệ (hay còn gọi là Luật Gia Long) được xây dựng và hoàn thiện dưới Triều vua Gia Long - nhà Nguyễn. Đạo luật này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định của Bộ luật nổi tiếng trong lịch sử là bộ "Quốc Triều Hình luật", nhưng với số lượng chương, điều lớn hơn, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Hình luật cũng được quy định rất cụ thể và chi tiết. Hành vi cướp được quy định tại phần Hình luật thuộc quyển 12 cùng với nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản khác (như trộm cắp, cưỡng đoạt tài sản, công nhiên chiếm đoạt

tài sản,…) được mô tả kèm theo đó là hình phạt được áp dụng và có giải thích rõ các quy định trong điều luật của Triều đình. Tại mục 2 của Phần Đạo tặc Trung có quy định về hành vi "Bạch trú sang đoạt" (Sang đoạt ban ngày) với lời giải thích người lấy không có hung hăng lấy là sang đoạt, người lấy với thái độ hung hăng là cướp, cụ thể như sau:

"Phàm giữa ban ngày mà sang đoạt tiền của người ta, không kể tang vật, phạt 100 trượng, đồ 3 năm, tính số tang vật mà luận tội, hễ nặng thì thêm tội trộm cắp hai bậc. Mút tội là 100 trượng, lưu 300 dặm, làm người bị thương, thủ lãnh bị chém giam chờ, kẻ a tùng, mỗi đứa giảm một bậc so với thủ lãnh và bên cánh tay, mặt xâm hai chữ "sang đoạt"[59, tr.558].

Như vậy so với quy định về cướp tài sản trong "Quốc Triều Hình luật" thì "Hoàng Việt Luật lệ" có quy định cụ thể hơn về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có đồng phạm, có sự phân biệt giữa người chủ mưu và những người phạm tội còn lại, trong đó người chủ mưu phải chịu hình phạt nặng hơn các trường hợp khác. Điều luật còn có quy định trường hợp không cướp được của định chiếm đoạt, chiếm đoạt được của cải khác không có ý định chiếm mà đem trả lại của cải đó thì được miễn tội mà không bị truy cứu về hành vi phạm tội chưa đạt, do đó chế tài không đặt ra theo ý thức chủ quan trong mục đích chiếm đoạt tài sản của người thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hoàng Việt Luật lệ cũng quy định một số trường hợp mà theo pháp luật hiện đại từ các tội chiếm đoạt khác được chuyển hóa thành tội cướp: "Nếu ăn trộm chống cự lúc bị bắt và gây thương tích cho người thì phạt chém, được của hay không được của đều chém"[59, tr.558]. Quy định này không phân biệt rõ trường hợp chống cự lại nhằm bỏ trốn hay nhằm giữ bằng được tài sản. Luật còn có thêm quy định mới trường hợp được coi là dấu hiệu định tội, tuy nhiên trong điều khoản cụ thể nhà làm luật lại định tội cho hành vi này là "cướp giựt mạnh": "Phàm cướp giựt mạnh nhưng không lấy được tiền, đều phải phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm, được tiền của người chủ nó, thì không chia xử, xong đều chém hết, tuy về sau theo tang vật, buộc tội theo cố ý. Không chia xử theo tang vật là cứ phạt 100 trượng, lưu đày 3000 dặm. Những lần không thực hiện trộm, lại cũng

không chia tang vật, chỉ phạt 100 trượng. Nếu bỏ thuốc mê để lấy của người thì tội đồng vậy, nếu lấy được tiền thì xử chém"[59, tr.559].

Hành vi này được quy định trong tội cưỡng đoạt. Tại các điều luật cụ thể tuy không có quy định rõ ràng về các tình tiết định khung của tội cướp nhưng tại phần giải thích cho mỗi điều luật có thể hình dung ra các quy định liên quan đến chế định này. Về hành vi cướp bóc mang tính chuyên nghiệp và có tổ chức luật quy định "Tổ chức đánh cướp lớn trên sông, biển thì chiểu theo luật lệ, chém ngay, bêu đầu" [59, tr.559], hay "Phàm kẻ bạo trộm cầm cung tên, quân khí ban ngày, ban mặt đón đường cướp của. Nếu tang chứng rõ ràng thì không chia ra nhiều ít, được tiền hay không đều y luật xử chém. Bêu đầu chỗ y gây cướp bóc để cảnh cáo mọi người"[59, tr.56].

Thời kỳ thuộc địa, thực dân Pháp áp dụng pháp luật hà khắc, chủ yếu nhằm đàn áp các phong trào và các cá nhân yêu nước, các quan hệ xã hội được điều chỉnh cả bằng các sắc luật cũ của triều đại phong kiến bù nhìn và các quy định mới được ban hành bởi chế độ thực dân. Ở miền Bắc, từ năm 1928, thực dân Pháp cho sử dụng Bộ luật hình sự Tu chính (Hình luật Bắc phần). Ở miền Trung, từ năm 1933, chúng tiếp tục sử dụng Bộ Hoàng Việt Hình luật nhưng có thay đổi những điều khoản không phù hợp với lợi ích của Pháp bằng đạo dụ số 43 ngày 03/7/1933 ban bố Hoàng Việt Tân định Hình luật (Hình luật Trung phần). Trong đó, bộ "Hoàng Việt Hình Luật", quy định về tội cướp tài sản cũng như đồng phạm, cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức được quy định một cách tương đối cụ thể. Ví dụ như quy định tại Điều 112: "Hễ ai làm đầu một đảng nào có từ 20 người trở lên hay là có chịu một chức trách hệ trọng, hay là quyền chỉ huy trong đảng ấy, hoặc để xâm chiếm các công sản, công vật hay là công khố, phố xá, thành quách, nhà thờ tự, hay là các công tư hội quán, các kho tàng hay là các nhà cửa của nhà nước hay là của làng; hoặc cướp hay phân chia các công vật của nhà nước, của làng hay của đồng dân; hoặc là để ngăn trở sự thâu nạp thuế lệ, hoặc là chống cự lại binh lực tuần trấp; thời sẽ bị tội tử hình". Trong chiến tranh, bạo loạn, tội cướp bị xử lý nặng hơn: "trong khi phiến động, hễ người nào hoặc là do sự hành hung hay dọa nạt, hoặc bởi sự cướp phá phố xá đồn sở, kho tàng, trại lính và các công sở, tư sở khác mà chiếm

lấy khí giới đạn dược hay là cướp lấy khí giới đạn dược của quan quân hay là các người tuần trấp thời bất cứ là chánh phạm hay là tùng phạm đều sẽ bị tội khổ sai từ 10 năm đến 20 năm". Trong chương thứ XXII của Hoàng Việt Hình Luật quy định về Tội đại hình và tội trừng trị về sự xâm phạm tài sản người ta. Trong đó, tại mục thứ 2 quy định về trộm cướp có quy định về việc chuyển hóa tội phạm từ trộm sang cướp, tuy quy định chưa thực sự rõ ràng: Người nào phạm về một khoản trong những khoản trộm sau này sẽ bị khổ sai chung thân: nếu ăn trộm có hành hung mà làm cho người ta có dấu bị thương hay bị đốt. Đồng phạm hay tùng phạm sẽ bị khổ sai từ 6 năm đến 20 năm. Như vậy, quy định về tội cướp tài sản cũng như đồng phạm về tội này đều được quy định mặc dù chưa thực sự đầy đủ. Tuy nhiên, "vấn đề tội phạm có tổ chức vẫn chưa thấy được nói đến. Trong các đạo luật hồi đó cũng chỉ mới nhắc đến thuật ngữ "tòng phạm", "a tòng", "đồng phạm""[41, tr.26]. "Vai trò của những người cùng tham gia một tội phạm có tính chất đồng phạm được xác định bằng người "gây việc hoặc tạo ý", "người đề xướng hoặc xúc xử", "người tái phạm" và tất cả những người đó được gọi bằng thuật ngữ "đồng can""[41, tr.26]. Thuật ngữ phạm tội có tổ chức, cướp có tổ chức chưa được đề cập đến.

2.2.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với nhiều khó khăn chồng chất về mọi mặt. Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc trấn áp tội phạm bằng các sắc lệnh trên nhiều lĩnh vực. Không cầu toàn, thụ động hay hẹp hòi và trân trọng kế thừa những giá trị tốt đẹp trong kỷ cương xã hội mà ông cha ta đã xây dựng, ngày 10/10/1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 47 về việc giữ tạm thời các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung, Nam bộ cho đến khi ban hành các văn bản luật duy nhất cho toàn quốc. Để bảo vệ chính quyền mới, Sắc lệnh số 47 quy định "Cho đến khi ban hành những bộ luật duy nhất cho toàn cõi nước Việt Nam, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ vẫn tạm thời giữ

nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong sắc lệnh này"[16]. Và "Những điều khoản trong các luật lệ cũ được tạm giữ lại do sắc lệnh này, chỉ thi hành khi nào không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hoà"[16]. Sắc lệnh này được ban hành đã hạn chế đến mức thấp nhất sự xáo trộn trong đời sống xã hội của nhân dân, góp phần ổn định trật tự xã hội. Theo đó, trong lĩnh vực hình sự, ba văn bản được sử dụng là "Bộ Luật Hình An Nam ban bố tại Bắc bộ do Dụ ngày 25 tháng 8 năm 1921 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 02 tháng 12 năm 1921 cùng những Dụ và nghị định sửa đổi bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Bắc bộ kể cả Hà Nội và Hải Phòng"[16]; "Bộ Hoàng Việt Hình Luật ban bố tại Trung bộ do Dụ ngày 03 tháng 7 năm 1933 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 04 tháng 7 năm 1933 cùng những Dụ và nghị định sửa đổi Bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Trung bộ kể cả Đà Nẵng"[16]; "Bộ hình luật pháp tu chỉnh do sắc lệnh ngày 31 tháng 12 năm 1912 cùng những sắc lệnh sửa đổi sắc lệnh ấy vẫn thi hành ở Nam bộ"[16]. Trong đó, các văn bản trên đều đề cập đến quy định đối với tội cướp tài sản cho thấy mức độ phổ biến của loại tội phạm này ở giai đoạn lịch sử đó.

Trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản, việc hướng dẫn áp dụng hình phạt một cách nghiêm khắc và thống nhất trên phạm vi toàn quốc để trừng trị, răn đe cũng như giáo dục là rất cần thiết. Vì vậy, ngày 19/01/1955, Chính phủ đã ban hành Thông tư số 442/TTg về việc trừng trị một số tội phạm, trong đó có tội cướp tài sản. Trong đó quy định: "Cướp đường hay trộm có tổ chức, có bạo lực có dùng vũ khí để dọa nạt thì phạt tù từ 3 đến 10 năm. Cướp của mà có giết người có thể phạt đến tử hình". Đây là tình tiết tăng nặng định khung của tội cướp tài sản. Tuy nhiên, Thông tư này không giải thích "có tổ chức" được hiểu như thế nào trong trường hợp này.

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, việc trừng trị các tội xâm phạm tài sản nói chung và tội cướp tài sản nói riêng được Nhà nước rất quan tâm. Tuy nhiên, chế độ sở hữu đối với tài sản ở nước ta thời kỳ đó chia làm hai loại là sở hữu của Nhà nước và sở hữu của công dân. Vì vậy, quy định về các tội xâm

phạm sở hữu nói chung và tội cướp tài sản nói riêng cũng được quy định ở hai văn bản khác nhau đó là Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa số 149-LCT ngày 21/10/1970 và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân số 150-LCT ngày 21/10/1970. Trong đó, hai văn bản này quy định rõ về tài sản, cụ thể: "Tài sản riêng của công dân được Nhà nước bảo hộ gồm có của cải do sức lao động của công dân làm ra, của cải thu nhập một cách hợp pháp hoặc để dành được, như tiền bạc, lương thực, quần áo, nhà ở, gia súc, xe cộ, tư trang, văn hóa phẩm và đồ dùng riêng khác"[107]. Còn "Tài sản xã hội chủ nghĩa bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước (tức là sở hữu của toàn dân) và tài sản thuộc quyền sở hữu của hợp tác xã và các tổ chức hợp pháp khác của nhân dân (tức là sở hữu của tập thể)"[108]. Trên cơ sở đó, hai văn bản này đã quy định về các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tội cướp tài sản với hai tội danh riêng biệt: tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội cướp tài sản riêng của công dân với tình tiết tăng nặng định khung phạm tội "có tổ chức". Tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa quy định mức hình phạt đối với tội phạm này ở khung cơ bản là phạt tù từ 5 năm đến 15 năm tù; phạm tội trong trường hợp có tổ chức là từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Tội cướp tài sản riêng của công dân quy định mức hình phạt đối với tội phạm này ở khung cơ bản là từ 2 năm đến 12 năm tù; phạm tội trong trường hợp có tổ chức là từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Có thể thấy rằng, mức hình phạt ở khung cơ bản cũng như mức hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định trong tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa là nặng hơn thể hiện tầm quan trọng của hình thức sở hữu của Nhà nước, của tập thể ở giai đoạn lịch sử này. Bên cạnh đó, với tư cách là tình tiết định khung tăng nặng được quy định một cách độc lập, hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức ở cả hai tội danh đều được quy định nặng hơn so với hình phạt ở khung cơ bản. Hành vi được cho là cướp tài sản trong cả hai tội danh trên chỉ được mô tả "kẻ nào dùng bạo lực để chiếm đoạt...". Hành vi chiếm đoạt tài sản bằng cách đe dọa dùng vũ lực và các biện pháp khác làm cho nạn nhân lâm vào tình trạng không thể chống cự được đều không được quy định. Phạm tội có tổ chức đã được quy định ở hai tội danh với

tư cách là tình tiết định khung tăng nặng nhưng không có khái niệm về phạm tội có tổ chức. Điều này đã gây khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật khi thực thi hai pháp lệnh trên. Từ thực tế đó, ba ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án đã dự thảo Thông tư ngày 16/3/1973 hướng dẫn nhận thức thống nhất về hai pháp lệnh này. Thông tư đã đưa ra cách hiểu về khái niệm phạm tội có tổ chức như sau:

"... Phải xuất phát từ đặc điểm, tình hình phạm tội ở nước ta mà hiểu như thế nào là phạm tội có tổ chức. Đây là một hình thức cộng phạm của hai hay nhiều người, trong đó có một số tên cầm đầu hoặc đóng vai trò chủ chốt, cùng bàn bạc trước việc thực hiện một hoặc nhiều tội phạm nào đó, thủ đoạn phạm tội thường là tinh vi, xảo quyệt, vai trò của từng tên, phân công giữa bọn chúng trong nhiều trường hợp có thể không dứt khoát, rõ ràng; hoặc lợi dụng hay nấp dưới danh nghĩa một tổ chức công khai để bàn bạc về việc thực hiện tội phạm; hoặc có khi chúng không bàn bạc nhau trước, nhưng do quan hệ công tác hàng ngày nên hiểu ý đồ nhau rồi cùng hành động phạm tội, mặc nhiên cấu kết chặt chẽ. Cần chú ý phân biệt hình thức phạm tội có tổ chức với hình thức cộng phạm thông thường trong đó không có sự bàn bạc, phân công chặt chẽ trước, không có vai trò cầm đầu chủ chốt, thủ đoạn phạm tội đơn giản".[91, tr.239]

Như vậy, theo dự thảo thông tư này, phạm tội có tổ chức trước hết là một hình thức cộng phạm của hai hay nhiều người, trong đó có sự phân công vai trò của từng người cộng phạm và có vai trò cầm đầu, chủ chốt, có sự bàn bạc trước khi thực hiện một hay nhiều tội phạm, thủ đoạn phạm tội thường là tinh vi xảo quyệt. Đây là khái niệm phạm tội có tổ chức nói chung và được áp dụng với tư cách là tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội cướp tài sản riêng của công dân. Mặc dù vậy, khái niệm phạm tội có tổ chức này lần đầu tiên được đưa ra, vẫn còn mang tính chất sơ khai, chưa thực sự toàn diện, đầy đủ

2.2.3. Quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự năm 1985

Việc các văn bản quy phạm pháp luật hình sự đơn hành ở giai đoạn trước không thể hiện được toàn diện, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính

sách hình sự của Nhà nước ta. Vì vậy, việc ban hành BLHS là tất yếu khách quan, có ý nghĩa góp phần thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để đáp ứng yêu cầu đó, ngày 27/06/1985, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII đã thông qua BLHS, có hiệu lực từ ngày 01/01/1986 (gọi tắt là BLHS năm 1985) gồm hai phần (Phần chung và Phần các tội phạm) và có tổng cộng 12 chương với 280 điều nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực hình sự. Đây là bước phát triển đột phá trong tiến trình xây dựng luật pháp của đất nước ta. Bộ luật hình sự năm 1985 đã trải qua 04 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997 nhằm đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn.

Bộ luật hình sự năm 1985 đã kế thừa và phát triển những thành tựu của luật hình sự Việt Nam, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian trước năm 1985 và dự báo được tình hình tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng. Chế độ sở hữu của Việt Nam thời điểm này vẫn chia thành sở hữu nhà nước và sở hữu của công dân. Chính vì vậy, quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu cũng chia thành hai chương riêng biệt là chương IV (Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa) và chương VI (các tội xâm phạm sở hữu của công dân). Theo đó, tội cướp tài sản cũng được chia thành tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa (Điều 129 BLHS năm 1985) và tội cướp tài sản của công dân (Điều 151 BLHS năm 1985). Ở hai điều luật này, đối tượng của tội phạm là tài sản thuộc sở hữu của hai chủ thể khác nhau nhưng định nghĩa về tội cướp tài sản được đưa ra một cách thống nhất: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản…"[46]. Như vậy dù có đối tượng là tài sản thuộc sở hữu của ai thì tội cướp tài sản cũng có ba hành vi khách quan là: dùng vũ lực, đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực và hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được, cả ba hành vi này đều gắn liền với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với tội cướp tài sản của công dân nhẹ hơn so với mức hình phạt của tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa. Điều

này xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ lịch sử đó chủ yếu chú trọng đến nền kinh tế quốc doanh, pháp luật ưu tiên bảo vệ tài sản chung xã hội chủ nghĩa. Dấu hiệu định khung phạm tội "có tổ chức" cũng đã được quy định ở cả hai điều luật, cụ thể là được quy định gộp với dấu hiệu "có tính chất chuyên nghiệp" tại Khoản 2 Điều 129 và Khoản 2 Điều 151 BLHS năm 1985 nhưng mức hình phạt ở hai tội danh này lại khác nhau. Dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 129 BLHS năm 1985 (Tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa) bị quy định mức hình phạt từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình trong khi mức hình phạt ở khung cơ bản là từ 05 đến 15 năm tù; mức hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản có dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 151 BLHS năm 1985 (Tội cướp tài sản của công dân) chỉ là phạt tù từ 05 đến 15 năm trong khi mức hình phạt ở khung cơ bản là từ 03 đến 07 năm tù. Như vậy, mức hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội có tổ chức ở cả hai tội danh này luôn nặng hơn khung cơ bản. Bên cạnh đó, mức hình phạt áp dụng đối với trường hợp phạm tội có tổ chức ở tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa nặng hơn so với tội cướp tài sản của công dân.

Như vậy, BLHS năm 1985 đã chính thức ghi nhận tội cướp tài sản, xác định được các dấu hiệu pháp lý của loại tội phạm này và định ra các hình phạt phù hợp cho hành vi phạm tội này cũng như quy định về tình tiết định khung phạm tội có tổ chức đối với tội cướp tài sản. Tuy nhiên, thế nào là "tài sản xã hội chủ nghĩa" thì BLHS không có quy định. Bên cạnh đó, mặc dù đã nhiều lần chỉnh sửa bổ sung nhưng BLHS năm 1985 vẫn còn những hạn chế, bất cập bởi vừa phải chịu ảnh hưởng bởi cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp không phù hợp cho việc bảo vệ các quan hệ phát sinh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vừa bị hạn chế về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự ở giai đoạn đó.

Bên cạnh đó, hướng dẫn thi hành cho các quy định của BLHS năm 1985, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều văn bản. Trong đó, hướng dẫn liên quan đến tội cướp tài sản và phạm tội có tổ chức có một số văn bản như: Nghị quyết số 04-

HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS có nội dung hướng dẫn về tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội cướp tài sản của công dân tại chương 2; Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19/04/1989 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, đã có nội dung hướng dẫn về việc chuyển hóa từ một số hình thức chiếm đoạt tài sản thành cướp tài sản. Đặc biệt, Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 05/01/1986 đã có hướng dẫn tương đối cụ thể về tình tiết phạm tội có tổ chức, về dấu hiệu "câu kết chặt chẽ" trong phạm tội có tổ chức. Theo đó, phạm tội có tổ chức phải có từ 2 người trở lên cố ý cùng tham gia phạm tội và có sự nhất trí của những người cùng thực hiện tội phạm. Nếu cùng thực hiện tội phạm mà không có sự nhất trí thì không phải là đồng phạm. Bên cạnh đó, mặc dù không phải bất cứ trường hợp nào có bàn bạc trước và có phân công thực hiện tội phạm đều là phạm tội có tổ chức nhưng phạm tội có tổ chức thường có bàn bạc trước và sự phân công thực hiện tội phạm vì phạm tội có tổ chức phải có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, nếu việc thực hiện tội phạm giản đơn, không đòi hỏi phải có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo thì không phải là phạm tội có tổ chức. Sự câu kết giữa những người cùng phạm tội có tổ chức là bắt buộc này có thể thể hiện dưới nhiều dạng. Trường hợp phạm tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa dưới hình thức phạm tội có tổ chức và cướp tài sản của công dân dưới hình thức phạm tội có tổ chức đều áp dụng cách hiểu về phạm tội có tổ chức như trên. Các văn bản này tuy hiện tại đã hết hiệu lực thi hành nhưng nhiều nội dung được hướng dẫn, trong đó có hướng dẫn về tội cướp tài sản, tình tiết phạm tội có tổ chức vẫn mang giá trị tham khảo khi nghiên cứu, áp dụng pháp luật ở thời điểm hiện tại.

2.2.4. Quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong Bộ luật hình sự năm 1999

Sau năm 1986, với quan điểm đổi mới về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vị trí bình đẳng của các thành phần kinh tế, tài sản của Nhà nước, tập thể và của công dân được bảo vệ như nhau trước pháp luật. Do vậy, ngày 22/12/1999, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X tại kỳ họp thứ 6, đã thông qua BLHS (sau đây gọi tắt là BLHS năm 1999), thay thế cho BLHS năm 1985 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000. BLHS năm 1999 ra đời đã thể chế hóa quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Trong đó, các tội xâm phạm sở hữu được quy định chung trong một chương (chương XIV) mà không tách ra thành hai chương như trong BLHS năm 1985. Bên cạnh đó, BLHS năm 1999 có nhiều điểm mới cơ bản, đặc biệt là việc BLHS năm 1999 đã có quy định, trong đó tiếp tục định nghĩa cụ thể về tội cướp tài sản tại một điều luật, đó là Điều 133, thuộc Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu": "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản". Như vậy có thể nói, pháp luật hình sự Việt Nam đã chính thức quy định tội cướp tài sản từ BLHS năm 1985 và đã hoàn thiện một cách cụ thể hơn về tội danh này tại BLHS năm 1999: BLHS năm 1999 cơ bản vẫn giữ những nội dung được quy định trước đó, trong đó có quy định về các hành vi thuộc dấu hiệu khách quan của tội cướp tài sản, chỉ hoán vị để chặt chẽ và khoa học hơn từ "dùng ngay tức khắc vũ lực" thành "dùng vũ lực ngay tức khắc". Điều 133 BLHS năm 1999 đã cơ bản định nghĩa được tội cướp tài sản, xác định được các dấu hiệu của tội phạm, đồng thời quy định trách nhiệm hình sự cũng như các hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội này. Với quan điểm không còn phân biệt sở hữu xã hội chủ nghĩa hay là sở hữu công dân, tội cướp tài sản được quy định duy nhất tại Điều 133 mà không phân biệt hai điều luật như trước đây, hành vi cướp đối với mọi loại tài sản đều bị xử phạt như nhau. Bên cạnh đó, Điều 133 BLHS năm 1999 quy định tội phạm và hình phạt một cách cụ thể hơn, tội cướp tài sản được quy

định thành 5 khoản (Điều 129 và Điều 151 BLHS năm 1985 chỉ có 2 khoản), mức hình phạt cao nhất vẫn là chung thân, tử hình. Nhà làm luật còn quy định thêm nhiều tình tiết là yếu tố định khung hình phạt mà BLHS năm 1985 chưa quy định như: chia ra nhiều mức độ gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác theo tỷ lệ thương tật cụ thể; cụ thể hóa định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt và chia thành nhiều mức; chia mức độ gây hậu quả thành nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, bên cạnh hình phạt chính, Điều 133 BLHS năm 1999 còn quy định mới về các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng đối với tội phạm này bao gồm: phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú. Như vậy, hình phạt nói chung đối với người phạm tội cướp tài sản đã được quy định nặng hơn trước. Điều này chứng tỏ sự đánh giá của Nhà nước về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi cướp đã tăng lên. Điều 133 BLHS năm 1999 cũng tiếp tục quy định tình tiết tăng nặng định khung phạm tội "có tổ chức" như quy định tại BLHS năm 1985 nhưng là một tình tiết tăng nặng định khung độc lập, không còn ghép với tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được quy định là từ 07 năm đến 15 năm tù, cao hơn so với mức hình phạt ở khung cơ bản chỉ là từ 03 năm đến 10 năm tù. Khái niệm phạm tội có tổ chức nói chung cũng tiếp tục được kế thừa ở một điều luật riêng biệt tại phần chung của BLHS nằm trong điều luật chung quy định về đồng phạm. Theo đó, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Khái niệm này không có gì thay đổi so với quy định tại BLHS năm 1985. Tuy nhiên, giai đoạn này các cơ quan có thẩm quyền không ban hành văn bản hướng dẫn giải thích rõ hơn cho trường hợp phạm tội có tổ chức. Vì vậy, khi áp dụng pháp luật để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tham khảo, áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 05-01-1986.

2.2.5. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Ngày 27/11/2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII tại kỳ họp thứ 9, đã thông qua BLHS, sau đó được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015). BLHS này ra đời thay thế cho BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, đã thể chế hóa được quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. BLHS năm 2015 vẫn tiếp tục kế thừa và phát huy những gì mà BLHS năm 1999 đã quy định trong thời gian vừa qua, vẫn giữ nguyên hai phần chính là phần chung và phần các tội phạm. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 vẫn có những điểm mới so với BLHS năm 1999 như quy định thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân, phạm vi trách nhiệm của pháp nhân, đã giảm bớt 07 tội danh có quy định hình phạt tử hình, trong đó có tội cướp tài sản,... Tội cướp tài sản được quy định tại Điều 168 BLHS năm 2015 cũng có nhiều điểm, khoản được sửa đổi, bổ sung so với Điều 133 BLHS năm 1999 như: quy định bổ sung một khoản trong điều luật; sửa đổi, bổ sung thêm một số quy định mới; bỏ quy định hình phạt tử hình đối với tội danh này. Việc bỏ quy định về hình phạt tử hình đối với tội cướp tài sản xuất phát từ yêu cầu thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta, phù hợp với xu hướng chung trên thế giới là thu hẹp dần tiến tới bỏ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, quy định về tình tiết định khung phạm tội có tổ chức trong BLHS hiện hành vẫn được giữ nguyên, là tình tiết tăng nặng định khung đầu tiên và mức hình phạt có thể bị áp dụng là từ 07 năm đến 15 năm tù.

- Dấu hiệu pháp lý của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là một trường hợp phạm tội thuộc tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp tài sản, cho nên nó trước hết phải thoả mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản của tội cướp tài sản. Cấu thành tội cướp tài sản được hiểu là hệ thống các dấu hiệu đặc trưng cho khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm. Cấu thành tội cướp tài sản nói chung, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được hợp thành bởi các yếu tố sau:

Thứ nhất, khách thể:

"Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại"[102, tr.102]. Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức khi được thực hiện cùng một lúc xâm hại hai khách thể là quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân. Tuy nhiên, khách thể chính ở đây là quan hệ sở hữu bởi vì mục đích chính và cuối cùng của tội này là nhằm chiếm đoạt tài sản tức là xâm phạm đến quan hệ sở hữu. Đây là lý do để tội danh này được xếp vào chương các tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, để thực hiện được mục đích chiếm đoạt tài sản, xâm hại đến quan hệ sở hữu thì chủ thể của tội phạm phải thực hiện hành vi tác động trái phép xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại và xâm phạm đến quan hệ nhân thân. Như vậy, thông qua việc xâm hại quan hệ nhân thân, chủ thể đã thực hiện được mục đích xâm phạm quan hệ sở hữu. Bởi được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, nên cả hai quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân khi bị xâm hại đều được coi là khách thể trực tiếp của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội của tội này là ở chỗ nó đã đồng thời xâm hại hai quan hệ xã hội quan trọng là sở hữu và nhân thân. Nếu không xâm phạm đến quan hệ nhân thân thì người phạm tội không thể xâm phạm đến quan hệ tài sản được.

Trong khách thể của tội phạm có bộ phận không thể thiếu, đó là đối tượng tác động của tội phạm vốn được hiểu "là tài sản và con người. "Tài sản" được hiểu là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản"[49]. Con người bị tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tác động thường là người đang quản lý tài sản. Tuy nhiên không nhất thiết người bị hại là người quản lý tài sản. Đó có thể là người có hành vi ngăn cản hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên người phạm tội đã dùng những hành vi khiến họ không thể chống cự được nhằm chiếm bằng được tài sản.

Thứ hai, mặt khách quan

"Mặt khách quan của tội phạm là mặt biểu hiện bên ngoài của tội phạm, là những biểu hiện của tội phạm ra thế giới khách quan, bao gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động), hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi đó gây ra, thời gian, địa

điểm, hoàn cảnh phạm tội, công cụ, thủ đoạn, phương tiện phạm tội"[124; tr.131]. Theo cách hiểu đó, mặt khách quan của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trước hết "được thể hiện qua hành vi khách quan của tội phạm là hành vi nhằm làm mất khả năng kháng cự của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản"[123; tr.165]. Hành vi phạm tội của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có thể được thực hiện dưới ba dạng: dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Hành vi dùng vũ lực được hiểu là hành vi (ở dạng hành động) dùng sức mạnh vật chất (có hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội) để tác động vào cơ thể của nạn nhân như đấm, đá, đâm, chém, bắn, bóp cổ, trói,... gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi dùng vũ lực có thể làm cho nạn nhân bị thương tích, bị tổn hại đến sức khỏe hoặc có thể làm nạn nhân chết, nhưng cũng có thể chưa gây ra thương tích đáng kể. Hành vi này trước hết là nhằm vào con người. Những hành vi không nhằm vào con người đều không phải là hành vi dùng vũ lực theo quy định của điều luật. Hành vi này phải ở mức độ có khả năng đè bẹp hoặc làm tê liệt sự chống cự của người bị tấn công. Thông thường, người phạm tội dùng vũ lực chủ yếu với người có trách nhiệm đối với tài sản, đặc biệt là chủ tài sản, tuy nhiên cũng có trường hợp để đạt được mục đích của mình mà người phạm tội còn dùng vũ lực đối với bất cứ người nào mà về ý thức chủ quan của họ cho rằng cản trở việc chiếm đoạt tài sản của mình. Người có trách nhiệm về tài sản có thể có mặt tại nơi xảy ra vụ án, nhưng cũng có thể không có mặt ở nơi xảy ra vụ án thì người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Trong những vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thì không nhất thiết tất cả những người tham gia đều dùng vũ lực, mà chỉ cần một hoặc một số người dùng vũ lực, còn những người khác có thể không dùng vũ lực hoặc chỉ đe dọa dùng ngay tức khắc vũ lực hoặc chỉ thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng tất cả những người cùng tham gia đều bị coi là dùng vũ lực và bị truy cứu TNHS về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là "hành vi bằng lời nói, cử chỉ chuyển tải đến người bị hại thông điệp: nếu người đó không giao tài sản hoặc cản trở việc chiếm đoạt tài sản thì hành vi dùng vũ lực để loại trừ khả năng chống cự của người bị hại sẽ được thực hiện ngay (đe dọa đâm, bắn…)"[123; tr.165]. Người phạm tội dùng lời nói hoặc hành động nhằm đe dọa người bị hại, nếu người bị hại không giao tài sản thì họ sẽ bị tấn công ngay tức khắc. Đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, nghĩa là người phạm tội chưa sử dụng vũ lực, tuy nhiên người bị đe dọa không có thời gian để suy nghĩ và không có lựa chọn nào khác là phải giao tài sản. Khả năng này không phụ thuộc vào lời nói hoặc hành động của người phạm tội mà nó tiềm ẩn ngay trong hành vi của người phạm tội. Nói cách khác, hành vi này chỉ cần nhằm làm cho người bị đe dọa tin rằng việc đe dọa dùng vũ lực đó sẽ xảy ra ngay tức khắc mà không cần biết thực sự người phạm tội có ý định đó hay không.

Yếu tố ngay tức khắc ở đây được hiểu là ngay lập tức không chần chừ, khả năng xảy ra là tất yếu nếu bị hại không giao tài sản hoặc không để người phạm tội lấy được tài sản. Dấu hiệu này vừa chỉ sự nhanh chóng về mặt thời gian vừa chỉ sự mãnh liệt của hành vi đe dọa, làm cho người bị đe dọa thấy rằng vũ lực sẽ xảy ra ngay, không hoặc khó có điều kiện để tránh khỏi, giữa việc đe dọa và hành vi dùng vũ lực không có khoảng thời gian gián đoạn mà sẽ xảy ra liên tục. Sự đe dọa sẽ làm tê liệt ý chí của người bị đe dọa. Để đánh giá yếu tố "ngay tức khắc" cần căn cứ vào: Nội dung và hình thức đe dọa (đe dọa làm gì, thái độ đe dọa, công cụ phương tiện dùng để đe dọa,…); Hoàn cảnh không gian và thời gian, tương quan lực lượng hai bên tại thời điểm đe dọa; tình hình trật tự xã hội nơi và lúc xảy ra hành vi đe dọa. Hành vi này thường được kết hợp với những thái độ, cử chỉ, lời nói hung bạo để làm cho người bị tấn công sợ và tin rằng người phạm tội sẽ dùng bạo lực.

Hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được là hành vi không dùng vũ lực, không đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhưng làm cho nạn nhân lâm vào tình trạng không thể chống cự được. "Các hành vi này là hành vi tấn công khác hẳn với việc dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, hậu quả là làm nạn nhân không còn ý thức bảo vệ tài sản của mình cũng như không còn

khả năng quản lý được tài sản của mình nữa, khi đó người phạm tội không còn gặp bất cứ trở ngại nào trong việc chiếm đoạt tài sản nữa"[30, tr.164]. Hành vi này có thể là làm cho người bị tấn công tuy biết sự việc xảy ra nhưng không có cách nào chống cự được như bị trói, bị nhốt vào buồng kín không thể cầu cứu,… hoặc không thể nhận thức được sự việc đang xảy ra như lén lút cho dùng thuốc mê, ete, thuốc ngủ, chất kích thích,… làm cho nạn nhân lâm vào trạng thái hôn mê, không còn khả năng chống cự. Những hành vi này được coi là có cùng tính chất với hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc ở chỗ làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân.

Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được coi là hoàn thành khi người phạm tội có một trong ba hành vi khách quan nói trên nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, bất kể người phạm tội chiếm đoạt được tài sản hay chưa. Việc nạn nhân thực tế có bị lâm vào tình trạng không thể chống cự được hay không sẽ không ảnh hưởng đến việc định tội đối với tội danh này.

Hậu quả của tội phạm với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Nó chỉ là dấu hiệu định khung hình phạt hoặc chỉ là tình tiết để xem xét khi quyết định hình phạt. Hậu quả của tội này có thể là thiệt hại về tài sản nhưng cũng có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, quyền tự do thân thể, ... Bên cạnh đó, trong những trường hợp cụ thể có những yếu tố khác thuộc về mặt khách quan của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt như: mối quan hệ nhân - quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm, thời gian, địa điểm phạm tội, phương tiện, công cụ phạm tội, ...

Thứ ba, chủ thể

Theo lý luận chung, "Chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS bao gồm năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi của xã hội và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm theo luật định khi thực hiện hành vi phạm tội"[102, tr.142]. Đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, chủ thể là người đã thực hiện hành vi cướp tài sản, có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định. Bởi đặc điểm của hành vi,

lỗi, động cơ phạm tội... nên pháp nhân thương mại không thể là chủ thể của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Thứ tư, mặt chủ quan

"Mặt chủ quan của tội phạm là đặc điểm tâm lý bên trong của cách xử sự có tính chất tội phạm xâm hại đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự tức là thái độ tâm lý của chủ thể được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện đối với hậu quả của hành vi đó"[12, tr.367]. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm nhiều nội dung khác nhau, trong đó, dấu hiệu bắt buộc là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải có lỗi và hai dấu hiệu không bắt buộc là động cơ phạm tội và mục đích phạm tội.

Lỗi của người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội biết rõ hành vi của mình gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, biết rõ tài sản mình muốn chiếm đoạt là tài sản của người khác nhưng vẫn muốn chiếm đoạt tới cùng và biến tài sản đó thành của mình. Người phạm tội mong muốn hành vi của mình đè bẹp hoặc làm tê liệt được sự chống cự của người bị tấn công, để có thể thực hiện được mục đích chiếm đoạt tài sản.

Người phạm tội không chỉ cố ý thực hiện hành vi phạm tội mà còn phải có mục đích chiếm đoạt tài sản thì mới cấu thành tội phạm này. Ý thức chiếm đoạt của người phạm tội phải có trước khi thực hiện một trong các hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm. Việc có hay không có mục đích chiếm đoạt tài sản cũng như ý thức chiếm đoạt tài sản có trước hay sau khi thực hiện hành vi khách quan là dấu hiệu định tội của tội cướp tài sản và cũng là dấu hiệu để phân biệt tội cướp tài sản với một số tội phạm khác trong BLHS. Thực tiễn cho thấy có nhiều trường hợp tuy ban đầu người phạm tội không có ý định chiếm đoạt tài sản nhưng trong quá trình thực hiện hành vi, người phạm tội đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, hoặc ban đầu có hành vi khách quan của tội phạm xâm phạm sở hữu khác nhưng khi bị phát hiện và truy bắt đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt bằng được tài sản thì hành vi chiếm đoạt tài sản vẫn bị coi là phạm tội cướp tài sản. Khoa học luật

hình sự coi đó là trường hợp chuyển hóa từ tội phạm khác sang tội cướp tài sản, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Đó là trường hợp, "người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản"[92]. Như vậy, người phạm tội có mục đích giữ lại tài sản đã chiếm đoạt được bằng cách dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, hoặc có hành vi khác làm cho nạn nhân lâm vào tình trạng không thể chống cự được cũng thỏa mãn tội cướp tài sản. Trong trường hợp này mục đích chiếm đoạt tài sản cũng đã có trước khi thực hiện hành vi khách quan. Tuy nhiên, thực tế việc phân biệt giữa "hành hung để tẩu thoát" với hành hung để giữ bằng được tài sản trong một số trường hợp cụ thể là rất khó khăn, vì nó xảy ra một cách đan xen liên tiếp với nhau, nhất là đối với những loại tài sản gọn nhẹ, có thể cất giấu trong người được. Hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng thường vẫn coi là chuyển hóa từ tội khác sang tội cướp tài sản nếu người phạm tội đã có tài sản trong tay, bị chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản giằng giật lại tài sản mà người phạm tội cố tình dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm giữ bằng được tài sản đã chiếm đoạt. Đối với trường hợp người phạm tội chiếm đoạt tài sản gọn nhẹ có thể cất giấu trong người được, chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản mặc dù không biết tài sản đã bị người phạm tội chiếm đoạt được trước đó để đâu nhưng vẫn đuổi theo nhằm bắt người phạm tội, đồng thời lấy lại tài sản đã bị chiếm đoạt. Trong quá trình đuổi bắt, người phạm tội dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chống trả thì trong thực tiễn xét xử thường không coi là bị chuyển hóa thành hành vi cướp tài sản mà chỉ coi là hành vi hành hung để tẩu thoát. Thông thường trong trường hợp trên, khi bị truy cứu TNHS, người phạm tội thường chỉ khai nhận là muốn nhanh chóng thoát khỏi sự truy đuổi chứ không để ý đến tài sản. Còn các trường hợp tài sản lớn, cồng kềnh,… để chống trả được chủ tài sản hoặc người quản lý tài sản thì người phạm tội thường buộc phải "tạm thời" không nắm giữ tài sản đó nữa nên việc xác định chuyển hóa không khó khăn như đối với trường

hợp tài sản nhỏ gọn. Việc chứng minh hành vi chống trả của người phạm tội nhằm giữ bằng được tài sản trong trường hợp tài sản nhỏ gọn là rất khó, bởi về mặt khách quan hành vi của người phạm tội chỉ là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Cũng có một số ý kiến cho rằng chỉ coi là hành hung để tẩu thoát khi người phạm tội vứt bỏ lại tài sản chạy thoát thân. Tuy nhiên, xét theo hướng có lợi cho người phạm tội thì thông thường trong các trường hợp không chứng minh được mục đích giữ bằng được tài sản vừa chiếm đoạt thì các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ truy cứu người phạm tội về hành vi "hành hung để tẩu thoát" trong các tội phạm cụ thể khác mà không truy cứu TNHS về tội cướp tài sản, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

- Hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Đối với hình phạt chính: Người phạm tội cướp tài sản có thể bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn hoặc chung thân, trong đó, mức hình phạt khởi điểm là 03 năm tù đối với người phạm tội cướp tài sản ở khung cơ bản và cao nhất là chung thân đối với người phạm tội ở Khoản 4 Điều 168 BLHS. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi mà người phạm tội có thể bị áp dụng các mức hình phạt tương ứng khác nhau theo hướng hành vi càng nguy hiểm, gây ra hậu quả càng lớn thì hình phạt càng nghiêm khắc. Điều này thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước rất rõ ràng trong vấn đề xử lý và phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cướp tài sản. "Phạm tội có tổ chức" là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại Khoản 2 Điều 168 BLHS cùng với các tình tiết tăng nặng khác như: Có tính chất chuyên nghiệp; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%; Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác; Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Tái phạm nguy hiểm. Hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 168 BLHS là phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, đây là mức hình phạt tương đối nghiêm khắc. Bên cạnh đó, Khoản 5 Điều 168

BLHS còn có quy định về hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội cướp tài sản với mức hình phạt tù từ 01 đến 05 năm. Quy định này cũng được áp dụng cho người chuẩn bị phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Đối với hình phạt bổ sung: Bên cạnh hình phạt chính, người phạm tội cướp tài sản nói chung và phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung như: Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Kết quả nghiên cứu khái quát quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho thấy, nhà làm luật Việt Nam trong các thời kỳ phát triển của đất nước đều ghi nhận phạm tội có tổ chức là trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt. Về nội dung, ngày càng đầy đủ hơn, còn về trình độ kỹ thuật lập pháp ngày càng cao hơn. Quy định về phạm tội có tổ chức trong các văn bản quy phạm pháp luật qua các thời kỳ phát triển của đất nước cho thấy rõ thái độ nhất quán của Nhà nước là xử lý nghiêm khắc hơn đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức so với người phạm tội trong trường hợp thông thường. Đồng thời, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho thấy tính kế thừa và phát triển trong pháp luật hình sư nước ta về phạm tội có tổ chức.

2.3. Quy định của Bộ luật hình sự một số nước khác trên thế giới về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Trong pháp luật hình sự của nhiều nước trên thế giới, tội cướp tài sản là tội danh được quy định tương đối phổ biến. Trong đó cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được quy định hạn chế hơn với tên gọi khác nhau ở mỗi quốc gia. Tác giả đã nghiên cứu về quy định của một số quốc gia có điều kiện kinh tế, chính trị tương đồng hoặc có quy định tương đối rõ ràng về tội cướp tài sản có quy định trường hợp phạm tội có tổ chức để từ đó có sự so sánh, đánh giá nhằm học hỏi những điểm tiến bộ trong quy định pháp luật của các quốc gia này trong quá trình

đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

2.3.1. Quy định của Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Có nhiều sự tương đồng với quy định của BLHS Việt Nam, BLHS Liên bang Nga quy định về tội cướp tài sản và yếu tố có tổ chức trong tội danh này. Trong đó, Điều 162 BLHS Liên bang Nga quy định: "cướp có nghĩa là tấn công nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác kèm theo sử dụng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng và sức khỏe người khác hoặc đe dọa sử dụng vũ lực này"[97, tr.266]. Như vậy, theo quy định này, hành vi phạm tội cướp tài sản nói chung và cướp có tổ chức chỉ bao gồm hai hành vi: hành vi tấn công kèm theo sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. So với Điều 168 BLHS Việt Nam thì quy định của BLHS Liên bang Nga ít hơn một hành vi là "hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được". Thông qua quy định về hành vi khác, BLHS Việt Nam đã có sự bao quát và tính dự liệu cao đối với quy định về hành vi cướp tài sản nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Bên cạnh đó, quy định về cướp có tổ chức cũng được BLHS Liên bang Nga quy định ở hai trường hợp: cướp tài sản do nhóm người có bàn bạc trước thực hiện thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm và có thể kèm theo hình phạt tiền đến 1.000.000 rúp hoặc đến 05 năm tiền lương hay thu nhập khác của người bị kết án và có thể bị phạt hạn chế tự do đến 02 năm (Khoản 2 Điều 162); cướp được thực hiện bởi nhóm có tổ chức thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm và có thể kèm theo hình phạt tiền đến 1.000.000 rúp hoặc đến 05 năm tiền lương hay thu nhập khác của người bị kết án và có thể bị phạt hạn chế tự do đến 02 năm (Khoản 4 Điều 162). Đây là hai trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định một cách cụ thể, rõ ràng với sự phân biệt mức độ nguy hiểm khác nhau và từ đó cũng quy định mức hình phạt khác nhau một cách rõ nét. Trong đó, hành vi phạm tội cướp tài sản được thực hiện bởi nhóm có tổ chức có mức độ nguy hiểm cao hơn so với hành vi được thực hiện bởi nhóm người có bàn bạc từ trước (có thông mưu trước) thực hiện (mà nhóm đó không phải là nhóm có tổ chức). Như vậy, về bản chất, các trường hợp phạm tội trong hình thức phạm tội cướp có tổ chức được BLHS Liên bang Nga quy định tương tự như quy

định về hình thức phạm tội cướp có tổ chức trong quy định của BLHS Việt Nam mà cụ thể là các dạng phạm tội có tổ chức được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ. Tuy nhiên, trong các hình thức đó, BLHS Liên bang Nga quy định hai trường hợp riêng biệt trên cơ sở phân biệt mức độ nguy hiểm một cách cụ thể hơn. Còn BLHS Việt Nam chỉ quy định chung về phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản ở một điểm đối với tất cả các chủ thể và chỉ có một mức hình phạt chung mà không có sự phân biệt mức độ nguy hiểm của mỗi trường hợp. Hình phạt chính và hình phạt bổ sung đều được BLHS của hai nước quy định đối với người phạm tội cướp tài sản có tổ chức và mức hình phạt tù được quy định cũng tương đương nhau. Trên thực tế, hành vi phạm tội cướp có tổ chức được thực hiện bởi nhóm tội phạm có tổ chức thường sẽ có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với hành vi được thực hiện bởi những người không phải là nhóm có tổ chức. Vì vậy, theo tác giả, sự phân biệt trong quy định của Điều 162 BLHS Liên bang Nga là phù hợp, tiến bộ, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi mà tội cướp tài sản được thực hiện bởi các tổ chức tội phạm ngày càng nhiều và nguy hiểm hơn, gây ra hậu quả lớn cho xã hội. Chính vì vậy, sự phân biệt về đối tượng thực hiện tội phạm cướp có tổ chức từ đó quy định mức hình phạt phù hợp cho từng đối tượng là phù hợp, cần được tiếp thu, học tập khi xây dựng quy định này ở Việt Nam.

2.3.2. Quy định của Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Điều 263 BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa hiện hành quy định về tội cướp tài sản. Hành vi của tội cướp tài sản được quy định tương đối khác với quy định của BLHS Việt Nam, đó là hành vi dùng vũ lực, cưỡng ép hoặc các thủ đoạn khác để cướp tài sản của công hoặc tư. Tức là, theo quy định này, tội cướp tài sản bao gồm hành vi dùng vũ lực, cưỡng ép hoặc thủ đoạn khác. Quy định về hành vi cưỡng ép và thủ đoạn khác mang tính chất chung chung, không mô tả hành vi cụ thể. Các tình tiết tăng nặng định khung của tội cướp tài sản được BLHS Trung Hoa quy định bao gồm [21, tr.266]: "vào nhà người khác để cướp; cướp trên phương tiện giao thông công cộng; cướp nhà băng hoặc tổ chức tiền tệ khác; cướp nhiều lần hoặc với số lượng lớn; gây thương tích nặng, tử vong cho người khác; giả mạo là

cảnh sát hoặc quân nhân để cướp; dùng súng để cướp; cướp đồ dùng quân sự hoặc đồ cứu tế, cứu nạn". Hình phạt đối với các hành vi phạm tội trong các trường hợp này có thể lên đến chung thân, tử hình. Quy định này cho thấy BLHS Trung Hoa áp dụng hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản nặng hơn so với quy định của BLHS Việt Nam. Bên cạnh đó, quy định của BLHS Trung Hoa về tội cướp tài sản chỉ căn cứ vào địa điểm thực hiện hành vi, bị hại, hậu quả, công cụ phương tiện, tài sản mà không căn cứ hình thức phạm tội có tổ chức. Mặc dù Điều 25, 26 của Bộ luật này cũng có quy định chung về khái niệm đồng phạm, nguyên tắc quyết định hình phạt đối với từng vai trò thực hiện tội phạm trong đồng phạm, khái niệm nhóm tội phạm và TNHS của người tổ chức, cầm đầu nhóm tội phạm nhưng trong tội phạm cụ thể như Tội cướp tài sản lại không có quy định về trường hợp phạm tội này. Khái niệm nhóm tội phạm được quy định trong BLHS Trung Hoa được đưa ra một cách tương đối cụ thể: "Nhóm tội phạm là nhóm do ba người trở lên cùng phạm tội thành một tổ chức phạm tội tương đối cố định"[21, tr.48]. Khái niệm này có sự tương đồng với khái niệm nhóm tội phạm trong quy định của Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và khái niệm băng nhóm tội phạm có tổ chức trong quan điểm của một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam như GS.TS. Hồ Trọng Ngũ và các nhà nghiên cứu trong trong lực lượng Công an nhân dân. Trước xu hướng gia tăng của tội phạm có yếu tố có tổ chức và sự xuất hiện ngày càng nhiều của các tổ chức tội phạm ở các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thì đây là xu hướng nghiên cứu cần thiết và phổ biến hiện nay. Nhóm tội phạm hay tổ chức tội phạm là khái niệm cần thiết làm căn cứ cho việc truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội nói chung và tội cướp tài sản nói riêng được thực hiện bởi nhóm tội phạm có tổ chức. Vì vậy, việc nghiên cứu, quy định về nhóm tội phạm trong BLHS là rất cần thiết ở Việt Nam hiện nay.

2.3.3. Quy định của Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

Tội cướp tài sản được quy định trong BLHS Cộng hòa Liên bang Đức được quy định tại chương thứ hai mươi: Cướp và cưỡng đoạt. Trong đó, tội cướp tài sản được quy định tại nhiều điều luật trong chương này: Điều 249 (cướp), Điều 250

(cướp nghiêm trọng), Điều 251 (cướp với hậu quả chết người), Điều 252 (trộm có tính chất cướp), Điều 255 (cưỡng đoạt có tính chất cướp). Theo quy định của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức, cướp tài sản là "hành vi chiếm đoạt động sản bằng cách dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực gây nguy hại cho tính mạng và sức khỏe của chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt hoặc vì lợi ích của người thứ ba"[53, tr.424]. Như vậy, hành vi phạm tội cướp tài sản theo quy định của luật này chỉ bao gồm hai hành vi là dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực. Quy định này khác với quy định của BLHS Việt Nam là tội cướp tài sản có 3 dạng hành vi. Bên cạnh đó, Điều 252 BLHS Cộng hòa Liên bang Đức còn quy định về trộm có tính chất cướp. Theo đó, "người nào bị bắt quả tang khi trộm cắp mà dùng bạo lực hoặc sử dụng những sự đe dọa với sự nguy hiểm hiện hữu cho thân thể hoặc tính mạng chống lại một người để giữ sự chiếm hữu đồ vật đã trộm cắp được thì bị xử phạt như một người thực hiện tội phạm cướp"[98, tr.402]. Quy định này của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức giống với quy định tại Điều 281 BLHS Cộng hòa Ba Lan. Bộ luật hình sự Việt Nam không quy định về trường hợp này. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về các tội xâm phạm sở hữu, liên ngành tư pháp cũng đã có hướng dẫn về trường hợp này tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001. Theo đó, trong trường hợp trên, thực tiễn xét xử xác định là "đầu trộm, đuôi cướp" và xử lý về tội cướp tài sản. Mặc dù vậy, việc xử lý này không dựa trên căn cứ là BLHS mà chỉ dựa vào quy định ở một văn bản dưới luật. Vì vậy, việc các nhà lập pháp Cộng hòa Liên bang Đức ghi nhận dạng hành vi này trong BLHS rất đáng được các nhà lập pháp của Việt Nam quan tâm, học hỏi. Việc quy định dạng hành vi này vào BLHS là cần thiết để bảo đảm giá trị pháp lý khi áp dụng vào thực tiễn, nhất là trong điều kiện hiện nay thông tư liên tịch này cũng đã hiết hiệu lực với sự ra đời của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức còn ghi nhận về hành vi cưỡng đoạt có tính chất cướp tại Điều 255. Theo đó, "nếu sự cưỡng đoạt được thực hiện qua bạo lực hoặc qua việc sử dụng những sự đe dọa với sự nguy hiểm hiện hữu cho thân thể hoặc tính mạng chống lại một người thì người thực hiện tội phạm bị xử phạt như một người thực

hiện tội phạm cướp"[98, tr.404]. Như vậy, ngoài sự chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản thì BLHS Cộng hòa Liên bang Đức còn ghi nhận sự chuyển hóa từ tội cưỡng đoạt tài sản sang tội cướp tài sản thông qua hành vi dùng bạo lực hoặc đe dọa dùng bạo lực. Phạm vi của hành vi phạm tội cướp tài sản được BLHS Cộng hòa Liên bang Đức quy định tương đối rộng so với BLHS của các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.

Trên cơ sở quy định về các hành vi phạm tội cướp tài sản, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức quy định các tình tiết định khung tăng nặng của Tội cướp tài sản, trong đó có tình tiết phạm tội "có tổ chức" tại Khoản 1 Điều 250. Cụ thể, "người thực hiện tội cướp với tư cách là thành viên của một băng nhóm đã liên kết để thực hiện liên tiếp tội cướp hoặc trộm cắp với sự tham gia của một thành viên khác của băng nhóm"[98, tr.400]. Như vậy, theo quy định cụ thể này, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo quy định của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức chỉ bao gồm trường hợp tội phạm được thực hiện bởi băng nhóm có sự liên kết với nhau. Tuy nhiên, như thế nào được coi là băng nhóm thì lại không có quy định cụ thể. Bên cạnh đó, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức cũng không có điều luật quy định chung về trường hợp phạm tội có tổ chức mà trường hợp này chỉ được quy định trong từng tội phạm cụ thể như tội cướp tài sản và một số tội phạm khác. Điều này khác với Việt Nam khi quy định rõ về phạm tội có tổ chức cũng như hướng dẫn về các dạng phạm tội có tổ chức. Hành vi phạm tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức được được xếp vào loại cướp nghiêm trọng và quy định mức hình phạt là không dưới ba năm. Quy định này chỉ khống chế mức tối thiểu mà không có mức tối đa. Mức tối đa ở đây được áp dụng theo quy định chung về hình phạt tước tự do tại Điều 38, theo đó, mức cao nhất của hình phạt tước tự do là 15 năm. Như vậy có thể hiểu mức hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo BLHS Cộng hòa Liên bang Đức là từ 3 năm đến 15 năm. Trong khi BLHS Việt Nam quy định mức hình phạt cho hành vi tương ứng là từ 07 năm đến 15 năm. Có thể thấy, mức hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo BLHS Cộng hòa Liên bang Đức có

mức tối đa tương đương nhưng có mức tối thiểu thấp hơn nhiều so với quy định của BLHS Việt Nam (tương ứng với hình phạt áp dụng đối với loại tội ít nghiêm trọng).

2.3.4. Quy định của Bộ luật hình sự Cộng hòa Thụy Sĩ

Thụy Sĩ là quốc gia có biên giới với Cộng hòa Liên bang Đức ở phía Bắc, có một trong bốn ngôn ngữ chính thức là tiếng Đức, giữa hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng. Trong đó, cách tiếp cận của các nhà làm luật Cộng hòa Thụy Sĩ về xây dựng các cấu thành tội phạm tương ứng giống với cách tiếp cận của các nhà làm luật Cộng hòa Liên bang Đức. Chính vì vậy, quy định về tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng được quy định trong BLHS Cộng hòa Thụy Sĩ có nhiều điểm giống với quy định trong BLHS Cộng hòa Liên bang Đức. Cụ thể, Điều 140 BLHS Cộng hòa Thụy Sĩ quy định về Tội cướp tài sản. "Đó là hành vi trộm cắp tài sản có dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng hay sức khỏe của người khác hoặc có đe dọa dùng vũ lực đối với người khác"[53, tr.428]. Còn một trường hợp nữa cũng bị coi là phạm tội cướp tài sản, đó là nếu người đã trộm cắp tài sản dùng vũ lực nhằm giữ lại tài sản đã trộm cắp được. Như vậy, phạm vi những hành vi bị coi là cướp tài sản được quy định trong BLHS Cộng hòa Thụy Sĩ cũng chỉ bao gồm hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực mà không có quy định về "hành vi khác" như quy định của BLHS Việt Nam. Tuy nhiên có sự tương đồng đối với trường hợp chuyển hóa từ trộm cắp tài sản sang cướp tài sản. "Có tổ chức" cũng được các nhà làm luật Thụy Sĩ quy định là một tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Tội cướp tài sản. Tuy nhiên, thế nào là có tổ chức cũng không được bộ luật này quy định. Hình phạt đối với trường hợp phạm tội này tối thiểu là hai năm tù khổ sai. Nếu so với quy định của BLHS Việt Nam thì đây là mức hình phạt tương đối nhẹ.

Như vậy, trên thế giới, hình thức phạm tội có tổ chức nói chung và phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản nói riêng cũng được quy định trong luật hình sự ở nhiều quốc gia với các tên gọi và quan niệm khác nhau. Điều này cho thấy sự khác biệt đáng kể trong nhận thức của các nhà làm luật tại các quốc gia này về bản chất của tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói riêng. Trong đó, có một số quy định tiến bộ mà các nhà làm luật Việt Nam có

thể tham khảo trong quá trình xây dựng BLHS của Việt Nam như luật hóa trường hợp chuyển hóa tội phạm vào BLHS. Mặc dù vậy, giữa pháp luật hình sự một số quốc gia đã phân tích và Việt Nam có một số điểm chung cơ bản đối với tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói riêng, đó là đều quy định hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; đều có quy định về trường hợp chuyển hóa tội phạm. Đây chính là nền tảng để tiếp thu, học hỏi quy định của pháp luật nước ngoài, hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói riêng.

Tiểu kết chương 2

Tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được quy định khá sớm trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Qua quá trình lịch sử, pháp luật hình sự nói chung và quy định của pháp luật về tội cướp tài sản, cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng ngày càng được hoàn thiện để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

Qua nội dung chương này, tác giả đã giải quyết những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Trong đó, tác giả đã đưa ra và phân tích khái niệm tội cướp tài sản, phạm tội có tổ chức, từ đó đưa ra khái niệm và đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã phân tích quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam để thấy sự hoàn thiện của quy định này qua từng giai đoạn lịch sử. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã phân tích quy định về tội cướp tài sản và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong quy định của một số quốc gia khác trên thế giới nhằm rút ra những điểm tiến bộ có thể tham khảo đối với quy định của BLHS Việt Nam. Đặc biệt, tác giả đã phân tích các dấu hiệu pháp lý cơ bản của tội cướp tài sản và tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức trong tội danh này được quy định trong BLHS hiện hành. Đây là những vấn đề lý luận cơ bản làm cơ sở, nền tảng cho việc phân tích, đánh giá về thực trạng áp dụng pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ở chương 3.

Chương 3
THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Khái quát tình hình tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

3.1.1. Khái quát những vấn đề kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh có ảnh hưởng lớn đến tình hình tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những đô thị lớn nhất nước ta, một trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật quan trọng của cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 2.095,6 km² chiếm hơn 0,6% diện tích và dân số khoảng 8.993.082 người (thống kê đến 01/4/2019) chiếm khoảng 6,6% dân số cả nước [130]. Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, tiếp giáp với 6 tỉnh: phía bắc và phía đông là các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và một phần tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía tây là các tỉnh Tây Ninh, Long An và tỉnh Tiền Giang; về phía nam, thành phố tiếp giáp với Biển Đông. Đây được coi là đầu mối giao thông quan trọng và là cửa ngõ quốc tế nối Việt Nam với các nước Đông Nam Á cũng như trên thế giới với sự có mặt của các tuyến giao thông huyết mạch. Do đó, việc giao lưu với các vùng trong nước và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới rất thuận lợi.

Vị trí địa lí của thành phố Hồ Chí Minh là một thế mạnh, góp phần mở rộng giao lưu liên kết ở trong và ngoài nước, giúp kinh tế của thành phố nhanh chóng hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới. Trong những năm qua thành phố Hồ Chí Minh được đầu tư hệ thống giao thông hiện đại, đa dạng hóa các loại hình giao thông phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hoá, hành khách đi và đến thành phố. Bên cạnh đó, thành phố cũng là nơi tập trung các khu công nghiệp, khu chế xuất nhiều nhất trên cả nước. Đây là nơi hoạt động kinh tế năng động nhất, đi đầu trong cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đó là một trong những lý do khiến thành phố này thu hút đông đảo lao động từ các tỉnh thành khác trên cả nước về làm việc, sinh

sống, học tập. Dân số hàng năm của thành phố tăng nhanh do tăng tự nhiên và tăng do việc di dân từ các tỉnh khác cũng như từ nước ngoài. Có thể nói, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đang quá tải về dân số, các hiện tượng tiêu cực cũng nảy sinh từ đây. Dân số đông cũng dẫn đến sự phức tạp về an ninh trật tự. Tốc độ đô thị hóa nhanh, rộng khắp, việc xây dựng các dự án lớn diễn ra nhiều làm cho việc đền bù giải phóng mặt bằng diễn ra thường xuyên làm cho một bộ phận dân cư bỗng chốc trở thành tỷ phú. Việc tiêu tiền không có kế hoạch, hoang phí đã phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và khi hết tiền, túng quẫn đã lâm vào con đường phạm tội. Bên cạnh đó, nhu cầu sinh hoạt, giao dịch ngày càng cao, một bộ phận dân cư có tâm lý không muốn lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, muốn có tiền, thậm chí là rất nhiều tiền bằng con đường ngắn nhất. Tình hình chung đó dẫn đến tình hình an ninh trật tự của thành phố luôn phức tạp, phát sinh nhiều tệ nạn xã hội cũng như các loại tội phạm. Trong đó, các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung, tội cướp tài sản, cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp.

3.1.2. Khái quát tình hình xét xử tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Trong những năm vừa qua, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng tội phạm lớn và phức tạp nhất trên cả nước. Trong đó, tình hình tội cướp tài sản nói chung, cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong 11 năm qua từ năm 2011 đến năm 2021 có diễn biến tương đối phức tạp.

Theo số liệu thống kê (*xem bảng 3.1 – Phần phụ lục*), số vụ án cũng như số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh trong 11 năm qua là tương đối lớn, cụ thể, tổng số vụ án trong 11 năm là 1.714 vụ với 4.002 bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản. Như vậy, trung bình mỗi năm có 155,8 vụ án với 363,8 bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản. So với các địa phương khác trên cả nước thì con số này là tương đối lớn. Đối với số liệu của từng năm, các vụ án về tội cướp tài sản được xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh trong 11 năm qua tăng giảm không đều và

liên tục qua các năm nhưng nhìn chung có xu hướng giảm. Cụ thể, số vụ án cướp tài sản được xét xử năm 2011 là 255 vụ nhưng sau 11 năm, đến năm 2021, số vụ án chỉ còn 152 vụ; Số bị cáo cũng giảm từ 637 bị cáo năm 2011 xuống còn 384 bị cáo năm 2021. Tuy nhiên, qua các năm, số lượng vụ án cũng như số lượng bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản có biến động nhiều, tăng giảm không đều. Điều này thể hiện rõ nét hơn khi tính tỷ lệ số vụ án và số bị cáo. Cụ thể, nếu lấy số vụ án và số bị cáo năm 2011 là 100% thì số vụ án và số bị cáo của các năm tiếp theo có diễn biến tương đối phức tạp, xu hướng chung là giảm nhưng giảm không đều qua các năm (*xem bảng 3.2. – phần phụ lục*). Trong đó, so với năm 2011 thì tỷ lệ số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản qua các năm như sau: năm 2012 có tỷ lệ số vụ án giảm 8,2%, tỷ lệ số bị cáo giảm 19,6%; năm 2013, tỷ lệ số vụ án giảm 39,6%, tỷ lệ số bị cáo giảm 36,6%; năm 2014, tỷ lệ số vụ án giảm 23,3%, tỷ lệ số bị cáo giảm 27,8%; năm 2015 tỷ lệ số vụ án giảm 49%, tỷ lệ số bị cáo giảm 58,1%; năm 2016 tỷ lệ số vụ án giảm 42,7%, tỷ lệ số bị cáo giảm 48,5%; năm 2017, tỷ lệ số vụ án giảm 60%, tỷ lệ số bị cáo giảm 65,5%; năm 2018, tỷ lệ số vụ án giảm 60,4%, tỷ lệ số bị cáo giảm 69,5%; năm 2019, tỷ lệ số vụ án giảm 62%, tỷ lệ số bị cáo giảm 56,4%; năm 2020, tỷ lệ số vụ án giảm 48,2%, tỷ lệ số bị cáo giảm 50,2%; năm 2021, tỷ lệ số vụ án giảm 40,4%, tỷ lệ số bị cáo giảm 39,7% Như vậy có thể thấy, cả tỷ lệ vụ án và tỷ lệ bị cáo về tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021 đều có xu hướng giảm, trong đó, tỷ lệ số bị cáo giảm nhanh và nhiều hơn tỷ lệ số vụ án. Mặc dù vậy cũng có thể thấy xu hướng tăng của tỷ lệ năm 2021 so với năm 2020 về cả số vụ án và số bị cáo.

Điều này được lý giải bởi tình hình chính trị, kinh tế xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn này. Với sự phát triển kinh tế - xã hội một cách nhanh chóng, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh đã kéo theo nhiều hệ lụy, tệ nạn xã hội cũng như tội phạm gia tăng. Hoạt động kinh tế ở thành phố này sôi động nhất nước, dân cư đông, tập trung nhiều loại tội phạm từ các địa phương khác đến hoạt động. Điều này làm cho tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng cũng được thực hiện với số lượng nhiều.

Theo tổng kết của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, "Phương thức, thủ đoạn chủ yếu của các đối tượng cướp tài sản là hoạt động theo băng nhóm, sử dụng xe gắn máy đeo bám nạn nhân đến nơi tối vắng trên các tuyến giao thông dùng roi điện, công cụ hỗ trợ, dao, mã tấu, gậy… bất ngờ tấn công nạn nhân hoặc dàn cảnh gây va chạm giao thông để cướp tài sản"[104]. Điều này gây bất ổn cho tình hình trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân thành phố.

Bên cạnh đó, từ năm 2011 đến năm 2021, số bị cáo trung bình trong một vụ cướp tài sản đều là từ hai người trở lên (*xem bảng 3.3 – phần phụ lục*). Trong đó, quy mô trung bình về số bị cáo lớn nhất là năm 2013 với 2,6 bị cáo/1 vụ án; nhỏ nhất là năm 2015 với 2,1 bị cáo/1 vụ án. Quy mô này đang có xu hướng tăng dần từ năm 2015 đến năm 2021 (2,1 lên 2,5 bị cáo/1 vụ án). Điều này cho thấy quy mô của các vụ cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đều tương đối lớn. Hành vi phạm tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố thường không được thực hiện một cách đơn lẻ mà hầu hết đều có tính chất đồng phạm, từ hai người trở lên tham gia một vụ cướp. Điều này cho thấy dù số vụ án có được kéo giảm nhưng các vụ án cướp tài sản trên địa bàn thành phố trong những năm gần đây hầu hết đều mang tính chất đồng phạm với số lượng bị cáo trong mỗi vụ ngày càng tăng.

Cho đến nay vì lý do nghiệp vụ, các cơ quan có thẩm quyền chưa có thống kê chính thức tổng số các vụ án phạm tội có tổ chức nói chung và phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Theo số liệu thống kê mà tác giả thu thập được, số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản với tình tiết định khung phạm tội có tổ chức (dạng đồng phạm có tính chất nguy hiểm nhất) do Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm qua các năm từ năm 2011 đến năm 2021 có số lượng tương đối lớn. Trong tổng số 1.714 vụ án với 4.002 bị cáo phạm tội cướp tài sản thì đã có tới 717 vụ với 2.513 bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức (*xem bảng 3.4, 3.6 – phần phụ lục*). Qua số liệu trên cho thấy, số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố tăng giảm không đều qua các năm nhưng xu hướng chung là giảm: 106 vụ với 419 bị cáo năm 2011 đến năm 2021

giảm xuống còn 63 vụ với 249 bị cáo. Trong đó, số lượng vụ án thể hiện qua ba giai đoạn: giai đoạn năm 2011-2012: số vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố có xu hướng tăng nhẹ (106 tăng lên 114 vụ); giai đoạn năm 2012-2018: số vụ án có xu hướng giảm mạnh (114 vụ án xuống còn 29 vụ án); giai đoạn năm 2018-2021 con số này lại có xu hướng tăng trở lại dù mức độ tăng còn nhẹ (29 vụ án lên 63 vụ án). Số lượng bị cáo bị xét xử về tội này thì chỉ thể hiện qua hai giai đoạn: năm 2011-2018: số lượng bị cáo giảm mạnh (từ 419 bị cáo năm 2011 xuống còn 104 bị cáo năm 2018); giai đoạn năm 2018-2021: số bị cáo có xu hướng tăng (104 bị cáo lên 249 bị cáo). Xu hướng thay đổi này được thể hiện rõ nét hơn qua tỷ lệ của số vụ án và số bị cáo bị xét xử từ năm 2011 đến năm 2021 (*xem bảng 3.5– phần phụ lục*). Theo đó, nếu lấy số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức năm 2011 là 100% thì tỷ lệ của các năm sau có xu hướng chung là giảm, trong đó, sự biến động, tăng giảm không đều qua các năm. Trong đó, giảm mạnh nhất là tỷ lệ số vụ án và số bị cáo năm 2018 với 27,6% số vụ án và 24,8% số bị cáo so với năm 2011. Xu hướng tăng chỉ thể hiện trong giai đoạn năm 2018-2021 (tỷ lệ số vụ án và số bị cáo đều tăng hơn 20%). Mặc dù tỷ lệ đã tăng so với các năm trước đó nhưng năm 2021, tỷ lệ số vụ án chỉ chiếm 59,4%, tỷ lệ số bị cáo cũng chỉ chiếm 59,4% so với năm 2011. Điều này thể hiện nỗ lực của thành phố trong việc phòng chống loại tội phạm này. Bên cạnh đó, qua bảng số liệu (*xem bảng 3.4 – phần phụ lục*) cũng phản ánh đặc trưng của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là quy mô vụ án lớn với nhiều người cùng phạm tội. Trong đó, từ năm 2011 đến năm 2021, số bị cáo trung bình trong mỗi vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố đều có từ 3 bị cáo trở lên, cao nhất là năm 2011 và năm 2021, trung bình mỗi vụ án có tới 3,9 bị cáo. Điều này chứng tỏ năm 2011 và 2021 quy mô của các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức ở mức lớn nhất. Năm 2011 và năm 2012 là năm mà số vụ án cũng như tổng số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức ở mức cao nhất, mức đỉnh điểm trong 11 năm qua, trở thành vấn đề đáng báo động trên địa bàn thành phố. Điều này

giúp chúng ta lý giải vì sao năm 2013 là năm mà chính quyền thành phố quyết định tập trung toàn lực với quy mô lớn nhất để đấu tranh chống loại tội phạm này một cách triệt để, toàn diện trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, một vấn đề đáng lưu ý nữa là mặc dù tổng số vụ án và tổng số bị cáo có xu hướng giảm nhưng số bị cáo trung bình trong mỗi vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đang có xu hướng tăng từ năm 2015 đến năm 2021, và đặc biệt là từ năm 2018 đến năm 2021. Điều này chứng tỏ quy mô của các vụ án về tội này đang dần tăng lên một cách đáng báo động. Thực trạng này đòi hỏi sự nỗ lực của chính quyền trong việc phòng chống loại tội phạm nguy hiểm này.

Dù tội cướp tài sản có rất nhiều tình tiết định khung tăng nặng nhưng số vụ án cũng như số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản nói chung trên địa bàn thành phố trong 11 năm qua. Số lượng các vụ án và số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được đưa ra xét xử qua các năm từ năm 2011 đến năm 2021 chiếm tỷ lệ tương đối cao trong số các vụ án và số bị cáo phạm tội cướp tài sản nói chung (*xem bảng 3.6 – phần phụ lục*). Mặc dù trong 11 năm vừa qua, tỷ lệ này tăng giảm không đều nhưng luôn ở mức cao và có xu hướng chung là tăng. Trong đó, tỷ lệ số vụ án cao nhất là năm 2013: số lượng các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chiếm tới 59,1% số vụ án về tội cướp tài sản nói chung; thấp nhất là năm 2018 với tỷ lệ này là 29,9%. Tuy nhiên tỷ lệ số vụ án không tương đồng với tỷ lệ số bị cáo. Cụ thể, năm 2012 có tỷ lệ cao nhất với số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chiếm tới 74,2% so với tổng số bị cáo phạm tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố và thấp nhất là tỷ lệ 44,2% vào năm 2016. Trong 11 năm qua, tỷ lệ số bị cáo luôn ở mức cao hơn so với tỷ lệ số vụ án. Những con số phản ánh tỷ lệ này tăng giảm không đều qua các năm và luôn ở mức cao chứng tỏ quy mô, tính chất các vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức luôn phức tạp và nguy hiểm hơn so với các vụ cướp tài sản thông thường. Điều này ảnh hưởng đến trật tự trị an cũng như gây sự bức xúc, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Thực tế này đòi hỏi

sự nỗ lực, chung tay giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền nói chung, của toàn xã hội, mà cụ thể nhất đó là sự cố gắng của liên ngành tư pháp để xử lý đối với loại tội phạm này. Việc xét xử cần thực hiện một cách triệt để, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật để góp phần phòng chống loại tội phạm này một cách có hiệu quả hơn.

Trước tình hình đó, sự nỗ lực của chính quyền thành phố nói chung và các cơ quan tư pháp của thành phố nói riêng trong 10 năm qua trong việc phòng chống cũng như xử lý loại tội phạm này là rất đáng ghi nhận. Với xu hướng giảm của số vụ án cướp tài sản nói chung và cướp tài sản có tổ chức nói riêng đã phản ánh phần nào kết quả đáng khích lệ của những nỗ lực đó. Điều ghi nhận trước tiên trong việc xử lý loại tội phạm này là nhận thức của đội ngũ người tiến hành tố tụng về tình tiết phạm tội có tổ chức ngày càng nâng cao theo chiều hướng sâu sắc, cụ thể chính xác và rõ ràng hơn. Là một khái niệm mang tính định tính nên khái niệm phạm tội có tổ chức không dễ dàng đi vào thực tiễn tiến hành tố tụng. Nó đòi hỏi phải nhận thức thấu đáo với lăng kính khách quan trên cơ sở kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình tiến hành tố tụng. Qua thực tiễn cho thấy, phần lớn những người tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đều hiểu rõ nội dung, bản chất, các hình thức thường gặp của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Chính sự thống nhất trong nhận thức đã giúp cho thực tiễn từ điều tra, truy tố đến xét xử thu được những kết quả tích cực, hoạt động định tội danh cũng như quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức được tiến hành một cách đúng đắn, hiệu quả. Số lượng vụ án hàng năm phải giải quyết là rất lớn, đội ngũ người tiến hành tố tụng còn thiếu về số lượng nhưng hầu hết các vụ án đều được giải quyết kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, số lượng án oan sai về tội này không nhiều dù đây là loại án rất phức tạp.

3.2. Thực tiễn định tội danh tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng tại thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Kết quả định tội đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Định tội danh là một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật, là một trong những biện pháp, cách thức đưa quy phạm pháp luật hình sự vào cuộc sống. Nó là cơ sở, tiền đề cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Định tội danh là thực hiện việc xác định sự phù hợp của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm tương ứng đã được quy định trong pháp luật hình sự. Như vậy, "Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự"[121, tr.4]. Trên cơ sở đó, định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi của nhiều người cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, xác định sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm đã được thực hiện trên thực tế với các quy định về phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản. Đây là hoạt động của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện trong quá trình tiến hành tố tụng đối với một vụ án hình sự nói chung và vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Hoạt động này được người tiến hành tố tụng thực hiện ở tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự, từ khi khởi tố vụ án cho đến khi xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vụ án hình sự. Định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là nội dung chính trong việc áp dụng BLHS trên cơ sở pháp lý là cấu thành tội phạm tội cướp tài sản, trong đó có cấu thành tội phạm tăng nặng với tình tiết phạm tội có tổ chức. Trên cơ sở định tội danh thì các cơ quan tiến hành tố tụng mới có thể áp dụng pháp luật để quyết định hình phạt. Vấn đề xác định đúng tội danh ở tất cả các giai đoạn tố tụng đều có ý nghĩa rất quan trọng. Ở mỗi giai đoạn tố tụng, quá trình định tội danh được thực hiện bởi các

cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau, mang tính chất và đặc điểm khác nhau. Tuy nhiên, dù được tiến hành ở giai đoạn nào thì cũng cần trải qua ba bước: xác định các tình tiết của vụ án; nhận thức đúng nội dung của các quy định trong BLHS; xác định mối quan hệ giữa các dấu hiệu thực tế và các dấu hiệu được quy định trong luật.

Trong 11 năm qua, từ năm 2011 đến năm 2021, các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã định tội đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đối với tổng số 717 vụ án với 2.513 bị cáo. Trong đó, xu hướng của số vụ án cũng như số bị cáo được định tội qua các năm nhìn chung là giảm *(xem bảng 3.7 – Phần phụ lục).*

Trong đó, hoạt động định tội đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong những năm vừa qua trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành một cách tương đối chính xác. Qua thực tiễn xét xử cho thấy phần lớn những người tiến hành tố tụng đều hiểu rõ nội dung, bản chất, các hình thức thường gặp của phạm tội có tổ chức. Chính sự thống nhất trong nhận thức đã giúp cho quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng về định tội danh tương đối thống nhất. Việc mâu thuẫn về quan điểm định tội danh giữa các cơ quan, người tiến hành tố tụng hầu như không xảy ra. Đa số các vụ án được định tội một cách chính xác, những người tiến hành tố tụng đã áp dụng đúng tình tiết phạm tội có tổ chức với những đặc trưng của dạng đồng phạm đặc biệt này, có sự phân biệt rõ ràng giữa đồng phạm thông thường với phạm tội có tổ chức. Việc kết luận về tội cướp tài sản với tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức dựa trên những căn cứ tương đối chặt chẽ và đầy đủ. Khi áp dụng tình tiết này, trách nhiệm hình sự mà mỗi người phạm tội phải gánh chịu là rất nặng và có sự phân hóa tương đối lớn. Vì vậy, việc định tội của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, cơ quan tiến hành tố tụng ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đối với tội cướp tài sản khi áp dụng tình tiết định khung này hầu hết được tiến hành một cách thận trọng, thực sự có căn cứ một cách vững chắc mới áp dụng, bảo đảm đánh giá chính xác các tình tiết khách quan của vụ án để có kết luận chính xác về tội danh, bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3.2.2. Những sai lầm, vướng mắc trong việc định tội đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Bên cạnh những kết quả đạt được, vì nhiều lý do, thực tế việc định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn có một số vi phạm, sai lầm. Trong 11 năm qua đã có 05 vụ án về tội cướp tài sản bị kháng nghị vì định tội sai, đó là trường hợp chuyển hóa tội phạm từ một số tội xâm phạm sở hữu khác sang tội cướp tài sản nhưng cơ quan tiến hành tố tụng đã không truy cứu TNHS về tội cướp tài sản mà truy cứu TNHS về tội xâm phạm sở hữu khác. Trong một số vụ án cơ quan tiến hành tố tụng định khung sai khi hành vi phạm tội thỏa mãn dấu hiệu của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nhưng chỉ truy cứu TNHS về tội cướp tài sản, bỏ lọt tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức và ngược lại. Những vi phạm, sai lầm trong định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện qua một số dạng cụ thể sau:

Thứ nhất, trường hợp định tội danh không đúng và bỏ lọt tình tiết định khung phạm tội có tổ chức. Trong một số trường hợp, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, lên kế hoạch, chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo và tổ chức, phân công các đối tượng trong nhóm cùng thực hiện tội phạm, thể hiện rõ là phạm tội có tổ chức nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như khi xét xử, hội đồng xét xử nhận định các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự thông mưu từ trước, không áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức, từ đó dẫn tới áp dụng không đúng pháp luật. Hoặc trường hợp định tội danh sai dẫn đến áp dụng sai tình tiết tăng nặng định khung.

Ví dụ như vụ án sau [76]:

Phan Hồng T và Nguyễn Đức A là hai đối tượng không có nghề nghiệp, thường xuyên thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Sau nhiều ngày tìm hiểu địa bàn, thói quen sinh hoạt, chỗ ở và tài sản của Phạm Chí N thì T và A bàn bạc kế hoạch chiếm đoạt tài sản của anh N. Khoảng 23h30 phút ngày 29/4/2011, sau khi uống rượu với bạn, Phan Hồng T rủ Nguyễn Đức A đến nhà trọ để chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Chí N. Khi đi, Phan Hồng T cầm theo một cây

mã tấu tự tạo đưa cho A giấu trong người. Đến phòng trọ, Nguyễn Đức A gõ cửa nhưng anh N ngủ say nên A đưa mã tấu cho Phan Hồng T cầm và trèo vào phòng của N. A gọi anh N thức dậy nhưng anh N vẫn ngủ. A lục soát lấy được 1 cái bóp đưa cho Phan Hồng T đứng ở ngoài cửa. T đưa lại cây mã tấu cho A cầm, T mở bóp lấy được 50.000 đồng tiền Việt Nam và 01 tờ tiền Campuchia loại 100 đồng và đưa bóp cho A để trên bàn A tiếp tục gọi anh N. N thức dậy hỏi tại sao A vào phòng thì A cầm mã tấu đe dọa anh N "mày nói nữa tao chém chết mẹ". Tiếp tục Phan Hồng T trèo vào phòng anh N và cùng Nguyễn Đức A lục soát lấy được của anh N 01 chiếc điện thoại di động Nokia N72 (trị giá 600.000 đồng) rồi cùng ra về. Tại cáo trạng số 32 ngày 10/9/2011, VKSND huyện Hóc Môn truy tố Phan Hồng T về Tội cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999 (đối với Nguyễn Đức A do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội danh này nên đã bị xử phạt hành chính). Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2011/HSST, Tòa án huyện Hóc Môn áp dụng khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 68, Điều 69, khoản 1 Điều 74 BLHS năm 1999 xử phạt Phan Hồng T 09 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản. Ngày 16/12/2011, người đại diện hợp pháp của Phan Hồng T kháng cáo xin cho T được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cảnh cáo do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Bản án phúc thẩm số 18/2012/HSPT ngày 11/02/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Điều 68, khoản 1 điều 74 BLHS năm 1999 giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với Phan Hồng T.

Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nói trên đã bị Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Kháng nghị đã được chấp nhận. Bởi vì, sai lầm nghiêm trọng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án trên là xem xét, đánh giá hành vi phạm tội đã xác định sai tội danh của Phan Hồng T và Nguyễn Đức A. Hai người đã cùng nhau bàn bạc, mang theo mã tấu đến chỗ ở của anh N để chiếm đoạt tài sản. Sau khi vào được nhà và chiếm đoạt tài sản của anh N 50.000 đồng và 01 tờ tiền Campuchia, khi anh N thức dậy thì A Và T dùng mã tấu

đe dọa và chiếm đoạt tiếp của anh N 01 điện thoại di động. Hành vi của A và T là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản của anh N. Hành vi đó thỏa mãn dấu hiệu của tội cướp tài sản theo quy định tại Điều 133 BLHS năm 1999. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử T và A về Tội cưỡng đoạt tài sản là đánh giá không chính xác hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng không đúng quy định của BLHS. Do sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định tội danh nên đã bỏ lọt, không truy cứu TNHS đối với Nguyễn Đức A vì khi thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản A đã 15 tuổi 3 tháng 28 ngày, đủ tuổi chịu TNHS đối với tội danh này. Bên cạnh đó, trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản, A và T đã có sự bàn bạc, thống nhất về kế hoạch thực hiện được tính toán kỹ càng, chu đáo, chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm, phân công vai trò khi thực hiện hành vi và trước đó đã cùng nhau phạm tội nhiều lần theo kế hoạch đã thống nhất trước. Đây là dấu hiệu thỏa mãn dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. Như vậy, trong trường hợp này cơ quan tiến hành tố tụng đã nhận định, đánh giá không đúng về các tình tiết khách quan của vụ án cũng như hành vi của các bị cáo dẫn đến việc định tội danh không đúng và đã không áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tổ chức.

Bên cạnh đó còn có một số sai lầm trong việc không áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức, ví dụ như vụ án sau[81]:

Khoảng 20 giờ ngày 11/4/2014, Vương Văn H gọi điện thoại rủ Nguyễn Tấn T và Đỗ Văn K đến phía sau khu chế xuất Linh Xuân chơi. Qua trò chuyện, H nhờ T và K đi cướp tài sản để H có tiền về quê thì T và K đồng ý. Tại đây, H nói cho T biết vị trí cất giấu bình xịt hơi cay, băng keo trong xe mô tô của H. H nhờ T đi tìm mua dao mã tấu và nói T dùng dao mã tấu chặt hai khúc cây giấu sẵn, T sẽ điều khiển xe mô tô chở H đến ngã tư Linh Xuân tìm tài xế xe ôm rồi giả thuê người chạy xe ôm đến khu vực vắng phía sau nghĩa trang thành phố, nơi T và K chờ sẵn để cướp tài sản. Sau khi thống nhất, K điều khiển xe mô tô của H chở H đến ngã tư Linh Xuân thì quay về và cùng T đứng đợi tại địa điểm đã hẹn. H thuê anh Nguyễn Tiến L chở H về phía sau nghĩa trang thành phố, nói dối là đi thăm người thân thì

anh L đồng ý và điều khiển xe mô tô chở H theo yêu cầu và thỏa thuận giá là 50.000 đồng. Trên đường đi H gọi điện thoại báo cho K biết để chuẩn bị. Khi đến nơi thì gặp K ngồi trên xe mô tô chờ sẵn, còn T nấp phía trong, H yêu cầu anh L dừng xe lại vì đã có người đón. Khi dừng xe, H đưa cho anh L tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Trong lúc anh L trả lại tiền dư, K đưa bình xịt hơi cay cho H rồi H dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt anh L nên anh L bỏ chạy và hô "Cướp, cướp". Thấy vậy, K, H cầm hai khúc cây, T từ phía trong chạy ra dùng dao mã tấu đuổi theo đánh anh L, anh L chạy bộ khoảng 100 mét bị vấp ngã thì bị H, T và K khống chế. Anh L nói "xin đừng giết tôi" thì H nói "giết ông làm gì, tôi chỉ cần tiền". Anh L xin được giữ lại chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe thì H đồng ý. Anh L mở ví ra giữ lại chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe rồi đưa ví đựng tiền cho H, H dùng băng keo trói tay, chân anh L. Sau đó, H chiếm đoạt tài sản gồm xe mô tô, một điện thoại di động và số tiền 1.100.000 đồng của anh L rồi cùng T và K tẩu thoát. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh L được người dân phát hiện cởi trói và đưa đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Ngày 12/4/2014, H bán chiếc xe chiếm đoạt được cho một thanh niên (không rõ lai lịch) được 6.000.000 đồng rồi gọi điện thoại cho T, K đến. H đưa cho T, K mỗi người 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì K trả lại cho H và nói với H "tôi giúp anh thôi chứ không lấy tiền". Ngày 18/5/2014, Nguyễn Tấn T và Đỗ Văn K đầu thú. Tại bản án sơ thẩm số 32/2014/HSST, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã quyết định: đối với bị cáo Vương Văn H: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999 xử phạt mức án 08 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm tù về tội "Cướp tài sản"; đối với bị cáo Đỗ Văn K: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã định tội danh "Cướp tài sản" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chỉ áp dụng một tình tiết tăng

nặng định khung "sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác" mà không áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tổ chức là chưa đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo H là người chủ mưu, cầm đầu, lên kế hoạch, chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo và tổ chức, phân công các đối tượng trong nhóm (T và K) cùng thực hiện tội phạm. Tuy chỉ thực hiện tội phạm một lần nhưng đã tổ chức thực hiện tội phạm theo kế hoạch được H vạch ra, tính toán một cách kỹ càng, chu đáo, thông báo cho các đồng phạm để thống nhất trước khi thực hiện. Những dấu hiệu này thể hiện rõ đây là trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm nghiên cứu chưa kỹ hồ sơ vụ án cũng như quy định của pháp luật về đồng phạm nên nhận thức, đánh giá chưa đầy đủ và toàn diện về hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Chính vì vậy đã không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức đối với hành vi phạm tội của các bị cáo. Việc không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung này còn dẫn đến sai lầm trong việc quyết định mức hình phạt đối với từng người phạm tội sẽ được tác giả phân tích ở phần sau.

Trong quá trình định tội đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, một số trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất quan điểm định tội làm cho việc điều tra bị kéo dài, ví dụ như vụ án sau[74]:

Khoảng 19 giờ, ngày 17/6/2014, Hồ Văn H, Hồ Văn T, Hồ Văn L, Hồ Văn S, và Hồ Văn A cùng nhau uống rượu tại nhà của Hồ Văn T thì H rủ mọi người trong bàn nhậu đi chặn đường, đe dọa, khống chế, đánh lấy tài sản của những người đi đường để bán lấy tiền tiêu xài, cả bọn đồng ý tham gia. H đưa ra kế hoạch cướp tài sản, chỉ chỗ để những cây gỗ có thể dùng làm vũ khí mà H đã chuẩn bị trước đó, phân công người trực tiếp đánh là H, T, L, người chịu trách nhiệm lấy tài sản đem đi bán là S, A có trách nhiệm cảnh giới. Số tiền thu được sẽ chia đều cho cả nhóm. Bàn bạc xong, cả nhóm cùng kéo nhau đến địa điểm lấy hung khí và đến ngã ba để đợi thời cơ cướp tài sản. Đến địa điểm đã bàn, H lấy đoạn cây gỗ dài 1,85 m có đường kính 12 cm, T lấy một đoạn tre dài 2,12 m, đường kính 0,6 cm đặt nằm ngang giữa đường đồng thời tất cả đứng giăng thành hàng ngang giữa đường cùng

nhau ngồi đợi để chặn xe của người đi đường. Một lúc sau có anh S một mình đi xe máy chạy ngang qua thì cả nhóm la hét, chặn lại nhưng do anh S là người quen của L nên L đứng ra xin tha cho anh S, cả nhóm đồng ý và cho anh S đi. Tiếp đến chị Lữ Thị T có công việc đi ngang qua thì cả nhóm cũng tiếp tục la hét, chặn lại đòi đánh nhưng chị T quay đầu xe lại bỏ chạy thoát được. Một lúc sau có anh Lương Ngọc V, Trần Phương D, Lê Văn P đi trên 02 chiếc xe máy chở máy bơm nước và một cái cưa máy chạy đến thì cả nhóm chặn lại, xáp đến la hét, đe dọa, bảo đưa tài sản nếu không đưa sẽ bị đánh làm cho cả 03 khiếp sợ không dám chống cự. H và đồng bọn giật lấy máy bơm nước và một máy cưa trên xe của anh V, D và P rồi chở về nhà anh của Hồ Văn S cất giấu. Hôm sau S đem tài sản cướp được đi bán và chia đều cho cả nhóm. Bằng thủ đoạn trên, nhóm này đã thực hiện thêm 02 vụ cướp ở đoạn đường gần địa điểm cũ, chiếm đoạt tổng số tài sản là 12.350.000 đồng. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra kết luận H và đồng phạm phạm tội cướp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 với nhận định H và các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội cướp có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Ở giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung với nhận định hành vi của các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Sau quá trình điều tra bổ sung, củng cố hồ sơ và đánh giá lại chứng cứ, cơ quan điều tra đã kết luận hành vi của H và đồng phạm phạm tội cướp tài sản với tình tiết định khung phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. Tác giả đồng tình với quan điểm này. Trong vụ án, bị cáo H là người chủ mưu, cầm đầu, lên kế hoạch, chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo và tổ chức, phân công các đối tượng trong nhóm cùng thực hiện tội phạm. Nhóm này tuy tổ chức không chặt chẽ nhưng thực hiện hành vi phạm tội 03 lần với kế hoạch được bàn bạc cụ thể và việc phân công vai trò thực hiện hành vi tương đối cụ thể, rõ ràng trước khi thực hiện. Những dấu hiệu này thể hiện rõ đây là trường hợp phạm tội có tổ chức mà không đơn thuần chỉ là đồng phạm giản đơn. Vì vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng thay đổi quan điểm, đánh giá đây là vụ đồng phạm có tổ chức là đúng với sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

Thứ hai, sai lầm khi đồng nhất khái niệm phạm tội có tổ chức với đồng phạm có thông mưu trước. Cụ thể là, trong một số vụ án phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, khi xét xử đã có quan điểm đồng nhất khái niệm phạm tội có tổ chức với đồng phạm có thông mưu trước dẫn đến việc định tội không đúng. Quan điểm này là sai lầm bởi vì đồng phạm có thông mưu trước và hình thức phạm tội có tổ chức là hai khái niệm thống nhất nhưng không đồng nhất. Hình thức phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng kèm theo những dấu hiệu đặc trưng khác. Xét về mức độ nguy hiểm cho xã hội thì đồng phạm có tổ chức có mức độ nguy hiểm cao hơn so với đồng phạm có thông mưu trước. Hay nói cách khác, phạm tội có tổ chức cần được xác định là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng ở mức độ cao, có sự phân công vai trò giữa người thực hành và người chỉ huy, cầm đầu trong việc thực hiện tội phạm. Do chưa có sự thống nhất về bản chất pháp lý của phạm tội cướp tài sản có tổ chức hay do Tòa án không dựa vào dấu hiệu câu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm mà chỉ thấy có sự câu kết đã kết luận là phạm tội có tổ chức. Chính vì vậy, thực tiễn xác định hình thức đồng phạm này thường gặp vướng mắc, lúng túng. Một số trường hợp Tòa án đã sai lầm khi kết luận đồng phạm có thông mưu trước là phạm tội có tổ chức hoặc ngược lại vụ án có đồng phạm có tổ chức lại kết luận là đồng phạm có thông mưu trước. Điều này thể hiện qua ví dụ ở các vụ án sau:

Áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức khi hành vi phạm tội không thỏa mãn dấu hiệu này, thể hiện ở vụ án thứ nhất [83]:

Khoảng 22h30 phút ngày 27/10/2012, Nguyễn Văn Đ, Lê Công H gặp Trương Công L rủ nhau mua 0,5 lít rượu và 3 cái bánh tráng đến nghĩa trang ngồi uống rượu. Trong lúc đang ngồi uống rượu thì thấy anh Hứa Văn T chở chị Nguyễn Thị L bằng xe máy đi ngang qua dừng lại ở chỗ bụi cây, Đ nói: "tí nữa ra xin tiền nghe bây". Khi anh T nổ máy chuẩn bị đi thì Đ nói với L và H là "Tao chặn xe, còn hai đứa bây giữ cô gái lại", rồi Đ ra chặn xe máy, thấy vậy chị L đi nhanh qua mặt bọn chúng và kêu to "cướp, cướp". Đ nói "Chặn cô đó lại" thì H, L chạy theo ôm chị L lại. Đ chộp cổ áo anh T và dùng tay tát vào mặt anh T và nói: "ông có tiền cho một ít uống

cà phê", anh T móc túi quần đưa cho Đ 20.600 đồng, Đ cầm tiền thấy ít nên vứt xuống đất thì H nhặt lên. Đ tiếp tục hỏi anh T "Ví đâu?", anh T đưa tay giữ chặt túi sau thì H đứng phía sau ôm anh T, còn Đ dùng tay phải nắm cổ áo anh T, tay trái móc lấy ví. Trong ví anh T gồm 1.200.000 đ, một giấy phép lái xe mô tô, một thẻ sinh viên.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã phân tích và xác định các bị cáo đã phạm tội có tổ chức, vì vậy đã áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Đ 4 năm tù, Lê Công H 3 năm tù, Trương Công L 3 năm tù về tội cướp tài sản. Do có kháng cáo của các bị cáo, phiên tòa phúc thẩm đã được mở. Bản án phúc thẩm số 52/HSPT ngày 01/7/2013 đã sửa bản án sơ thẩm và áp dụng Khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo. Theo nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm trong việc đánh giá về sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Bản án sơ thẩm nhận định Trương Công L và đồng bọn phạm tội thuộc trường hợp "có tổ chức" là không chính xác. Tác giả rất đồng tình với quan điểm của tòa án cấp phúc thẩm. Bởi vì, trong khi tụ tập uống rượu, Đ, H và L mới nảy sinh ý đồ cướp tài sản và cùng nhau thực hiện tội phạm. Việc thực hiện tội phạm hoàn toàn là do ý định nhất thời. Đây là trường hợp đồng phạm có thông mưu trước, có sự bàn bạc nhưng hành vi mang tính bột phát, không thể hiện sự cùng bàn bạc, chuẩn bị một cách kỹ càng, chu đáo, chưa có sự cấu kết chặt chẽ hoặc có sự phân công vai trò một cách chặt chẽ giữa các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, hành vi của các bị cáo không thỏa mãn dấu hiệu của phạm tội có tổ chức. Việc xác định đây là trường hợp phạm tội có tổ chức để áp dụng tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo là chưa đúng quy định của pháp luật.

Tương tự vụ án trên, trong vụ án thứ hai, việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá hành vi của các bị cáo là phạm tội có tổ chức và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 kết án các bị cáo là chưa chính xác vì hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm có thông mưu trước nhưng chưa có sự câu kết chặt chẽ thỏa mãn dấu hiệu phạm tội có tổ chức. Vụ án như sau[77]:

Phạm Minh Đ, Phạm Văn H, Huỳnh Thanh L, Doãn Xuân Thuận T, Nguyễn Hữu P cùng Phạm Ngọc H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu L và một thanh niên có tên gọi là "chó con" (chưa xác định được lai lịch) quen biết và thường hay chơi chung với nhau. Khoảng 22h30 phút ngày 13/8/2011, nhóm này cùng ngồi ăn uống tại ngã tư đường nội bộ trong khu tái định cư Chợ Lớn. Đến khoảng 23h cùng ngày thì Nguyễn Thị H ra về, số còn lại ngồi nhậu tiếp. Lúc này Phạm Văn H nhìn thấy ông Nguyễn Xuân P chở ông Phạm Phước H bằng chiếc xe gắn máy chạy lòng vòng ngang qua nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe gắn máy đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. N sử dụng xe đạp mini chở Đ chạy theo xe ông P và ông H cho đến khi nhìn thấy họ dựng xe ngồi chơi ở một ngã tư cách đó khoảng 400m thì quay về báo cho cả bọn biết. "Chó con" đi tìm được 02 bóng đèn Neon và 1/2 bóng đèn tuýp về chia ra làm 5 đoạn, giữ lại 1 đoạn, số còn lại đưa cho Phạm Văn H, P, Huỳnh Thanh L, còn riêng Phạm Ngọc H thì sử dụng 1 đoạn cây tràm làm hung khí. Theo yêu cầu của Phạm Văn H; N và T đứng chặn lối thoát ở ngã ba bên phải, H chặn lối thoát bên trái, còn "chó con", Đ và N xông vào vây đánh ông P, ông H. Khi thấy ông H bỏ chạy thì P cầm bóng đèn đuổi theo nhưng ông H đã thoát được ra ngoài. Ông P bị Đ, "chó con", H buộc phải nằm sấp và dùng bóng đèn đâm nhiều cái vào lưng để uy hiếp, đồng thời còn lục túi tìm chìa khoá xe gắn máy. L ngồi trên xe và phát hiện chìa khoá xe còn đang cắm ở công tắc nên báo cho Đ biết để cùng lên xe, nổ máy tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt xe, L chở Đ về nơi cất giấu để bán lấy tiền chia nhau nhưng chưa bán được thì đã bị phát hiện, bắt giữ. Kết quả giám định tài sản đã xác định chiếc xe gắn máy có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 1.836.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội cướp tài sản thuộc trường hợp có tổ chức nên đã tuyên bố các bị cáo phạm tội cướp tài sản theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. Theo quan điểm của tác giả, việc tòa án cấp sơ thẩm xác định tội danh của các bị cáo là Tội cướp tài sản là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm hoàn toàn là do ý định

nhất thời khi đang ở cùng nhau. Giữa họ có sự thống nhất với nhau nhưng sự thống nhất đó không xuất phát từ việc bàn bạc kỹ lưỡng, chu đáo từ trước mà thấy có thời cơ, hoàn cảnh liền cùng nhau thực hiện tội phạm. Đây là trường hợp đồng phạm có thông mưu trước nhưng chưa có sự cấu kết chặt chẽ hoặc có sự phân công vai trò một cách chặt chẽ giữa các bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội, sự kết hợp của các bị cáo mang tính bộc phát, nhất thời. Như vậy, hành vi của các bị cáo không thỏa mãn dấu hiệu của phạm tội có tổ chức. Tòa án cấp sơ thẩm đang đồng nhất giữa phạm tội có tổ chức với đồng phạm có thông mưu trước. Việc xác định đây là trường hợp phạm tội có tổ chức để áp dụng tình tiết tăng nặng định khung này đối với các bị cáo là chưa đúng quy định của pháp luật. Theo tác giả, hành vi của các bị cáo thỏa mãn quy định tại Khoản 2 Điều 133 BLHS nhưng với tình tiết định khung tăng nặng tại điểm d (dùng hung khí nguy hiểm để tấn công và chiếm đoạt tài sản của bị hại) mà hoàn toàn không thỏa mãn tình tiết phạm tội có tổ chức.

Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, cơ quan tiến hành tố tụng sai lầm khi kết luận trường hợp đồng phạm giản đơn là phạm tội có tổ chức, thể hiện qua vụ án thứ ba[78]:

Vào khoảng 03 giờ ngày 20/01/2018, sau khi đi uống bia cùng nhau, Nguyễn Văn T điều khiển xe máy chở Đặng Lâm P, P3 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) điều khiển xe máy chở Nguyễn Tấn Đ chạy lòng vòng các tuyến đường Quận 7, tìm nơi vắng người qua lại để cướp tài sản. Khi cả nhóm đi đến khu công viên ở góc đường A, khu phố F, phường H, quận B, thấy anh Hà Phi L đang ngồi trên ghế đá, tay cầm điện thoại chơi điện tử, bên cạnh dựng chiếc xe máy hiệu Wave màu trắng nên cả nhóm dừng xe, giả danh là Công an để kiểm tra giấy tờ và uy hiếp anh L. Bị cả nhóm đe dọa uy hiếp nên anh L đã đưa bóp và điện thoại cho P3, còn Đ lấy xe anh L bỏ chạy thì L kéo xe lại làm ngã xe. Lúc này, T, P3, Đ, P đã đe dọa uy hiếp, định đánh anh L làm anh L hoảng sợ và cả nhóm lấy xe cùng tài sản tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt tài sản, cả nhóm đem bán cho một người (không rõ nhân thân lai lịch) được 7.500.000 đồng, chia đều nhau, mỗi người 1.850.000 đồng. Điện thoại P mua lại để sử dụng với giá 1.000.000 đồng, số tiền này chia đều cho 4 người, mỗi

người 250.000 đồng, còn trong bóp có 400.000 đồng, các bị cáo chia mỗi người 100.000 đồng, cái bóp thì vứt bỏ. Sau khi xài hết tiền, P đem điện thoại bán tại tiệm điện thoại Z do ông Lê Văn T2 làm chủ và tiêu xài hết. Đến khoảng 03 giờ ngày 17/2/2018, Đặng Lâm P và Nguyễn Văn T cùng với C (không rõ nhân thân lai lịch) đi từ quận E qua quận B, khi đi trước cổng khu vui chơi Y thì thấy chị Võ Ngân H trên tay cầm 01 điện thoại đang đứng đón xe. Ban đầu, P và T cùng với C (không rõ nhân thân lai lịch) chọc ghẹo chị H. Sau đó, P, T và C đe dọa chị H, T dùng tay khống chế, chiếm đoạt điện thoại của chị H đang cầm trên tay rồi lên xe cả nhóm tẩu thoát. Sau khi lấy điện thoại P đem bán được 1.200.000 đồng, số tiền này các bị cáo chia nhau tiêu xài. Trong quá trình tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định các bị cáo Đặng Lâm P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tấn Đ thực hiện hành vi lấy số đông uy hiếp, đe dọa dùng vũ lực khống chế người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo có sự cấu kết với nhau, có dấu hiệu phạm tội có tổ chức. Vì vậy, bản án sơ thẩm số 39/2018/HSST của Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 168 BLHS hiện hành.

Tuy nhiên, theo tác giả, quan điểm xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng là chưa chính xác. Trong vụ án này, các bị cáo đã thống nhất cùng thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản trong Tội cướp tài sản và thực tế đã chiếm đoạt được tài sản, đây là trường hợp đồng phạm. Nhưng trường hợp này chỉ là đồng phạm giản đơn, không thỏa mãn dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức. Bởi lẽ, các bị cáo chỉ nhất thời rủ rê rồi cùng nhau đi thực hiện hành vi cướp tài sản mà họ không phải là một tổ chức tội phạm. Việc thực hiện hành vi cướp tài sản của các bị cáo cũng không có tính chất chuyên nghiệp, không có kế hoạch được bàn bạc, tính toán kỹ càng, chu đáo từ trước. Các bị cáo thực hiện tội phạm đều với vai trò là người thực hành. Việc cùng thực hiện tội phạm của các bị cáo không mang tính cấu kết chặt chẽ mà chỉ là nhất thời tập hợp để thực hiện tội phạm, thực hiện tội phạm và chia tài sản chiếm đoạt được xong thì các bị cáo không còn sự liên kết với nhau nữa.

Thứ ba, có một số trường hợp phạm tội cướp tài sản có đồng phạm tuy không đủ dấu hiệu để xác định là phạm tội có tổ chức nhưng cơ quan tiến hành tố tụng vẫn kết luận đó là trường hợp phạm tội có tổ chức, từ đó kết luận về tình tiết định khung không đúng quy định của pháp luật. Điều này thể hiện qua ví dụ sau[80]:

Khoảng đầu tháng 12/2011, Trần Doãn C đến sòng bạc gần cầu Sơn, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh đánh bạc và bị thua hết tiền nên mượn tiền của Trần Văn T, tính cả vốn và lãi là 320.000.000đ. Trần Văn T đòi nhiều lần nhưng Trần Doãn C không trả. Ngày 24/12/2011, Trần Văn T tiếp tục gọi điện đòi tiền nhưng Trần Doãn C không có tiền trả nên T nói với Trần Doãn C sẽ bảo Lê Văn P đến đòi tiền. Sau đó T gọi cho P đi cùng đến nhà C để đòi tiền. Khoảng 15 giờ cùng ngày, P mang theo súng bắn điện (của Công ty dịch vụ và bảo vệ ĐT) cùng T và ba thanh niên nữa (chưa rõ lai lịch) đến nhà tìm Trần Doãn C nhưng không gặp. Lê Văn P cùng Trần Văn T và ba thanh niên này đi sang quán café đối diện nhà C thì P phát hiện C đang nằm ngủ trên võng ở trong quán. P đi lại chỗ Trần Doãn C nằm, dùng súng điện dí vào đầu C và đòi trả tiền. Trần Doãn C chồm dậy nói "tao không có tiền, mày muốn bắn thì bắn đi". Lê Văn P dùng súng bắn điện đập vào đầu Trần Doãn C làm chảy máu. Lúc này nhóm của Trần Văn T định xông vào đánh Trần Doãn C nhưng bị mọi người trong quán ngăn lại nên nhóm của T lên xe bỏ đi. Theo kết quả giám định pháp y, thương tích của Trần Doãn C là 01% (tạm thời). Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nên đã áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS. Sau khi có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2015/HS-GĐT ngày 04/9/2015, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: chấp nhận một phần Kháng nghị giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tác giả đồng tình với quan điểm của Hội đồng giám đốc thẩm. Theo đó, việc xác định các bị cáo phạm tội cướp tài sản quy định tại Điều 133 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Tuy vậy, việc xác định hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp

phạm tội có tổ chức là chưa đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ thể hiện, Trần Văn T có nhờ Lê Văn P "đi đòi nợ" nhưng khi cùng thực hiện đòi nợ thì Trần Văn T không biết việc Lê Văn P có mang theo súng bắn điện. Bên cạnh đó, Trần Văn T và Lê Văn P cùng những người khác chỉ là rủ đi đòi nợ cùng, không có chứng cứ nào thể hiện có sự bàn bạc về cách thức đòi nợ, chưa thể hiện sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Đây không phải là một tổ chức tội phạm, đây cũng là lần đầu các bị cáo cùng phạm tội, không có việc bàn bạc một kế hoạch phạm tội được tính toán kỹ càng, chu đáo,… Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là trường hợp phạm tội có tổ chức để áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo là chưa đúng quy định của pháp luật.

Thực trạng định tội đối với Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho thấy, trong quá trình định tội vẫn còn tồn tại rất nhiều ý kiến khác nhau trong việc xác định về bản chất và những hiện tượng được biểu hiện cụ thể của hình thức phạm tội này nói chung và phạm tội cướp tài sản có tổ chức nói riêng. Thuật ngữ "câu kết chặt chẽ" rất cần được giải thích rõ cũng như chỉ ra những biểu hiện để xác định phạm tội có tổ chức một cách thống nhất. Về TNHS đối với trường hợp này cũng còn đặt ra nhiều băn khoăn đối với các cơ quan áp dụng pháp luật. Chế định phạm tội có tổ chức ở đây đóng vai trò tích cực đối với việc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt. Tội phạm có tổ chức là một dạng đặc biệt của hành vi đồng phạm do một nhóm người câu kết với nhau một cách chặt chẽ để tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm đạt những mục đích phạm tội đã được bàn định trước. Như vậy, căn cứ vào những đặc điểm pháp lý mà pháp luật hình sự quy định, người ta có thể coi tội phạm có tổ chức như một cấu thành đặc biệt chung (mô hình) cho những trường hợp phạm tội do cố ý mà có sự tham gia của những người được tổ chức, đồng thời hành vi được thực hiện có tổ chức,… Khác với đồng phạm nói chung, một tội phạm được coi có tổ chức thì đó không chỉ là tội phạm với ý nghĩa hành vi nguy hiểm cho xã hội mà còn cần thiết nhận thức nó như là sự biểu hiện cụ thể ra bên ngoài một phương thức phạm tội đặc trưng. Qua phân tích ở trên chúng ta có thể nhận thấy, việc phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nếu

không có tình tiết gì khác thì người phạm tội chỉ phải chịu khung hình phạt quy định tại khoản 2 của Điều 168 BLHS hiện hành với mức phạt tù từ bảy năm tới mười lăm năm là chưa thực sự xác đáng, không mang tính răn đe, phòng ngừa chung, đặc biệt đối với những đối tượng cầm đầu, có nhiều tiền án, tiền sự,… qua đó ảnh hưởng tới hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này, đặc biệt là đối với những người cầm đầu, chỉ huy trong tổ chức phạm tội cướp tài sản.

3.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Kết quả quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức là việc Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để lựa chọn loại và mức hình phạt, biện pháp cưỡng chế về hình sự khác áp dụng đối với cá nhân từng người phạm tội có tổ chức. Hay nói cách khác, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức là việc Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để quyết định TNHS đối với từng người phạm tội trên nguyên tắc cá thể hóa hình phạt. Trên cơ sở đó, quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt, được thực hiện bởi Tòa án sau khi xác định tội danh chung mà những người phạm tội có tổ chức đã cùng thực hiện. Trong quá trình quyết định hình phạt, Tòa án cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm đặc biệt của loại tội phạm này so với các trường hợp đồng phạm khác, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người phạm tội để quyết định miễn TNHS, miễn hình phạt hoặc xác định khung hình phạt, quyết định loại hình phạt, mức hình phạt áp dụng đối với từng người phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Việc quyết định hình phạt nói chung và đối với trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng phải dựa trên những tiêu chuẩn và nguyên tắc thống nhất. Tác giả hoàn toàn đồng tình với quan điểm của GS.TS. Võ Khánh Vinh về các tiêu chuẩn xác định các nguyên tắc quyết định hình phạt. Theo đó, những tiêu chuẩn xác định đó là:

1) Phải là những tư tưởng chủ đạo, cơ bản; 2) Phải được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong luật hình sự; 3) Phải là những tư tưởng định hướng hoạt động của Tòa án trong lĩnh vực quyết định hình phạt; 4) Những tư tưởng đó phải phù hợp với chính sách hình sự trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước.[120, tr.25]

Căn cứ vào những tiêu chuẩn trên, tác giả cho rằng, việc quyết định hình phạt nói chung và phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng phải dựa trên bốn nguyên tắc: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong quyết định hình phạt, nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt.

Đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng là một hình thức phạm tội đặc biệt. Những đặc điểm riêng biệt đó quyết định tính đặc thù của việc quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm. Trong trường hợp phạm tội có tổ chức, những người cùng thực hiện tội phạm cố ý cùng thực hiện một tội phạm đã làm cho tội phạm thay đổi về chất và làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi hơn hẳn tội phạm được thực hiện riêng lẻ. Bởi lẽ, người phạm tội trong trường hợp có tổ chức có tâm lý dựa vào sức mạnh tập thể nên liều lĩnh hơn, quyết tâm phạm tội hơn, dễ có khả năng gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội hơn, có điều kiện che giấu, gây khó khăn cho việc xử lý của cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, tuy cùng thực hiện một tội phạm nhưng mức độ thực hiện của mỗi cá nhân là khác nhau, nhân thân của mỗi người khác nhau nên khi quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung và trong trường hợp tội cướp tài sản với tình tiết phạm tội có tổ chức nói riêng, Tòa án phải cân nhắc một cách đầy đủ và toàn diện các căn cứ:

Căn cứ thứ nhất, Tòa án căn cứ vào các quy định của BLHS: Trước hết, Tòa án dựa vào nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 BLHS, căn cứ quyết định hình phạt chung tại Điều 50 BLHS, chế tài được quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS, các quy định khác về quyết định hình phạt chung được áp dụng cho trường hợp đồng phạm, quy định tại Điều 58 BLHS đối với trường hợp đồng phạm.

Căn cứ thứ hai, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tòa án phải xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chung của tất cả những người đồng phạm. Tuy nhiên, tính chất và mức độ tham gia của mỗi người là khác nhau nên tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của từng người đồng phạm là khác nhau và TNHS là trách nhiệm cá nhân nên đòi hỏi Tòa án phải xem xét tính chất, mức độ tham gia của mỗi người. Điều này được quyết định bởi vai trò mà mỗi người đồng phạm đảm nhận, tác dụng của người đó đối với hoạt động phạm tội chung của cả nhóm. Xác định tính chất tham gia phạm tội của từng người đồng phạm trong phạm tội có tổ chức chính là xác định người đồng phạm đó đóng vai trò như thế nào trong vụ án, là người tổ chức, xúi giục, giúp sức hay thực hành. Mỗi vai trò tham gia của người đồng phạm có tính nguy hiểm khác nhau. Thông thường, người tổ chức, cầm đầu, chỉ huy, xúi giục có vai trò nguy hiểm hơn cho nên hình phạt được quyết định cho những người này phải nghiêm khắc hơn.

Căn cứ thứ ba, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS có liên quan đến hành vi và nhân thân của cá nhân mỗi người đồng phạm nên nó chỉ được áp dụng đối với chính cá nhân người đồng phạm có tình tiết đó mà không liên quan đến những người đồng phạm khác. Tuy nhiên, đối với các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS chung của vụ án mà tất cả những người đồng phạm đều thỏa mãn thì áp dụng chung cho tất cả, ví dụ như tình tiết lợi dụng thiên tai, dịch bệnh; phạm tội đối với người dưới 16 tuổi;…

Căn cứ thứ tư, nhân thân người phạm tội. Tòa án phải cân nhắc nhân thân của từng người đồng phạm để từ đó quyết định hình phạt với từng người đồng phạm vì nhân thân của mỗi người đồng phạm làm ảnh hưởng đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của người đồng phạm đó mà thôi.

Qua số liệu thống kê *(xem bảng 3.7 – Phần phụ lục),* trong 11 năm (từ năm 2011 đến năm 2021), tổng số vụ cướp tài sản bị xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là 1.714 vụ với 4.002 bị cáo, trong đó đã xét xử 717 vụ cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và quyết định hình phạt đối với 2.513 bị cáo. Như vậy, tổng số vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong 11 năm

qua chiếm tỷ lệ 41,8% tổng số vụ án về Tội cướp tài sản; số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chiếm tỷ lệ 62,8% so với số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản. Tỷ lệ này tương đối cao do đặc thù của trường hợp phạm tội có tổ chức là số lượng bị cáo trong một vụ án nhiều. Trong 11 năm qua, tính trung bình mỗi năm Tòa án trên địa bàn thành phố xét xử 65,2 vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và quyết định hình phạt đối với 228,4 bị cáo. Trong hầu hết các vụ án cướp tài sản nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng, các hình phạt nghiêm khắc đã được áp dụng đối với các bị cáo (*xem bảng 3.8 và bảng 3.9 – Phần phụ lục*). Cụ thể, đa số các bị cáo đều bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Trong đó, trong 11 năm qua, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã có 777 bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức bị áp dụng mức hình phạt từ 7 đến 15 năm tù (chiếm 30,9% so với tổng số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức). Tuy nhiên, so với tổng số 945 bị cáo phạm tội cướp tài sản bị áp dụng hình phạt từ 7 đến 15 năm tù thì bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức bị áp dụng mức hình phạt này có tỷ lệ cao hơn rất nhiều, chiếm tới 82,22%. Với mức hình phạt hình phạt từ 3 đến 7 năm tù thì trong 11 năm qua có 1.141 bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức bị áp dụng (chiếm 45,4% so với tổng số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức). Như vậy, mặc dù khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 và khoản 2 Điều 168 BLHS hiện hành đều quy định mức hình phạt áp dụng cho người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là từ 7 đến 15 năm tù nhưng số bị cáo bị áp dụng mức hình phạt 3 đến 7 năm tù vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất (45,4%). Đối với người phạm tội trong trường hợp này thì mức hình phạt 3 đến 7 năm tù là mức hình phạt trong những trường hợp đặc biệt đã được hạ khung hình phạt một lần khi thỏa mãn điều kiện như có nhiều tình tiết giảm nhẹ: tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra, bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án phạm tội có tổ chức...

Bên cạnh đó mức hình phạt này cũng thường được áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong trường hợp phạm tội chưa đạt, bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội,... với quy định riêng về quyết định hình phạt, mức hình phạt đối với họ được giảm nhẹ hơn dù phạm tội ở Khoản 2 với mức hình phạt quy định chung là 7 đến 15 năm tù... Hình phạt tù dưới 3 năm cũng được áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Cụ thể, trong 11 năm qua có 568 người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được áp dụng hình phạt tù dưới 3 năm (chiếm tỷ lệ 22,6% số bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức). So với 1129 bị cáo phạm tội cướp tài sản bị áp dụng hình phạt tù dưới 3 năm thì đã chiếm 50,3%. Trong khi đó, trường hợp bị cáo bị áp dụng hình phạt tù dưới 3 năm nhưng cho hưởng án treo là rất ít, trong 11 năm qua chỉ có 27 bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được cho hưởng án treo (chiếm tỷ lệ 1,07%). Hầu hết các bị cáo này là người dưới 18 tuổi phạm tội vừa được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và là người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể,... Tức là họ vừa được áp dụng quy định đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, vừa có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS để làm căn cứ xem xét hạ khung hình phạt, giảm mức hình phạt theo quy định của BLHS. Kết quả này đã phản ánh tính chất mức độ nguy hiểm cao cho xã hội của hành vi cũng như yếu tố nhân thân của những người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng như sự nghiêm túc của Tòa án khi giải quyết loại án này.

Các phán quyết của Tòa án về hình phạt trong các vụ án cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét một cách toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án nên đã bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các Tòa án đã bảo đảm việc thực hiện tốt nguyên tắc xử lý đối với các vụ án phạm tội có tổ chức: nghiêm trị những người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy,…; phân hóa hình phạt đối với từng người phạm tội theo vai trò thực hiện hành vi phạm tội cụ thể trong vụ án… Nhìn chung, hình phạt mà Tòa

án áp dụng đối với các bị cáo phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức bảo đảm nghiêm minh, kết hợp giữa trừng trị với giáo dục, thuyết phục.

3.3.2. Những sai lầm, vướng mắc trong quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vẫn tồn tại một số sai lầm, vướng mắc. Điều này có thể xuất phát từ việc định tội không đúng trực tiếp dẫn đến sai lầm trong quyết định hình phạt, một số trường hợp khác là do sai lầm, vướng mắc từ bản thân việc quyết định hình phạt khi việc định tội không có sai lầm.

Trong một số vụ án cụ thể, việc áp dụng quy định của pháp luật cũng như nguyên tắc xử lý chưa đúng dẫn đến việc quyết định hình phạt được thực hiện chưa thực sự chính xác. Trong vụ án cướp tài sản bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức, dù với vai trò nào (người tổ chức, người thực hành, người xúi giục hay người giúp sức) thì tất cả những người phạm tội trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự cụ thể nhiều hay ít đối với từng người tùy thuộc vào vai trò của họ trong vụ án. Về nguyên tắc, trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm nói chung và những người phạm tội có tổ chức nói riêng không phải và không thể ngang bằng nhau thể hiện qua việc hình phạt áp dụng đối với mỗi người là khác nhau, thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, phân hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt tối đa đối với mỗi người đồng phạm. Người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm nói chung và thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức nói riêng có mức độ tăng nặng TNHS nhiều hơn. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, mức hình phạt của người tổ chức trong tội cướp tài sản nhất thiết không thể thấp hơn người thực hành, người xúi giục hoặc người giúp sức nếu các tình tiết khác của vụ án như nhau. Tuy nhiên, một số Tòa án đã không vận dụng đúng nguyên tắc này quyết định hình phạt nhẹ hoặc quá nặng đối với người chủ mưu cầm đầu, chỉ huy và những người phạm tội có tổ chức, cho hưởng án treo không đúng,… dẫn đến quyết định hình phạt chưa chính xác, không

bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Trong đó, có một số sai lầm phổ biến khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức, cụ thể:

- Trường hợp thứ nhất, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, lên kế hoạch, chọn địa điểm, rủ rê, lôi kéo và tổ chức, phân công các đối tượng trong nhóm cùng thực hiện tội phạm, thể hiện rõ là phạm tội có tổ chức nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như khi xét xử, hội đồng xét xử nhận định đó chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử đã không áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức và khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử không áp dụng mức hình phạt của tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức. Việc phân hóa về hình phạt đối với những người đồng phạm cũng không được thực hiện một cách đúng đắn và triệt để, có những trường hợp hình phạt được áp dụng giữa các bị cáo là giống nhau trong khi vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội là khác nhau. Điều này thể hiện qua vụ án sau:

Vụ án được xét xử qua Bản án sơ thẩm số 32/HSST/2014 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã được phân tích ở trang 86-88 mục 3.2.2. Do nhận thức không đúng, tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản đối với các bị cáo H, T, K. Điều này dẫn đến hệ lụy là việc quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cũng chưa đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, Bản án sơ thẩm đã quyết định: đối với bị cáo Vương Văn H: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999 xử phạt mức án 08 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm tù về tội "Cướp tài sản"; đối với bị cáo Đỗ Văn K: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 53 BLHS năm 1999; xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm tù về tội "Cướp tài sản". Trong vụ án này, vai trò của H là quan trọng nhất, H là người chủ mưu, tổ chức, vạch kế hoạch, rủ rê, phân công T và K thực hiện tội phạm, và H cũng là người thực hành một cách tích cực khi thực hiện tội phạm. T và K thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành,

giúp H khi được nhờ thực hiện hành vi phạm tội để chiếm đoạt tài sản giúp H kiếm tiền về quê. Thực tế sau khi chiếm đoạt được tài sản, T và K cũng không lấy tài sản. Về nguyên tắc, mức hình phạt đối với mỗi bị cáo trong đồng phạm phải được phân hóa theo vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mỗi người. Tuy nhiên, trong vụ án này, mặc dù mức hình phạt của các bị cáo vẫn nằm trong quy định tại Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 nhưng mức hình phạt giữa H, T và K không có sự phân hóa, chênh lệch đáng kể. Cụ thể là hình phạt của H chỉ hơn mức hình phạt đối với T, K là 6 tháng tù. Mức hình phạt này chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của H cũng như chưa thể hiện được sự phân hóa về hình phạt giữa các bị cáo có vai trò khác nhau khi thực hiện hành vi phạm tội. Theo tác giả, nếu áp dụng một cách đầy đủ, chính xác các căn cứ quyết định hình phạt cũng như xem xét toàn diện về hành vi phạm tội của H thì mức hình phạt đối với H trong vụ án này phải từ 10 đến 10 năm 6 tháng tù. Mức hình phạt được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với H trong bản án trên là nhẹ.

- Trường hợp thứ hai, thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng này cho thấy, mặc dù đã áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tổ chức khi xét xử về Tội cướp tài sản nhưng do chưa thấy hết tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi do người tổ chức thực hiện, nên có một số Toà án quyết định mức hình phạt đối với người thực hành cao hơn hoặc bằng người tổ chức vì cho rằng, người tổ chức không trực tiếp thực hiện tội phạm, không trực tiếp gây ra thiệt hại. Điều này thể hiện qua một số ví dụ sau:

Vụ án thứ nhất[84]:

Trần Văn K, Đinh Văn H, Vũ Xuân T và Phạm Thanh B do Trần Văn K cầm đầu đã bàn bạc, chuẩn bị dao găm, dây thừng, quả chanh, giẻ bịt miệng đến nhà chị Bùi Thị Ngọc D để cướp tài sản. Trước khi đi, K phân công H và T cầm dao găm, dây thừng, quả chanh, giẻ bịt miệng vào nhà khống chế chị D, còn B ở ngoài canh gác. K cảnh giới vòng ngoài. Sau khi cướp được tài sản, K sẽ đón cả bọn tại quán bia. Thực hiện kế hoạch trên, Đinh Văn H, Vũ Xuân T đột nhập vào nhà chị D, H dùng dao găm khống chế chị D, còn T lục soát tài sản lấy đi 2.000 USD, 2 lượng vàng, 60 triệu đồng tiền Việt Nam và một số nữ trang khác, trong khi lục soát để lấy

tài sản, lợi dụng lúc H không chú ý, chị D đã lấy được chiếc kéo để ở mặt bàn đâm H một nhát rồi bỏ chạy và kêu "cướp! cướp!" thấy H bị đâm, T lấy dao của H đuổi theo chị D đâm chị Dung nhiều nhát vào vai, vào sườn làm chị D gục ngã và bị chết trên đường đi cấp cứu.

Khi xét xử vụ án này, tại bản án số 13/2012/HSST ngày 06/3/2012, TAND thành phố Hồ Chí Minh kết án Vũ Xuân T tử hình về Tội giết người và 8 năm tù về Tội cướp tài sản, vì cho rằng T là tên thủ ác, trực tiếp đâm chết chị D. Còn Trần Văn K tuy với vai trò cầm đầu nhưng không trực tiếp gây ra cái chết cho chị D nên Toà án chỉ phạt Trần Văn K 10 năm tù về Tội giết người và 5 năm tù về Tội cướp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc K phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Khi xét xử phúc thẩm, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh (nay là TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh) đã tuyên y án. Theo tác giả, việc quyết định hình phạt như trên của Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm rõ ràng là không đúng với vai trò của K trong vụ án là tên cầm đầu, chỉ huy. Khi phân công những đồng phạm khác thực hiện hành vi phạm tội, K không giới hạn mức thiệt hại mà đồng phạm có thể gây ra cho người bị hại. Tức là trong trường hợp này, K sẽ phải chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại do hành vi phạm tội của các đồng phạm khác gây ra. Tuy không trực tiếp thực hiện hành vi cướp nhưng K là người cầm đầu, khởi xướng, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, phân công việc thực hiện hành vi phạm tội, cảnh giới,… Theo nguyên tắc, khi quyết định hình phạt, K sẽ phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn các đồng phạm khác nhưng trong vụ án này, hình phạt của K lại thấp hơn người thực hành là T. Như vậy có thể thấy rằng mức hình phạt đối với Trần Văn K là quá thấp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của mình gây ra, không đúng với nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Vụ án thứ hai [79]:

Do không có tiền ăn chơi, Vũ Xuân T rủ rê Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất M, Hoàng Thanh S đi cướp tài sản của các lái xe taxi. Trước khi thực hiện hành vi, T và G đã chủ động bàn bạc, thuê xe taxi từ thành phố Hồ Chí Minh đi Long An, đến

chỗ vắng để thực hiện tội phạm và phân công: Nguyễn Văn G ngồi ghế phụ cạnh lái xe để chỉ đường, tắt khóa điện, giật phanh tay ô tô. Vũ Xuân T ngồi ghế sau, phía sau lái xe dùng dao khống chế, đe dọa. Nguyễn Tất M, Hoàng Thanh S ngồi ghế sau cạnh T hỗ trợ, khống chế lái xe và cùng đồng bọn chiếm đoạt tài sản. Thực hiện kế hoạch đã bàn bạc, trong các ngày 24 và 27/08/2011 cả bọn đã thực hiện trót lọt 2 hành vi: Dùng dao khống chế, dùng dây điện thoại trói chân, tay, dùng áo nhét vào miệng nạn nhân và chiếm đoạt được của anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn M tiền mặt, điện thoại di động với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.700.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Xuân T, Nguyễn Văn G, Nguyễn Tất M và Hoàng Thanh S đã phạm vào Tội cướp tài sản, phạm vào điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 với 2 tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tổ chức và dùng phương tiện nguy hiểm. Với các hành vi phạm tội và tội danh như trên, bản án số 63/2011/HSST ngày 26/12/2011 của TAND quận Tân Bình đã áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, tuyên phạt Vũ Xuân T 08 năm tù, Nguyễn Văn G 08 năm tù, Nguyễn Tất M 08 năm tù, Hoàng Thanh S 07 năm tù.

Tác giả không đồng tình với mức hình phạt mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo, bởi vì: Thứ nhất, mức hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức, có 2 tình tiết định khung tăng nặng nhưng mức hình phạt chỉ ở mức tối thiểu của khung hình phạt; thứ hai, mức hình phạt được áp dụng với mỗi bị cáo chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của các bị cáo gây ra, chưa phù hợp nguyên tắc phân hóa hình phạt theo vai trò, mức độ hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án, nhất là với nguyên tắc quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm, mức hình phạt được áp dụng đối với T và G bằng với bị cáo M. Trong vụ án này, Vũ Xuân T, Nguyễn Văn G là 02 bị cáo giữ vai trò chính: T khởi xướng và cùng G bàn bạc, phân công rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện tội phạm, chuẩn bị phương tiện, phân công vai trò, vị trí ngồi của từng bị cáo,… T và G thực hiện tích cực nhất và tham gia thực hiện liên tục hai hành vi phạm tội, vai trò của T là cao hơn của G do ban đầu T là người rủ rê G. Theo nguyên tắc quyết định hình phạt,

căn cứ vào vai trò trong vụ án thì T phải chịu mức hình phạt cao nhất, sau đó là G. Hai bị cáo này phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án để phù hợp với vai trò người tổ chức, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác. Các bị cáo khác chỉ thực hiện tội phạm với vai trò người thực hành nên mức hình phạt phải chịu sẽ thấp hơn T và G. Bên cạnh đó, mức hình phạt đối với các bị cáo nên được áp dụng ở mức cao hơn do tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội tương đối cao với hai tình tiết tăng nặng định khung. Do nhận định chưa toàn diện nên Hội đồng xét xử đã tuyên mức hình phạt chưa đúng quy định của pháp luật, chưa phù hợp đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Qua vụ án này có thể thấy, về đường lối xử lý, phân hóa TNHS đối với những người đồng phạm, BLHS hiện hành đã quy định nghiêm trị đối với kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Việc xử lý những người đồng phạm trong trường hợp đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng được tiến hành theo hướng phân hóa TNHS, dựa vào vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của họ. Bên cạnh đó, một nguyên tắc khi quyết định hình phạt là phải xác định hậu quả của tội phạm. Hậu quả của tội phạm là kết quả chung do hoạt động của tất cả những người tham gia vào việc thực hiện tội phạm đưa lại. Giữa hành vi của mỗi người và hậu quả của tội phạm đều có quan hệ nhân quả, trong đó, hành vi của người thực hành có quan hệ nhân quả trực tiếp với hậu quả của tội phạm. Hành vi của những người khác (tổ chức, giúp sức, xúi giục) thông qua hành vi của người thực hành mà gây ra hậu quả. Vì vậy, trừ trường hợp người thực hành có hành vi thái quá thì hậu quả chung của tội phạm do người thực hành gây ra sẽ do tất cả những người đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng cùng chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, với quy định của BLHS về tội phạm có tổ chức nói chung và cướp tài sản có tổ chức nói riêng thì sự phân hóa chưa thực sự triệt để, chưa tạo cơ sở pháp lý riêng biệt để xử lý các tổ chức tội phạm. Nói cách khác, quy định của pháp luật hình sự hiện hành của nước ta về tội phạm nói chung và tội cướp tài sản nói riêng có dấu hiệu có tổ chức chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với các tổ chức phạm tội và ngăn chặn tội phạm do các tổ chức tội phạm thực hiện.

- Trường hợp thứ ba, trong một số vụ án, Tòa án có sai lầm khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tính chất mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, bỏ sót một số tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS, vận dụng không đúng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS hoặc các quy định đặc biệt của BLHS dẫn đến việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức không chính xác. Điều này thể hiện qua vụ án sau [75]:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2015 đến ngày 13/12/2015, Mai Kim L, Lê Xuân Đ, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Tùng D, Phan Thanh P, Đoàn Dương P, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đình C, Nguyễn Như Q đã tổ chức, bàn bạc, chuẩn bị hung khí như rựa, mã tấu, bình xịt hơi cay, roi điện, cây gỗ để thực hiện nhiều vụ cướp và trộm cắp tài sản của những người khai thác cát trái phép trên địa huyện Cần Giờ, cụ thể: Ngày 18/10/2015, Mai Kim L cùng với Lê Văn Đ, Trương Văn T, Nguyễn Như Q đã có hành vi trộm cắp 15 dụng cụ khai thác cát trị giá 24.500.000 đồng ở lán trại khai thác cát trái phép của chị Nguyễn Thị Thanh V và ông Hồ Việt M bán cho Đinh Ngọc H thu lợi bất chính được 10.000.000 đồng, L chia cho Đ, T, Q mỗi người 2.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng L tiêu xài cá nhân. Từ ngày 21/11/2015 đến ngày 13/12/2015, Mai Kim L cùng với Nguyễn Xuân Tùng D, Trương Văn T, Đoàn Dương P, Lê Xuân Đ, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Đình C, Phan Thanh P liên tiếp thực hiện 04 vụ cướp tài sản cũng tại các ghe khai thác cát trái phép, trong đó: Bị cáo Mai Kim L: Thực hiện 04 vụ, số tiền thu lợi bất chính là 6.800.000 đồng; Bị cáo Lê Xuân Đ: Thực hiện 03 vụ, số tiền thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng; Bị cáo Trương Văn T: Thực hiện 02 vụ, số tiền thu lợi bất chính 4.00.00 đồng; Bị cáo Nguyễn Xuân Tùng D: Thực hiện 02 vụ, số tiền thu lợi bất chính 3.300.000 đồng; Bị cáo Đoàn Dương P: Thực hiện 01 vụ, số tiền thu lợi bất chính 500.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Đình C: Giúp sức cho Mai Kim Lai, Lê Xuân Đức, Trương Văn Tân, Nguyễn Xuân Tùng D thực hiện 01 vụ cướp tài sản; Bị cáo Phan Thanh P và Nguyễn Thanh T: Tham gia thực hiện 01 vụ cướp tài sản nhưng chưa lấy được tài sản; Bị cáo Nguyễn Như Q: Thực hiện 01 vụ, số tiền thu lợi bất chính 300.000 đồng;

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 17/8/2017 TAND huyện Cần Giờ đã quyết định: Đối với Lê Xuân Đ: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Mai Kim L: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Trương Văn T: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Nguyễn Xuân Tùng D: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Phan Thanh P: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Nguyễn Thanh T: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Cướp tài sản"; Đoàn Dương P: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản"; Nguyễn Đình C: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Bản án hình sự phúc thẩm số 255/2017/HSPT ngày 23/11/2017 của TAND thành phố Hồ Chí Minh quyết định giữ nguyên các điều, khoản, điểm buộc tội đối với các bị cáo nhưng giảm nhẹ hình phạt, cụ thể: Trương Văn T: Giảm 01 năm tù đối với tội "Cướp tài sản", buộc bị cáo phải chấp hành 04 năm 06 tháng tù; Nguyễn Xuân Tùng D: Giảm 01 năm tù, xử phạt bị cáo 04 năm tù; Phan Thanh P: Giảm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo 04 năm tù; Đoàn Dương P: Giảm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo 03 năm tù; Nguyễn Đình C: Xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Cả bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm đều bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo. Tác

giả rất đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã ban hành kháng nghị. Trong vụ án này, có 02 vi phạm trong bản án sơ thẩm và phúc thẩm đối với việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần được rút kinh nghiệm.

Vi phạm thứ nhất, vi phạm trong việc quyết định hình phạt và áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 quyết định hình phạt dưới khung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử các bị cáo về tội danh "Cướp tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội có tổ chức" và "sử dụng vũ khí" quy định tại điểm a, d Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử, Tòa án hai cấp chưa xem xét một cách đầy đủ và toàn diện về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của các bị cáo trong các vụ án mà áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 tuyên phạt mức án dưới khung hình phạt là không đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án phạm tội có tổ chức, vì vậy, việc quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo cần căn cứ vào vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện tội phạm theo nguyên tắc phân hóa TNHS, nghiêm trị những người giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu. Tuy nhiên, trong vụ án này, hình phạt đối với các bị cáo chưa có sự phân hóa rõ nét theo vai trò thực hiện tội phạm. Điều này làm cho phần hình phạt chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhất là với tính chất phạm tội có tổ chức, cụ thể: Bị cáo Mai Kim L tham gia 04 vụ Cướp tài sản với vai trò là người cầm đầu, chỉ huy thực hiện, lôi kéo, xúi giục người khác cùng phạm tội. Như vậy, mức hình phạt đối với L phải nặng hơn đối với các bị cáo khác có vai trò thứ yếu trong vụ án. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội nhiều lần, phải chịu tình tiết tăng TNHS quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng định khung, 01 tình tiết tăng nặng TNHS, có 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS cùng với vai trò chủ mưu, cầm đầu trong vụ án. Cân nhắc tất cả những yếu tố này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo 6 năm 6 tháng tù (dưới khung 07 đến 15 năm tù) đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật; Bị cáo Lê Xuân Đ tham gia 03 vụ cướp tài sản với vai trò là người thực hành tích cực nhất trong nhóm. Bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" với 02 tình tiết định khung là phạm tội có tổ chức và dùng hung khí nguy hiểm, có 01 tiền

án chưa được xóa, phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" và tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" (quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999). Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 năm tù với tội "Cướp tài sản" là quá thấp, thiếu nghiêm khắc; Bị cáo Trương Văn T thực hiện 02 vụ cướp tài sản và Nguyễn Xuân Tùng D thực hiện 02 vụ Cướp tài sản với tình tiết phạm tội có tổ chức, trong đó, cả 02 bị cáo đều tham gia với vai trò người thực hành, mức hình phạt đối với hai bị cáo này về nguyên tắc phải thấp hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo L, Đ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, bị cáo D có nhân thân xấu, bị cáo T phạm tội nhiều lần, cả hai đều phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 nhưng Tòa án hai cấp đều áp dụng Điều 47 năm 1999 xử phạt mức hình phạt dưới khung đối với 02 bị cáo là chưa đúng quy định của pháp luật; Bị cáo Phan Thanh P: Tham gia 01 vụ Cướp tài sản với vai trò là người thực hành, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo" tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, nhân thân xấu (từng bị xử phạt tù cho hưởng án treo, bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản) nhưng không ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị can đã bỏ trốn gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Trong thời gian trốn, bị can tiếp tục phạm tội "Cướp tài sản", bị xử phạt 8 năm tù và hiện đang chấp hành án. Vì vậy, đối với bị cáo này, Tòa án hai cấp áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt dưới khung là không đúng quy định của pháp luật, bị cáo không đủ điều kiện để được áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999; Bị cáo Đoàn Dương P, Nguyễn Thanh T: Tham gia 01 vụ cướp tài sản với vai trò là người thực hành, vẫn phải chịu TNHS với tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức. Các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo T sau khi gây thương tích không có ý thức khắc phục, không ăn năn hối cải. Do đó, việc áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để xử phạt dưới khung hình phạt đối với các bị cáo là không có căn cứ.

Vi phạm thứ hai, đó là vi phạm trong việc cho hưởng án treo: Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao: "2. Không cho hưởng án treo nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người phạm tội thuộc đối tượng cần

phải nghiêm trị quy định tại khoản 2 Điều 3 của BLHS bao gồm: người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy,…, có tổ chức...". Xét vai trò của bị cáo Nguyễn Đình C trong các vụ án có vai trò giúp sức tích cực, phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là nhẹ, Tòa án phúc thẩm lại sửa án sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là trái với quy định tại Nghị quyết trên.

Do những sai sót đó, phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo của bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã bị hủy để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật. Đây cũng là bài học kinh nghiệm cho các Tòa án khi cân nhắc, áp dụng quy định của pháp luật để quyết định hình phạt đối với các bị cáo trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung và phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Bên cạnh đó còn tồn tại vi phạm của Tòa án khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Điều này thể hiện ở vụ án sau [85]:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến ngày 14/7/2011, trên tuyến quốc lộ 1A thuộc địa bàn quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Thế K đã cùng đồng bọn câu kết với nhau, sử dụng xe môtô, dao quắm gây ra 11 vụ cướp, chiếm đoạt tài sản của các bị hại trị giá 77.540.000 đồng. Ngày 14/7/2011, K cùng đồng bọn đi 02 xe môtô để cướp tài sản thì bị Công an truy đuổi, bắt giữ, riêng K chạy thoát. Đến ngày 08/02/2012, Phạm Thế K bị bắt theo lệnh truy nã. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/HSST ngày 28/6/2012, Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng điểm a, d, e khoản 2 Điều 133, Điều 69; Điều 74; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt Phạm Thế K 10 năm tù về tội "Cướp tài sản". Sau khi Phạm Thế K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vụ án đã được xét xử phúc thẩm. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 589/HSPT ngày 31/10/2012, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã áp dụng điểm a, d, e khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 2 Điều 74 BLHS năm 1999 xử phạt Phạm Thế K 07 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Như vậy, khi định tội cũng như quyết định hình phạt đối với K, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đều áp dụng các quy định của BLHS giống nhau nhưng mức hình phạt cụ thể được quyết định lại có sự chênh lệch đến 03 năm tù, đây là mức

chênh lệch tương đối lớn. Tác giả đồng tình với quan điểm của Tòa án cấp phúc thẩm về việc áp dụng mức hình phạt 07 năm tù đối với K mà không phải là 10 năm như quan điểm của Tòa án cấp sơ thẩm. Bởi lẽ, khi phạm tội Phạm Thế K chưa đủ 16 tuổi, các vụ án gây ra đều trong độ tuổi từ 15 tuổi đến dưới 16 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 BLHS năm 1999, đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định. Trong vụ án này, K và đồng phạm bị áp dụng quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 133 BLHS với mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù. Mặc dù chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ, bị áp dụng đến 03 tình tiết tăng nặng định khung, vai trò của K trong vụ án là người tổ chức, chủ mưu và theo nguyên tắc cần phải bị áp dụng mức hình phạt nặng hơn các bị cáo khác nhưng mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù của khung hình phạt tại Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 vẫn chỉ là 15 năm tù. Như vậy, theo quy định tại Điều 74 BLHS năm 1999 thì mức hình phạt tối đa có thể áp dụng đối với K trong vụ án này là 07 năm 06 tháng tù. Mức hình phạt này được áp dụng theo chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với đối tượng đặc biệt là người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, mức hình phạt 10 năm tù do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với K là không đúng quy định của pháp luật. Mức án 07 năm tù mà Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, trong vụ án trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò tổ chức, chủ mưu của K,… Nhưng do nhận thức về quy định của pháp luật chưa chính xác và đầy đủ nên đã đánh giá không đúng về yếu tố nhân thân của K, đó là độ tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội vì vậy đã quyết định hình phạt không đúng quy định của pháp luật. Người dưới 18 tuổi phạm tội là đối tượng đặc biệt và họ được áp dụng quy định đặc biệt của BLHS về hình phạt. Với mức hình phạt đặc biệt được quy định theo độ tuổi, mức hình phạt cụ thể của họ thấp hơn rất nhiều so với người đã đủ 18 tuổi phạm tội, thậm chí có thể thấp hơn mức tối thiểu của khung hình phạt của điều luật quy định tội danh mà họ bị áp dụng mặc dù tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội

của hành vi của họ là rất nghiêm trọng cũng như vai trò quan trọng, quyết định của họ trong vụ án. Việc áp dụng mức hình phạt đối với họ thấp hơn mức bình thường không phải là căn cứ vào cảm tính chủ quan của người tiến hành tố tụng hay tình tiết giảm nhẹ TNHS mà là căn cứ vào quy định đặc biệt đối với đối tượng được BLHS coi là đặc biệt.

Ngoài ra, một số Tòa án còn vi phạm khi giảm mức hình phạt của một số bị cáo làm cho người có vai trò tích cực trong việc thực hiện tội phạm như người chủ mưu, cầm đầu, người thực hành tích cực phải chịu hình phạt nhẹ hơn những người có vai trò nhỏ hơn trong cùng một vụ án. Điều này thể hiện qua ví dụ sau [107]:

Nguyễn Xuân Q, Bùi Văn H, Nguyễn Trọng T đều là người không có nghề nghiệp, thường tụ tập với nhau đi cướp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 21 giờ ngày 25/7/2015, Q cùng H và T ngồi chơi tại khu vực trường mầm non phường C, quận BT, Q nói là hết tiền tiêu nên rủ H và T đi cướp tài sản của người đi đường thì cả hai đồng ý. Sau đó, T điều khiển 01 xe máy chở Q còn H điều khiển 01 xe máy đi xuống thị trấn N. Q mang theo 01 cây kiếm tự tạo dài khoảng 60cm, H mang theo 01 con dao Thái Lan dài khoảng 30cm. Đến ngã tư phường N, phát hiện thấy anh Phạm Duy P đang điều khiển xe máy chở vợ là chị Trần Thị T đi ngược chiều, Q hô lên "kia rồi, bám theo" T liền điều khiển xe đuổi theo xe anh P. Khi đến đoạn đường vắng, T vượt lên, ép xe của anh P vào lề đường, Q đứng trên giá để chân phía sau xe máy cầm kiếm chém anh P và quát "có điện thoại và tiền bỏ ra". Anh P giơ tay trái lên đỡ bị Q chém vào mặt ngoài cẳng tay trái, Q nhảy xuống xe, tiếp tục chém anh P, định cướp chiếc cặp để ở xe thì anh P kêu cứu và lấy mũ bảo hiểm ném lại nên Q không lấy được. Khi H cầm dao xông đến để hỗ trợ cho Q thì T gọi cả hai lên xe về. Cả bọn quay về lại phường C. Khi đến ngõ nhà Nguyễn Văn P thì dừng lại. Q vào gọi P ra và rủ đi cướp tài sản thì P đồng ý. T chở Q, P chở H tiếp tục đi xuống phường N. Khoảng 01 giờ ngày 26/7/2015, khi đi qua khu vực công ty may H thấy chị Đỗ Thị M đang điều khiển xe máy đi ngược chiều Q hô "quay lại", T và P chạy xe tiếp một đoạn rồi quay lại bám theo xe chị M. Khi đi đến đoạn đường vắng, Q giục P lên ép xe của chị M, P tăng ga chạy lên ngang xe của chị M, H ngồi

sau giơ kiếm lên quát "có tiền và điện thoại bỏ ra". Chị M giật mình nên để xe đổ xuống lề đường, H nhảy xuống tiếp tục cầm kiếm đe dọa còn Q cầm dao đứng sau lưng chị M. Thấy chị M đang giữ chiếc túi đeo trước ngực, H dùng tay trái giật túi, tay phải cầm dao chém vào bàn tay chị M. Lấy được chiếc túi của chị M, cả bọn lên xe bỏ chạy một đoạn sau đó dừng lại, kiểm tra túi xách thấy có: 29.500 đồng và một số vật dụng khác. Theo kết quả giám định pháp y, anh Nguyễn Duy P bị thương tích 8%; chị Đỗ Thị M bị chém vào tay, phải đến cơ sở y tế điều trị nhưng từ chối giám định thương tích. Bản án hình sự sơ thẩm tuyên các bị cáo Nguyễn Xuân Q, Bùi Văn H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn P phạm tội "Cướp tài sản": Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; Điều 33; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Xuân Q 08 năm 06 tháng tù; Bùi Văn H 08 năm tù; Nguyễn Trọng T 07 năm 09 tháng tù; Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133; Điều 33; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Văn P 05 năm 06 tháng tù.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt. Bản án hình sự phúc thẩm nhận định: đối với hành vi cướp tài sản của anh P, các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nhưng án sơ thẩm không áp dụng Điều 18 và khoản 3 Điều 52 BLHS năm 1999 để quyết định hình phạt là thiếu sót, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo Q và H. Vì vậy, sửa một phần án sơ thẩm: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 18, khoản 3 Điều 52, Điều 33, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt Nguyễn Xuân Q 07 năm 06 tháng tù, Bùi Văn H 07 năm tù; Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 BLHS năm 1999 xử phạt Nguyễn Văn P 05 năm 06 tháng tù. Bản án hình sự phúc thẩm trên đã bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án hình sự phúc thẩm nêu trên về phần áp dụng BLHS và quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Bùi Văn H để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tác giả rất đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng như Hội đồng xét xử giám đốc thẩm. Trong vụ án này, Nguyễn Xuân Q là người khởi xướng, lôi kéo các bị cáo khác

cùng thực hiện tội phạm với vai trò người cầm đầu, tổ chức, đồng thời cũng là người thực hành tích cực nhất (trực tiếp chém anh P để cướp tài sản và cầm dao đứng hỗ trợ cho H chém chị M cướp túi xách). Vì vậy, Q giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác thì mới tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với Bùi Văn H là người thực hành tội phạm rất tích cực, cầm dao xông vào hỗ trợ cho Q tấn công anh P và trực tiếp dùng kiếm chém chị M, cắt quai túi, cướp túi xách của chị M nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Tiếp theo, bị cáo T đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, điều khiển xe chở Q đi cướp tài sản trong cả hai lần phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm thứ ba trong vụ án. Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo và tuyên phạt Nguyễn Xuân Q 08 năm 06 tháng tù, Bùi Văn H 08 năm tù, Nguyễn Trọng T 07 năm 09 tháng tù Nguyễn Văn P 05 năm 06 là phù hợp, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi xét xử phúc thẩm, hội đồng xét xử phúc thẩm xác định hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng nhưng lại cho rằng hành vi cướp tài sản của anh P đã hoàn thành tội phạm nhưng chưa gây ra hậu quả, từ đó áp dụng thêm Điều 18 và khoản 3 Điều 52 BLHS năm 1999 để giảm hình phạt cho Q xuống còn 07 năm 06 tháng tù, H xuống còn 07 năm tù là không chính xác. Đồng thời, Toà án phúc thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo Q, H nhưng lại không xem xét đến các bị cáo không kháng cáo, dẫn đến Nguyễn Trọng T là người giữ vai trò thứ 3 trong vụ án lại phải chịu mức hình phạt cao nhất (07 năm 09 tháng tù) là không đúng với nguyên tắc xử lý của BLHS về đồng phạm, trong trường hợp này là phạm tội có tổ chức, không tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Như vậy, vì không xem xét một cách toàn diện, đầy đủ về hành vi cũng như vai trò của các bị cáo trong vụ án đồng phạm, quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm mà tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định hình phạt không phù hợp với quy định của pháp luật, không tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của các bị cáo dẫn đến bản án bị hủy.

Trường hợp thứ tư, chưa có quy định về sự phân hóa TNHS đối với hành vi phạm tội có tổ chức do tổ chức tội phạm thực hiện so với các trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường dẫn đến việc quyết định hình phạt chưa công bằng, chưa bảo đảm phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng do các băng, ổ, nhóm thực hiện ngày càng diễn biến phức tạp. "Việc hình thành các băng nhóm để phạm tội nói chung đã trở thành quy luật mà không phải là vấn đề có tính nhất thời" [67, tr.39]. Số lượng các băng nhóm tội phạm tương đối nhiều, "Theo thống kê từ năm 2010 đến năm 2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp trong Công an nhân dân phối hợp với các lực lượng chức năng trên cả nước đã triệt phá tổng cộng 12.579 băng nhóm với 41.670 đối tượng" [24, tr.41]. Có kinh tế phát triển, dân số đông, thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn hoạt động của nhiều băng nhóm tội phạm. Những băng nhóm này được lập ra và tồn tại trong thời gian dài để thực hiện nhiều tội phạm khác nhau hoặc phạm tội nhiều lần như cướp tài sản, trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma túy, buôn lậu, mua bán người,… một cách có tổ chức, thậm chí đã móc nối, câu kết với các băng nhóm tội phạm khác ở trong và ngoài nước để thực hiện tội phạm với tính chất nguy hiểm ngày càng gia tăng, đe dọa trực tiếp đến lợi ích của nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, an toàn của xã hội. Đây chính là các tổ chức tội phạm. Như vậy, các tội phạm khác nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện bởi các băng nhóm, các tổ chức tội phạm có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn rất nhiều so với các trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung. Để bảo đảm công bằng trong áp dụng hình phạt và có sức răn đe thì hình phạt đối với hành vi phạm tội được thực hiện bởi các tổ chức tội phạm phải cao hơn một cách rõ rệt so với trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường, tức là đòi hỏi có quy định riêng biệt cho trường hợp này. Tuy nhiên, cho đến nay, BLHS chưa có quy định về sự phân hóa TNHS đối với hành vi phạm tội có tổ chức do tổ chức tội phạm thực hiện so với các trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường. Những đối tượng trong tổ chức tội phạm thực hiện hành vi

phạm tội chỉ có thể bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội có tổ chức" về những tội cụ thể đã phạm. Vì vậy, trong các vụ án cướp tài sản, hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói chung và trường hợp phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức của những người thuộc các tổ chức tội phạm đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng phạm tội có tổ chức quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 168 BLHS hiện hành với mức hình phạt từ 07 đến 15 năm tù. Điều này chưa bảo đảm phân hóa hình phạt, chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cao của tội phạm do các tổ chức tội phạm gây ra.

Bên cạnh đó, các đối tượng trong tổ chức tội phạm chỉ bị xử lý về hành vi phạm vào những tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Còn hành vi kết tụ với nhau để cùng phạm tội nói chung, lập nên tổ chức tội phạm thì hiện tại chưa có điều luật xử lý trừ tội danh cụ thể là tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Mặc dù việc các đối tượng kết tụ với nhau lập nên tổ chức tội phạm để thực hiện nhiều tội phạm là rất nguy hiểm cho xã hội đòi hỏi thiết lập khung pháp lý cho việc ngăn chặn từ xa những hành vi đó. Đây là hạn chế của BLHS cần được khắc phục sớm, nhất là trong tình hình tội phạm hiện nay cũng như nghĩa vụ nội luật hóa các hành vi phạm tội theo nội dung Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

3.4. Nguyên nhân của những sai lầm, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Thứ nhất, các quy định của pháp luật hình sự còn thiếu cụ thể, chưa đầy đủ: quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng như quy định về phạm tội có tổ chức nói chung chưa thực sự rõ ràng, chưa được hướng dẫn cụ thể, thống nhất nhằm bảo đảm công tác áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Một là, thiếu quy định cụ thể mang tính chất phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng loại người đồng phạm khi quyết định hình phạt. Mặc dù tại Điều 52 BLHS đã quy định đã quy định một số tình tiết tăng nặng TNHS nói chung và Điều 3 BLHS đã quy định về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội, trong đó, nghiêm trị

người giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy. Tuy nhiên, những người có vai trò khác trong vụ án đồng phạm nói chung và phạm tội có tổ chức nói riêng chưa được quy định nguyên tắc phân hóa một cách cụ thể để làm căn cứ áp dụng hình phạt. Sự phân hóa theo yêu cầu này là sự phân định ranh giới hành vi giữa những người đồng phạm cho phép xác định vai trò của mỗi loại người đối với hoạt động phạm tội chung. Để thực hiện yêu cầu này, nhà làm luật cần đánh giá hành vi của tất cả những người có vai trò tác động đến việc thực hiện tội phạm và phân nhóm họ theo tính chất của sự tác động mà họ thực hiện đối với tội phạm chung. Cùng với sự phân loại này, các quy định về đồng phạm cần thực hiện đường lối xử lý khác biệt đối với loại người đồng phạm theo nguyên tắc TNHS được áp dụng phù hợp với vai trò của loại đồng phạm. BLHS hiện hành nước ta phân hóa các loại đồng phạm và đồng phạm có tổ chức thành bốn loại: Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức và người thực hành. Tác giả cho rằng, phân hóa những người đồng phạm thành bốn loại như quy định của pháp luật hình sự nước ta là hợp lý vì bốn loại người này giữ vai trò khác biệt căn bản trong việc thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, nếu như việc quyết định hình phạt chỉ dựa trên cơ sở phân hóa những người đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức theo tính chất hành vi của họ thì vẫn chưa đánh giá đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ thực hiện. Để xác định đường lối xử lý đối với mỗi người đồng phạm đòi hỏi nhà làm luật phải dựa trên việc phân loại những người đồng phạm đánh giá tính chất mức độ đóng góp, tham gia vào việc thực hiện tội phạm chung của từng loại người đồng phạm để tạo ra cơ sở pháp lý định hướng cho hoạt động cá thể hóa TNHS đối với họ trong các trường hợp cụ thể. BLHS hiện hành nước ta chưa có điều luật nào trực tiếp quy định sự phân hóa TNHS giữa người tổ chức, xúi giục, giúp sức, thực hành mà mới chỉ quy định về nguyên tắc xử lý chung trong mọi trường hợp phạm tội tại Điều 3 BLHS: “nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm”, nghĩa là người tổ chức được xác định là người nguy hiểm hơn cả nên bị xử lý nghiêm khắc nhất. Khoản 2 Điều 54 BLHS hiện hành cũng đã có quy định về trường hợp quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội lần đầu là

người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Tuy nhiên, trong những trường hợp thông thường khác thì việc quyết định hình phạt đối với người xúi giục, người thực hành và người giúp sức vẫn chưa có quy định phân hóa rõ ràng. Điều này làm cho việc quyết định hình phạt đối với những trường hợp này dễ bị thực hiện một cách tùy nghi và dễ dẫn đến sai sót.

Hai là, thiếu quy định về khái niệm tổ chức tội phạm và thiếu quy định riêng về trường hợp phạm tội có tổ chức do chủ thể là tổ chức tội phạm thực hiện và hình phạt riêng đối với các hành vi phạm tội đó. Trong những năm gần đây, bên cạnh sự phát triển của kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm có tổ chức nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng cũng có sự thay đổi. Đặc biệt là sự gia tăng của tội phạm do các băng nhóm tội phạm thực hiện với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Tuy nhiên, khái niệm tổ chức tội phạm và quy định riêng về trường hợp phạm tội có tổ chức do chủ thể là tổ chức tội phạm thực hiện và hình phạt riêng đối với các hành vi phạm tội đó chưa được BLHS quy định. Bên cạnh đó, trong phần các tội phạm của BLHS hiện hành không có điều luật nào quy định hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm với mục đích thực hiện tội phạm thông thường nhưng không nhằm chống chính quyền nhân dân là tội phạm. Việc những quy định làm căn cứ quyết định hình phạt chưa đầy đủ làm cho việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội trong trường hợp đặc biệt này chưa thể hiện sự phân hóa rõ ràng, triệt để đối với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội do tổ chức tội phạm thực hiện. Điều này làm cho việc áp dụng pháp luật trong quyết định hình phạt đối với các trường hợp đồng phạm nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng chưa thực sự công bằng, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của từng hành vi phạm tội. Cụ thể, trong các vụ án cướp tài sản, hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội cướp tài sản có tổ chức nói chung và trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng của những người thuộc các tổ chức tội phạm thực hiện đều được áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội có tổ chức" quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 168 BLHS hiện hành với mức hình phạt từ 07 đến 15 năm tù. Điều này làm cho việc

quyết định hình phạt chưa bảo đảm phân hóa hình phạt, chưa tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cao của tội phạm do các tổ chức tội phạm gây ra. Việc thành lập tổ chức tội phạm để thực hiện các tội phạm, trong đó có tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức chưa có chế tài để xử lý nên chỉ có thể xử lý về các hành vi phạm tội cụ thể.

Ba là, khái niệm phạm tội có tổ chức trong BLHS và giải thích của các văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng. Khi chưa xác định chính xác, thống nhất về phạm tội có tổ chức thì không thể quyết định chính xác hình phạt đối với người phạm tội trong trường hợp phạm tội có tổ chức một cách đúng đắn. Điều này làm cho việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức trên thực tế chưa thực sự thống nhất giữa các địa phương, giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bốn là, trường hợp chuyển hóa tội phạm từ một số tội xâm phạm sở hữu khác sang tội cướp tài sản chưa được luật hóa, hiện tại các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải áp dụng tinh thần hướng dẫn của một văn bản đã hết hiệu lực thi hành để truy cứu TNHS đối với người phạm tội nên không bảo đảm về giá trị pháp lý. Bên cạnh đó, việc thiếu hướng dẫn áp dụng pháp luật, án lệ cho trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung và tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc quyết định hình phạt trong các trường hợp này dễ dẫn đến sai lầm, không thống nhất. Ví dụ như việc xác định trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung và dấu hiệu câu kết chặt chẽ trong phạm tội có tổ chức nói riêng hiện tại vẫn chưa có văn bản mới để hướng dẫn áp dụng mà vẫn áp dụng Nghị quyết số 02-/HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết. Trong khi văn bản này hướng dẫn cho quy định tại BLHS năm 1985 với những quy định khác nhau rất lớn so với quy định của BLHS hiện hành. Án lệ trong trường hợp phạm tội tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho đến nay vẫn chưa được Tòa án nhân dân tối cao xây dựng. Điều này rõ ràng là bất cập rất lớn ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội có tổ chức nói chung và tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Thứ hai, trình độ năng lực, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ tư pháp chưa bảo đảm dẫn đến việc áp dụng pháp luật không chính xác của các cơ quan tiến hành tố tụng. Có một số trường hợp cán bộ tư pháp không nắm vững hoặc nhận thức chưa đúng đắn, chưa đầy đủ quy định về phạm tội có tổ chức nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Ví dụ dấu hiệu "câu kết chặt chẽ" trong quy định về phạm tội có tổ chức đã được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP/NQ của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 16 tháng 11 năm 1988. Tuy nhiên, một số cán bộ tiến hành tố tụng không nắm vững quy định dẫn đến việc áp dụng pháp luật một cách tùy nghi, không thống nhất làm ảnh hưởng đến việc định tội cũng như việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Với nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, trong giai đoạn xét xử và nhất là tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập và giữ vai trò quyết định trong việc định tội danh và quyết định hình phạt. Vì vậy, sai sót trong việc định tội danh, quyết định hình phạt có một phần do hạn chế về trình độ, năng lực, trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân ngành Tòa án. Thẩm phán là nhân vật trung tâm quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị cơ quan của Tòa án thông qua công tác xét xử. Để đạt được mục tiêu cải cách tư pháp, trước hết chúng ta phải quan tâm đến đội ngũ Thẩm phán và chất lượng hoạt động của họ. Trong thời gian qua, nhìn chung đội ngũ Thẩm phán ngành Tòa án nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, xét xử công tâm, khách quan đúng pháp luật các vụ án hình sự nói chung, các vụ án cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị tại địa phương, phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, còn có một số Thẩm phán chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, trong công tác thiếu thận trọng nên đã phạm phải những sai sót nghiên cứu hồ sơ, trong điều tra xác minh, đánh giá tài liệu, chứng cứ của vụ án, trong điều khiển phiên tòa,... Một số Thẩm phán chưa tích cực nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ nghiệp vụ nên chưa nắm vững các hướng dẫn áp dụng pháp luật đã dẫn đến áp dụng

không đúng các quy định của pháp luật dẫn tới việc xét xử sai. Việc quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán chưa quy định rõ ràng, chưa thường xuyên tổ chức tập huấn, học tập nghiệp vụ để nâng cao trình độ, năng lực nghiệp vụ cho các Thẩm phán, nhất là trong tình trạng quá tải về công việc trong khi đội ngũ thẩm phán tương đối mỏng như hiện nay. Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tình trạng này càng trầm trọng hơn. Mặt khác, với các quy định của pháp luật như: "Khi xét xử, Thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", "Khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán", nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số cũng như quy định về việc chịu trách nhiệm trước pháp luật về phán quyết của Hội đồng xét xử, về trách nhiệm bồi hoàn cho Tòa án nếu trong khi thực hiện nhiệm vụ mà gây thiệt hại,... thì đòi hỏi Hội thẩm nhân dân phải có kiến thức về chuyên môn tương đương với Thẩm phán (ngoài các yếu tố về uy tín và kinh nghiệm xã hội đáng kể cần có). Tuy nhiên, thực tế hiện nay, rất ít Hội thẩm nhân dân am hiểu pháp luật nói chung cũng như có sự hiểu biết sâu sắc về pháp luật thuộc từng lĩnh vực chuyên ngành. Đặc biệt, việc bầu Hội thẩm nhân dân chủ yếu lại chú trọng vào cơ cấu, thành phần đại diện của các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể quần chúng. Đa số các hội thẩm nhân dân là cán bộ hưu trí hoặc làm những công việc không liên quan đến pháp luật đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử trong đó có định tội, quyết định hình phạt nói chung và định tội, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức nói riêng. Chính vì không đủ kiến thức pháp luật nên họ không thực sự tự tin để ngang quyền Thẩm phán khi quyết định số phận của bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Trên thực tế, họ thường ít khi có chính kiến riêng mà thường lệ thuộc vào kiến thức, quyết định của Thẩm phán. Một số khác lại thiếu trách nhiệm, Thẩm phán quyết định như thế nào thì họ lại "rập khuôn" ý kiến của Thẩm phán mà không có sự độc lập ý kiến của riêng mình. Vì vậy dẫn tới hệ quả là Hội đồng xét xử định tội, quyết định hình phạt sai nếu Thẩm phán có trình độ chuyên môn hoặc đạo đức chưa tốt. Như vậy, chất lượng đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án và thực trạng định tội, quyết định hình phạt nói chung và trong

trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, trình độ năng lực của các cán bộ tiến hành tố tụng khác như Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng chưa thực sự tốt, chưa thực sự bảo đảm yêu cầu. Vì vậy, trong quá trình tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra đến truy tố cũng để xảy ra một số sai sót như ban hành quyết định tố tụng không đúng, nhận định, đánh giá về các tình tiết khách quan của vụ án, về chứng cứ tài liệu không đúng dẫn đến việc đưa ra định hướng cho quá trình điều tra, truy tố không chính xác,… Sai sót của giai đoạn tố tụng trước làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết vụ án ở giai đoạn sau, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nói chung, việc định tội và quyết định hình phạt ở giai đoạn xét xử nói riêng.

Thứ ba, số lượng của cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng còn mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến có sự "quá tải" trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng. Cụ thể, trong lực lượng Công an nhân dân: Theo thống kê tình hình nhân sự điều tra của Công an thành phố, năm 2020 thì tổng số biên chế lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm là 1.116 biên chế. Đối với Cơ quan điều tra, hiện nay với diện tích của thành phố là 2.095,6 km^2, với dân số gần 8,6 triệu người (năm 2018) thì tính trung bình mỗi một cán bộ chiến sĩ phải quản lý diện tích 1,87 km^2 và quản lý khoảng 7.678 người dân để phát hiện tội phạm nói chung, tội cướp tài sản nói riêng, chưa kể số lượng người dân nhập cư, dân vãng lai không thống kê chính xác được. Con số này hàng năm đều tăng lên. Ngoài ra nếu chỉ tính riêng số vụ án hình sự đã đưa ra xét xử sơ thẩm theo số liệu của toà án thì trung bình hàng năm có khoảng 5.442 vụ án hình sự thì mỗi cán bộ, chiến sĩ phải phụ trách điều tra trung bình khoảng 5 vụ/năm. Đây chỉ là số liệu các vụ án đã xét xử. Bên cạnh đó, với số lượng tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố trên địa bàn rất lớn, nhiều trường hợp giải quyết tin báo tố giác nhưng xác định không có dấu hiệu tội phạm, những vụ không khởi tố, hoặc đã khởi tố nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Ví dụ, năm 2020, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, số lượng vụ

án về tội cướp tài sản bị khởi tố mới là 230 vụ án nhưng số lượng vụ án về tội này bị đưa ra xét xử chỉ còn lại 132 vụ. Như vậy, số vụ án về tội cướp tài sản bị xét xử ít hơn so với số vụ bị khởi tố là 98 vụ (giảm gần 50%) mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Cơ quan điều tra nói riêng vẫn phải tiến hành tố tụng đối với tổng số 230 vụ án về tội này. Số lượng vụ án được điều tra, truy tố hàng năm đều lớn hơn số lượng án được đưa ra xét xử. Thực trạng này diễn ra ở tất cả các loại án, không chỉ riêng án cướp tài sản hay cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Điều này dẫn đến khối lượng công việc của các Điều tra viên là rất lớn mà không chỉ dừng lại ở con số 5 vụ/năm. Qua số liệu thực tế trên đã nói lên rằng lực lượng Công an trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh còn quá thiếu. Hằng năm biên chế của lực lượng cũng được bổ sung về số lượng và được đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện hơn về năng lực công tác để ngày càng đáp ứng yêu cầu công tác nhưng vẫn chưa đáp ứng được với số lượng án hình sự trên địa bàn thành phố;

Về đội ngũ Kiểm sát viên: năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 645 Kiểm sát viên. Đối với số lượng Kiểm sát viên để thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo đến giai đoạn xét xử và cả thi hành án hình sự. Bên cạnh đó, một bộ phận Kiểm sát viên còn phải thực hiện việc kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp và một số công tác khác như hành chính, văn phòng,.... Với khối lượng công việc lớn như vậy thì số lượng Kiểm sát viên của toàn thành phố là rất mỏng dẫn đến sự quá tải trong công việc. Chỉ tính riêng mảng hình sự, theo thống kê, hàng năm Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát trung bình 5.442 vụ án hình sự ở giai đoạn xét xử, như vậy mỗi Kiểm sát viên trung bình thực hiện việc thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử gần 9 vụ/năm. Nếu tính từ khâu giải quyết tố giác, tin báo thì số lượng này còn lớn hơn rất nhiều.

Tỷ lệ này là rất cao, như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức hiện nay. Đó là chưa kể đến lực lượng Kiểm sát viên còn phải chia ra một số lượng không nhỏ để thực hiện khâu công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của ngành như đã nêu ở trên. Điều này cho thấy số lượng cán bộ kiểm sát còn thiếu, đặc biệt, nhân sự thiếu nhiều như huyện Củ Chi, Cần giờ, Hóc Môn, Nhà Bè. Bên cạnh đó, hiện nay, lượng án thụ lý, giải quyết ngày càng tăng cả về số lượng và tính chất phức tạp gây áp lực rất lớn đối với lực lượng Kiểm sát viên;

Về đội ngũ Thẩm phán: Hiện nay, Tòa án nhân dân hai cấp ở thành phố Hồ Chí Minh có biên chế 1.260 người. Theo báo cáo tổng kết công tác xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hàng năm phải thụ lý số lượng án rất lớn cụ thể. năm 2018, thụ lý hơn 70.000 vụ, trong đó án hình sự hơn 5.134 vụ; năm 2019, thụ lý hơn 75.000 vụ, trong đó án hình sự hơn 5.472 vụ; năm 2020, thụ lý hơn 78.000 vụ, trong đó án hình sự hơn 5.941 vụ. Trung bình mỗi thẩm phán thụ lý 05 vụ việc/tháng. Như vậy, nếu tính số ngày làm việc thì mỗi Thẩm phán chỉ có khoảng 4 ngày để giải quyết xong một vụ án. Đây là áp lực rất lớn đối với các Thẩm phán. Áp lực đầu tiên là chất lượng xét xử, giải quyết các vụ án. Thời gian quá ít để nghiên cứu hồ sơ, để chuẩn bị xét xử thì chất lượng xét xử thường là sẽ không cao, thậm chí sai lầm có thể xảy ra. Như vậy, cả ba cơ quan tiến hành tố tụng ở thành phố Hồ Chí Minh đều rơi vào tình trạng quá tải về lượng án, áp lực thời gian giải quyết án hình sự nói chung, trong đó có án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Vì vậy, việc sai sót trong giải quyết án về định tội hay quyết định hình phạt là điều dễ xảy ra. Mặt khác, với chủ trương tinh giản biên chế của bộ máy nhà nước, trong đó có các cơ quan tư pháp thì con số biên chế của cả Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra đều đã và đang có xu hướng giảm trong khi số lượng các vụ án nói chung và án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức đều có xu hướng tăng thì áp lực công việc và nguy cơ sai sót càng dễ xảy ra.

Thứ tư, chế độ đãi ngộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho quá trình tiến hành tố tụng chưa bảo đảm, nhất là trang thiết bị phục vụ quá trình điều tra.

Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có nhiều thủ đoạn phạm tội, xảy ra thường ít khi đơn lẻ mà là nhiều vụ liên tiếp, tương đối tinh vi, thường hoạt động trên địa bàn rộng, lượng án truy xét nhiều,... Vì vậy, để có thể điều tra một cách đầy đủ, toàn diện một vụ án cần nhiều thời gian, công sức. Bên cạnh đó, phương tiện phục vụ cho truy bắt, điều tra tội phạm cũng cần được đầu tư hơn. Cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình tiến hành tố tụng nói chung của những người tiến hành tố tụng như máy tính, máy ghi âm,... cũng chưa được đáp ứng đầy đủ. Chế độ đãi ngộ nói chung và chế độ khi giải quyết những loại án phức tạp như cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng chưa được quan tâm đúng mức trong khi khối lượng công việc nhiều, áp lực công việc lớn. Điều này ảnh hưởng đến tinh thần làm việc của các cán bộ tố tụng, rất nhiều Kiểm sát viên, Thẩm phán xin ra khỏi ngành trong thời gian vừa qua là minh chứng cụ thể.

Thứ năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật chưa được tiến hành thường xuyên. Xuất phát từ việc lượng án phải giải quyết quá lớn dẫn đến quá tải trong công việc nên việc thực hiện quy định về đào tạo hàng năm đối với cán bộ của cơ quan tiến hành tố tụng chưa được thực hiện đầy đủ, rất khó bố trí thời gian để cán bộ đi học nâng cao trình độ. Chủ yếu là cán bộ sẽ phải tự học, tự trau dồi, "nghề dạy nghề" trong quá trình giải quyết án. Điều này làm cho kết quả giải quyết án phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của những cán bộ tiến hành tố tụng cụ thể ở mỗi địa phương, không có sự thống nhất trên cả nước, dễ dẫn đến sai sót, do nhận thức hay do chưa cập nhật quy định mới,...

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh có ảnh hưởng đến tình hình tội cướp tài sản nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng, tác giả đã thống kê, phân tích và đánh giá về tình hình tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021. Qua đó, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố thông qua thực tiễn định tội danh và thực tiễn quyết định hình phạt. Trong thời gian qua, công tác này đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhìn chung là bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác này cũng không tránh khỏi những hạn chế, bất cập như bỏ lọt hoặc xác định chưa đúng dấu hiệu của phạm tội có tổ chức; quyết định hình phạt đối với những người phạm tội chưa phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi cũng như vai trò, đặc điểm nhân thân của mỗi người phạm tội và nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm,... Thông qua việc phân tích thực trạng áp dụng pháp luật đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã đánh giá và rút ra những vi phạm, sai lầm và nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm đó bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cùng với cơ sở lý luận ở chương 2, kết quả nghiên cứu ở chương này là cơ sở thực tiễn cho việc đưa ra các giải pháp ở chương 4 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập, bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong thời gian tới.

Chương 4
YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CƯỚP TÀI SẢN DƯỚI HÌNH THỨC PHẠM TỘI CÓ TỔ CHỨC

4.1. Yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

4.1.1. Yêu cầu thực hiện chính sách hình sự trong cải cách tư pháp

Việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức phải dựa trên quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49 NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị đã nêu ra các hạn chế, bất cập và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó. Trên cơ sở đó, các văn bản trên cũng đưa ra các quan điểm chỉ đạo và một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp, đặt ra vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp; cải cách các cơ quan tư pháp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp,… Trong đó, Bộ Chính trị cũng đã nhấn mạnh nhiệm vụ "hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp. Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp phù hợp mục tiêu của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội"[2]. Bên cạnh đó cũng chú trọng "sửa đổi, bổ sung các chính sách hình sự và từng bước sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính. Thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội

phạm, đặc biệt là tội tham nhũng, tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu "xã hội đen"[2]. Quan điểm này đã được quán triệt một cách nhất quán, cụ thể hóa tại nhiều văn bản của Nhà nước như Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31 tháng 7 năm 1998 phê duyệt chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm với mục tiêu đặt ra là "tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội, giữ vững kỷ cương pháp luật, xây dựng một môi trường sống lành mạnh, nếp sống và làm việc theo pháp luật; làm giảm một cách cơ bản các loại tội phạm, phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và phát triển đất nước"[61] và mục tiêu cụ thể là "Từng bước làm giảm các loại tội phạm có sử dụng bạo lực, đặc biệt là các tội phạm giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, chống người thi hành công vụ, các tội phạm xâm hại trẻ em, bắt cóc và mua bán phụ nữ, trẻ em, lôi kéo trẻ em vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy, tội phạm người chưa thành niên và các loại tội phạm có tổ chức, có sử dụng vũ khí hoặc có tính chất côn đồ, hung hãn..."[61], trong đó, nội dung chương trình có việc "đấu tranh chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm có tính quốc tế, tội cướp, cướp giật…"[61].

Tiếp theo đó, Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 cũng đã nêu ra các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phòng chống tội phạm, đặc biệt là đã phê duyệt về nguyên tắc xây dựng 15 đề án để xây dựng chương trình, triển khai thực hiện Chiến lược này. Trong đó có Đề án 5 là xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tội phạm. Sau đó, tại Chương trình phòng, chống tội phạm ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ, giải pháp được đặt ra là: "Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, đặc biệt các chính sách trong phòng, chống tội phạm có tổ chức, "lợi ích nhóm", truy nã tội phạm; đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính" và "Tấn công trấn áp các loại tội phạm, tập trung đấu tranh những loại tội phạm nổi lên hiện nay, nhất là tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia…"[64]. Hiện nay, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vẫn tiếp tục xác

định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là "tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội"[2], một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là "Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ XHCN, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"[3].

Như vậy, với định hướng cải cách tư pháp về hình sự, việc xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm có tổ chức nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức đồng phạm có tổ chức nói riêng cũng đã và đang được chú trọng. Trên cơ sở đó, các văn bản pháp luật hình sự được ban hành. Trong đó, quan điểm xuyên suốt là kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm với nguyên tắc mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Nhà nước chú trọng xử lý nghiêm đối với các hành vi phạm tội nói chung và tội phạm được thực hiện dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng theo nguyên tắc mới được ghi nhận trong BLHS là nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức,… Như vậy, trường hợp phạm tội có tổ chức sẽ bị xử lý nghiêm khắc hơn so với trường hợp phạm tội thông thường thể hiện qua việc xử lý nghiêm những người đồng phạm có tổ chức. Trong đó, nguyên tắc xử lý chung đã được ghi nhận là "nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy…"[48]. Những nguyên tắc này được cụ thể hóa bằng các quy định của pháp luật hình sự, nhất là BLHS ở cả phần chung và phần các tội phạm. Các quy định này cần được tuân thủ nghiêm túc cũng như ngày càng hoàn thiện cho phù hợp hơn với thực tế tội phạm có tổ chức nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện được điều này đòi hỏi sự phối hợp và nỗ lực từ nhiều phía.

4.1.2. Yêu cầu thực tiễn phòng chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Như đã phân tích ở chương 3, tình hình tội phạm cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong những năm gần đây

[2] Nghị quyết ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (20, tr 332)

[3] Nghị quyết ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (20, tr 336)

diễn ra tương đối phức tạp. Số lượng vụ án tương đối lớn, tính nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này có xu hướng ngày càng tăng. Điều này thể hiện ở thủ đoạn, số lượng người cùng phạm tội trong một vụ án cũng như số lượng tài sản bị chiếm đoạt, hậu quả về tính mạng, sức khỏe gây ra cho bị hại. Đặc biệt là các vụ án do băng nhóm thực hiện ngày càng tăng. Theo dự báo của các nhà nghiên cứu [58, tr.149], tình hình tội cướp tài sản, trong đó có tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới sẽ còn diễn biến phức tạp, tăng về số vụ và nguy hiểm hơn về tính chất mức độ, gây ra hậu quả to lớn về tính mạng, sức khỏe, tài sản và tinh thần của người dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố. Thực trạng này đặt ra yêu cầu bức thiết là phải có giải pháp hiệu quả, kịp thời để phòng chống tội phạm nói chung và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng trong thời gian tới. Trong các giải pháp phòng chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, giải pháp bảo đảm việc áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với loại tội phạm này là rất quan trọng.

Bên cạnh đó, qua kết quả phân tích tình hình xử lý hình sự mà cụ thể là kết quả định tội và quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tại chương 3 cho thấy, trong những năm vừa qua, việc xử lý đối với loại tội phạm này đã và đang đạt một số kết quả tốt, việc áp dụng pháp luật để truy cứu TNHS đối với người phạm tội này được thực hiện tương đối kịp thời, đầy đủ và đúng đắn. Tuy nhiên, trong quá trình đó cũng tồn tại một số hạn chế, sai lầm, như: bỏ lọt hoặc xác định chưa đúng dấu hiệu của phạm tội có tổ chức; việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm;… Điều đó cho thấy rằng thực tiễn phòng chống tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói chung và trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đang đặt ra những yêu cầu đối với việc áp dụng pháp luật về tội danh này. Quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cần được áp dụng đúng, không gây oan sai nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm và người phạm

tội; Phải xác định đúng trường hợp phạm tội có tổ chức đối với tội danh này; mức hình phạt phải phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân người phạm tội,…

Mặt khác, xu hướng tội phạm nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện bởi các tổ chức tội phạm đang xảy ra ngày càng nhiều trên thực tế với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn và gây khó khăn hơn trong quá trình truy cứu TNHS so với các trường hợp thông thường. Tuy nhiên đến thời điểm này thì các quy định nói chung và hình phạt nói riêng đối với người phạm tội ở trường hợp đặc biệt này vẫn không có sự phân biệt. Điều này chưa tạo ra sự công bằng, chưa phân hóa triệt để hành vi phạm tội của từng đối tượng cụ thể. Trong khi đó, so sánh với quy định của BLHS một số nước và xu hướng chung của luật hình sự trên thế giới thì đã có những quy định này. Vì vậy, hoàn thiện quy định về các trường hợp này là yêu cầu bức thiết hiện nay.

4.1.3. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự

"Phân hóa TNHS là sự phân chia các trường hợp phạm tội thành những nhóm khác nhau dựa vào các căn cứ khác nhau như: tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân phạm tội,… và quy định với chúng vào trong luật hình sự với các mức độ TNHS phù hợp"[102, tr.27]. Cụ thể hóa mức độ TNHS cho các trường hợp phạm tội khác nhau là yêu cầu cơ bản nhất của nguyên tắc này. "Phân hóa TNHS là nguyên tắc xuyên suốt toàn bộ Phần các tội phạm của BLHS và được thực hiện trong cơ cấu của phần lớn các điều luật"[125, tr.41]. Tội phạm có thể được thực hiện trong những tình tiết rất khác nhau. Những tình tiết đó ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, trên cơ sở đó ảnh hưởng đến mức độ trách nhiệm của chủ thể phạm tội. Điều này đòi hỏi luật hình sự phải quy định các trường hợp có mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau bằng những mức độ TNHS khác nhau tương ứng. "Nhà làm luật phân hóa TNHS trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của việc thực hiện tội phạm"[125, tr.41]. Trong đó, phân hóa TNHS trong luật có thể bao gồm: phân loại tội phạm thành các nhóm tội khác nhau để có các quy định khác nhau về TNHS; đa dạng hóa hệ thống hình phạt; phân hóa chế tài của mỗi tội thành nhiều khung hình phạt khác nhau,… Các nội dung phân hóa này được quy định cụ

thể tại các điều 51 và 52 BLHS hiện hành (các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS) và các tình tiết định khung tăng nặng của một số tội phạm. Bên cạnh đó, Điều 3 BLHS hiện hành xác định các đối tượng cần nghiêm trị và các đối tượng cần khoan hồng, trong đó, nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức,… Để áp dụng nguyên tắc phân hóa TNHS đối với trường hợp phạm tội có tổ chức, các nhà làm luật đã quy định cụ thể về khái niệm phạm tội có tổ chức trong khuôn khổ quy định về đồng phạm ở phần chung BLHS và quy định về phạm tội có tổ chức với tư cách là tình tiết tăng nặng định khung ở nhiều điều luật trong phần các tội phạm, trong đó có tội cướp tài sản. Theo quy định tại Điều 168 BLHS hiện hành, tội cướp tài sản ngoài cấu thành cơ bản quy định những dấu hiệu định tội phản ánh bản chất nguy hiểm của tội phạm thì còn quy định tình tiết định khung tăng nặng TNHS để phân hóa TNHS trong từng trường hợp phạm tội có các tình tiết khác nhau. Trong đó, phạm tội có tổ chức là tình tiết định khung được quy định đầu tiên trong Tội cướp tài sản thể hiện sự đánh giá của nhà nước về mức độ nguy hiểm cao của trường hợp phạm tội này. Điều này đặt ra yêu cầu phải thực hiện tốt việc áp dụng pháp luật đối với các vụ án cướp tài sản nói chung và đối với trường hợp phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Hay nói cách khác, việc xây dựng và áp dụng quy định pháp luật về Tội cướp tài sản và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức phải thể hiện nguyên tắc phân hóa TNHS. Đây là trường hợp phạm tội được đánh giá là rất nguy hiểm cho xã hội với mức hình phạt được BLHS hiện hành quy định là từ 07 đến 15 năm tù. Dấu hiệu của trường hợp phạm tội này cũng đã được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng. Trên cơ sở đó, yêu cầu đặt ra là trường hợp phạm tội này phải được áp dụng đúng, bảo đảm đánh giá đúng mức độ nguy hiểm cho xã hội và phân biệt với các trường hợp phạm tội khác trong tội cướp tài sản. Việc áp dụng đúng quy định của pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức sẽ góp phần thực hiện yêu cầu của nguyên tắc phân hóa TNHS đặt ra. Trong đó, TNHS càng được phân hóa rõ ràng, đầy đủ, chính xác thì càng có cơ sở chính xác cho việc cá thể hóa hình phạt đối với mỗi người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

4.1.4. Yêu cầu hội nhập quốc tế

Trong xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng hiện nay, việc hợp tác, giao lưu đa phương, song phương giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới diễn ra ngày càng nhiều. Sự giao lưu hợp tác được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Cụ thể, để tham gia sân chơi chung của thế giới trên tất cả các lĩnh vực cũng như thực hiện mục tiêu chung là phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tổ chức tội phạm, chúng ta buộc phải có hệ thống pháp luật tương đồng, tiến bộ, trong đó có pháp luật hình sự. Hiện nay, Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, là thành viên của nhiều công ước quốc tế, nhất là công ước về phòng chống tội phạm, trong đó có phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội cướp tài sản có tổ chức nói riêng. Khi tham gia các công ước đó, với tư cách là một nước thành viên, Việt Nam phải có trách nhiệm nội luật hóa các quy định của các công ước. Việt Nam đã chính thức phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia vào ngày 08 tháng 6 năm 2012. Ngày 18 tháng 4 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 605/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là "Rà soát để hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp luật về phòng, chống tội phạm cho phù hợp với Công ước và Nghị định thư, trong đó tập trung nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành BLHS,…"[62] và tiếp tục hoàn thiện quy định của pháp luật trong nước, "Xây dựng dự án Luật phòng, chống tội phạm có tổ chức; nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật tương trợ tư pháp bảo đảm tính tương thích với Công ước và Nghị định thư,(…); Nghiên cứu, chọn lọc kinh nghiệm của các nước để hoàn thiện cơ chế, đề xuất bổ sung các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức và tội phạm có yếu tố nước ngoài nói riêng(…)."[62]. Như vậy, định hướng hoàn thiện quy định của pháp luật

nói chung và pháp luật hình sự nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm có tổ chức được Nhà nước ta rất quan tâm. Trong đó, việc nội luật hóa quy định của Công ước về xử lý đối với hành vi phạm tội có tổ chức là yêu cầu cấp thiết. Việc quy định cũng như áp dụng quy định của pháp luật để xử lý đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng không nằm ngoài xu hướng chung để thực hiện yêu cầu đó. Cụ thể, quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cần được quy định một cách rõ ràng, chặt chẽ, tương thích với pháp luật quốc tế và việc áp dụng những quy định đó cần được thực hiện một cách chính xác.

Ngoài yêu cầu các quy định của pháp luật cần rõ ràng, cụ thể để việc áp dụng pháp luật bảo đảm chính xác, thống nhất và nghiêm minh thì yêu cầu về cơ chế, về con người, cơ sở vật chất để thực hiện việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật đối với tội cướp tài sản dưới hình thức đồng phạm có tổ chức nói riêng cũng đã và đang được đặt ra. Bởi vì, muốn một hoạt động được thực hiện tốt, ngoài hành lang pháp lý phù hợp và đầy đủ thì người thực hiện hoạt động đó phải được xem là yếu tố rất quan trọng, như Bác Hồ đã nói: "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"[37, tr.269], "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém" [37, tr.240].

4.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Muốn quy định của pháp luật được áp dụng đúng đòi hỏi quy định đó phải đúng đắn, phù hợp với thực tiễn. Pháp luật cụ thể được xây dựng và hoàn chỉnh dựa trên sự định hướng của chính sách. Vì vậy, muốn quy định của pháp luật đúng đắn, phù hợp thì chính sách hình sự phải đúng đắn, phù hợp và xuất phát từ thực tiễn. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự là yêu cầu tất yếu khách quan nhằm phục vụ cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, "để chính sách hình sự theo kịp và phản ánh đúng đắn những biến đổi của tình hình kinh tế xã hội khách quan quy định những đặc điểm cơ bản

của tình hình tội phạm hình sự trong từng giai đoạn phát triển cụ thể của đời sống xã hội"[127, tr.28]. Pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mà trong xã hội hiện nay, các quan hệ xã hội thường xuyên phát sinh và thay đổi nhanh chóng dẫn đến chính sách hình sự cũng phải được xây dựng một cách kịp thời, có tính dự liệu cao để có thể có định hướng phù hợp cho pháp luật.

Quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được xây dựng dựa trên chính sách của Nhà nước về xử lý đối với loại tội phạm này. Để việc xây dựng pháp luật và việc áp dụng pháp luật về tội danh này nói riêng, quy định về tội phạm nói chung được thực hiện tốt, đạt hiệu quả cao và thống nhất thì khi xây dựng chính sách hình sự, tính dự báo, dự liệu cần được bảo đảm. Điều này nhằm bảo đảm có định hướng đúng đắn, phù hợp, tránh sự thay đổi thường xuyên làm cho quy định của pháp luật lạc hậu, không phù hợp dẫn đến sự bất ổn, không thống nhất trong áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Đối với quy định về phạm tội có tổ chức nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng, "pháp luật hình sự phải bảo đảm để có thể áp dụng tốt hơn nữa nguyên tắc cá thể hóa TNHS, nhằm bảo đảm một cách tốt nhất công bằng, nhân đạo trong xử lý từng vụ án có tội phạm có tổ chức"[39, tr.379]. Tuy nhiên, phạm tội có tổ chức là một trường hợp phạm tội chung, áp dụng cho nhiều loại tội phạm khác nhau nên không thể đưa ra hướng hoàn thiện cho riêng tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức mà phải hoàn thiện quy định chung về trường hợp phạm tội có tổ chức. Theo đề xuất của tác giả, cần hoàn thiện các quy định về phạm tội có tổ chức trong BLHS, bao gồm những nội dung sau:

- Mở rộng khái niệm về đồng phạm

Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành quy định về khái niệm đồng phạm tại Khoản 1 Điều 17 là "trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm". Khái niệm này không bao hàm được việc phạm tội có tổ chức của nhóm tội phạm có tổ chức: nhóm tội phạm có tổ chức được lập ra để thực hiện nhiều tội phạm. "Khái niệm về đồng phạm nêu trên phản ánh được chính xác sự thống nhất

về chủ quan và khách quan của nhiều người khi họ cùng thực hiện một tội phạm cụ thể nhưng không phản ánh được sự thống nhất về khách quan và chủ quan của nhiều người trong tổ chức chuyên phạm tội và phạm nhiều tội"[24, tr.140]. Sự liên kết về hành vi và ý thức khi thực hiện một tội phạm cụ thể chỉ là một phần, một giai đoạn trong cả quá trình liên kết của nhóm tội phạm có tổ chức. Chính vì vậy, lý luận về đồng phạm cần phản ánh được quá trình liên kết ở phạm vi rộng, toàn diện mà không chỉ dừng lại ở một mắt xích trong một tội phạm như hiện nay. Việc mở rộng khái niệm đồng phạm không chỉ phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay của các nhóm tội phạm có tổ chức ở Việt Nam mà còn cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự để đáp ứng yêu cầu nội luật hóa Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Như vậy, khái niệm đồng phạm tại khoản 1 Điều 17 BLHS hiện hành cần sửa đổi như sau: "*Đồng phạm là trường hợp hai người trở lên cố ý cùng tham gia thực hiện một tội phạm*".

- *Bổ sung điều luật quy định về tổ chức tội phạm*

Việc mở rộng khái niệm về đồng phạm như trên mới giải quyết được TNHS của những người trong tổ chức tội phạm và cả những người xúi giục, hỗ trợ cho tổ chức tội phạm trong việc thực hiện tội phạm nói chung nhưng chưa ngăn chặn được sự hình thành tổ chức tội phạm đó. Ngăn chặn sự hình thành tổ chức tội phạm chỉ có thể được thực hiện bằng việc tội phạm hóa hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức tội phạm. Vì vậy, cùng với việc mở rộng khái niệm về đồng phạm và làm cơ sở cho việc áp dụng quy định về tình tiết tăng nặng TNHS "do tổ chức tội phạm thực hiện" thì cần thiết phải bổ sung điều luật quy định về tổ chức tội phạm. Điều này xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu loại bỏ các tổ chức tội phạm, phân hóa TNHS giữa tổ chức tội phạm với phạm tội có tổ chức và phù hợp với pháp luật quốc tế về chống tội phạm có tổ chức, cụ thể là thực hiện nghĩa vụ nội luật hóa Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Khái niệm "tổ chức tội phạm" tương đồng với khái niệm "nhóm tội phạm có tổ chức" được quy định trong Công ước và phù hợp với lý luận về tội phạm ở nước ta.

Theo đó, khi nội luật hóa nên lượng hóa số người tối thiểu nên là ba người. Số lượng này phù hợp với lý luận về cơ cấu, với thực tiễn các băng nhóm ở Việt Nam và phù hợp với quy định của Công ước. Việc nội luật hóa quy định của Công ước thể hiện sự tương đồng pháp luật của Việt Nam với pháp luật hình sự quốc tế, mở ra khả năng hợp tác toàn diện trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tổ chức tội phạm nói riêng. Như vậy, phần chung của BLHS cần có quy định như thế nào là tổ chức tội phạm và tội phạm hóa đối với hành vi tham gia, thành lập tổ chức tội phạm. Người có hành vi thành lập, tham gia tổ chức tội phạm không chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi thành lập, hành vi tham gia tổ chức tội phạm mà còn phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm mà người đó tham gia thực hiện cùng với tổ chức tội phạm đó. Theo đó, BLHS cần bổ sung thêm một điều luật với tên "tổ chức tội phạm" và xếp sau điều luật quy định định nghĩa về đồng phạm. Nội dung của điều luật đó có thể xây dựng như sau:

Điều ..... Tổ chức tội phạm

1. Tổ chức tội phạm là tập hợp từ ba người trở lên có sự liên kết, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có sự phân hóa vai trò, phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các thành viên, do một hoặc một số cá nhân thành lập, điều khiển một cách có kế hoạch nhằm thực hiện một hoặc nhiều tội phạm.

2. Người thành lập, lãnh đạo tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thành lập, lãnh đạo tổ chức tội phạm trong những trường hợp được quy định tại các điều luật thuộc Phần các tội phạm của Bộ luật này.

3. Người tham gia tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự về việc tham gia trong những trường hợp được quy định tại các điều luật thuộc Phần các tội phạm của Bộ luật này.

4. Người thành lập, lãnh đạo, tham gia tổ chức tội phạm còn phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm mà họ cố ý cùng tham gia thực hiện.

Người chuẩn bị thành lập, lãnh đạo, tham gia tổ chức tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội.

- *Bổ sung tình tiết "do tổ chức tội phạm thực hiện" vào quy định về tội cướp tài sản và một số tội phạm cụ thể khác.*

Mặc dù hiện tại, khái niệm phạm tội có tổ chức sẽ bao gồm cả hai trường hợp là tội phạm được thực hiện bằng hình thức có tổ chức nói chung và tội phạm do tổ chức tội phạm thực hiện. Tuy nhiên, như đã phân tích ở chương 3, hành vi phạm tội có tổ chức nói chung và cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện bởi tổ chức tội phạm có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn rất nhiều so với trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường. Vì vậy, để phân hóa TNHS, bảo đảm công bằng khi quyết định hình phạt, phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì cần thiết bổ sung tình tiết định khung tăng nặng *"do tổ chức tội phạm thực hiện"* vào cấu thành tăng nặng của tội cướp tài sản và các tội phạm tương ứng có quy định tình tiết phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, tình tiết này có tính chất mức độ nguy hiểm cao hơn, như là một trường hợp đặc biệt của tình tiết "phạm tội có tổ chức" nói chung, nên nó cần được bổ sung vào khoản nặng hơn của điều luật. Cụ thể, đối với quy định về Tội cướp tài sản tại Điều 168 BLHS hiện hành, tình tiết "do tổ chức tội phạm thực hiện" nên được bổ sung vào quy định tại Khoản 3 với mức hình phạt nặng hơn quy định tại khoản 2. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung quy định tình tiết "Do tổ chức tội phạm thực hiện" vào điều luật quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói chung. Tuy nhiên, để áp dụng tình tiết này thì BLHS phải bổ sung quy định xác định như thế nào là tổ chức tội phạm như đã phân tích ở đề xuất trên.

- Quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm:

Với cách phân loại những người đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam hiện hành thì trong số những người đồng phạm, người tổ chức chịu TNHS cao nhất. BLHS hiện hành cũng đã thể hiện quy định này trong chính sách hình sự của Nhà nước ta tại điểm a khoản 1 Điều 3: "*nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy,...*". Như vậy, trong trường hợp phạm tội có tổ chức thì vai trò của người tổ chức lại càng đặc biệt nguy hiểm, theo đó, người tổ chức được xác định là người nguy hiểm hơn cả nên bị xử lý nghiêm khắc nhất. Đối với người thực hành và người

giúp sức thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội trong hành vi phạm tội của họ có đặc trưng riêng nhưng xét về tổng thể trong bốn loại người đồng phạm, theo tác giả hai loại người đồng phạm này thể hiện gần nhau hơn so với người tổ chức và người xúi giục. Vai trò hỗ trợ hoạt động phạm tội của người giúp sức cũng là một trong những căn cứ để cá thể hóa TNHS của người giúp sức với tính chất ít nguy hiểm hơn so với những loại người đồng phạm khác. Theo quy định của BLHS hiện hành, người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm còn người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm. Qua khái niệm trên có thể thấy rằng, người xúi giục và người giúp sức có vai trò khác nhau trong việc hình thành thái độ quả quyết thực hiện tội phạm. Trong đó, người xúi giục làm xuất hiện ý thức về việc thực hiện tội phạm, thái độ quả quyết thực hiện tội phạm, là khởi nguồn cho sự xuất hiện của tội phạm. Người thực hành bị kích động, dụ dỗ, thúc đẩy nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, nên buộc người xúi giục chịu trách nhiệm hình sự như người thực hành. Còn người giúp sức chỉ có vai trò củng cố thái độ quả quyết thực hiện tội phạm đã được hình thành trước đó, tạo điều kiện cho người thực hành thực hiện hành vi phạm tội nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi giúp sức sẽ ít hơn so với hành vi phạm tội của người thực hành và người xúi giục. Thực tiễn xét xử ở nước ta cũng cho thấy, trong một vụ đồng phạm, người giúp sức thường có vai trò ít nguy hiểm hơn so với những người đồng phạm khác. Vì vậy, cần có quy định rõ ràng trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng loại người đồng phạm để có căn cứ rõ ràng trong việc quyết định hình phạt. Do đó nếu luật hình sự chỉ phân loại người tổ chức, cầm đầu còn những người đồng phạm khác không có sự đánh giá, phân loại thì sẽ là chưa đủ. Ngoài đường lối nghiêm trị đối với người phạm tội có tổ chức nói chung như hiện nay cần phải quy định rõ trong luật nguyên tắc xử lý đối với việc truy cứu TNHS đối với những người đồng phạm khác. Theo tác giả, nên buộc người tổ chức phải chịu TNHS ở mức nghiêm khắc hơn so với người thực hành; người xúi giục phải chịu trách nhiệm như người thực hành còn người giúp sức chỉ đóng vai trò thứ yếu nên mức độ TNHS nhẹ hơn so với

người thực hành. Quy định như vậy thể hiện sự đánh giá cao vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi dụ dỗ, kích động, thúc đẩy việc thực hiện tội phạm của người xúi giục, trong khi đó người giúp sức chỉ đóng vai trò nhỏ hơn, là người tạo ra các điều kiện vật chất và tinh thần cho người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm. Việc quy định nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm có mục đích phân hóa TNHS đối với những người đồng phạm nói chung và người phạm tội có tổ chức nói riêng cũng như phản ánh đúng tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của từng người. Điều này bảo đảm sự rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện cho việc quyết định hình phạt được rõ ràng, thống nhất. Vì vậy, theo tác giả, có thể quy định cụ thể như sau:

Người tổ chức phải chịu TNHS tăng nặng hơn so với người thực hành.

Người xúi giục chịu TNHS như người thực hành.

Người giúp sức được giảm nhẹ TNHS hơn người thực hành.

- Luật hóa trường hợp chuyển hóa tội phạm

Như đã phân tích ở chương 2, trường hợp người phạm tội ban đầu thực hiện hành vi phạm một số tội xâm phạm sở hữu khác như Tội cướp giật tài sản, Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản,Tội trộm cắp tài sản nhưng người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản thì sẽ phạm tội cướp tài sản mà không phải là trường hợp "hành hung để tẩu thoát". Đây là trường hợp chuyển hóa tội phạm được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP. Văn bản này hướng dẫn cho BLHS năm 1999. Đến nay khi BLHS năm 1999 đã hết hiệu lực thi hành thì thông tư liên tịch này cũng không còn giá trị pháp lý. Tuy nhiên, hành hung để tẩu thoát và chuyển hóa tội phạm đều xảy ra rất phổ biến đối với tội phạm xâm phạm sở hữu ở nước ta và cần phải có văn bản hướng dẫn áp dụng. Do chưa có văn bản hướng dẫn về trường hợp này thay thế Thông tư liên tịch số 02/2001 nên hiện tại các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn đang áp dụng tinh thần hướng dẫn này để xử lý

trường hợp chuyển hóa tội phạm. Rõ ràng, việc áp dụng như vậy là không phù hợp về mặt giá trị pháp lý, cần có văn bản thay thế.

Bên cạnh đó, chuyển hóa tội phạm cũng là một trường hợp phổ biến trên thực tế đối với các tội xâm phạm sở hữu, việc có quy định rõ ràng để áp dụng xử lý một cách đúng đắn là rất cần thiết. Mặt khác, đây là trường hợp chuyển từ tội khác sang tội cướp tài sản, về bản chất đó là vấn đề định tội. Nếu quy định các vấn đề về định tội ở một văn bản hướng dẫn là không phù hợp vì chỉ có BLHS mới quy định như thế nào bị coi là hành vi phạm tội, quy định tội danh cụ thể. Vì vậy, việc luật hóa quy định chuyển hóa tội phạm vào BLHS là nhu cầu rất cần thiết đang đặt ra hiện nay. Các cơ quan có thẩm quyền cần sớm quy định trường hợp chuyển hóa tội phạm từ các tội xâm phạm sở hữu khác sang Tội cướp tài sản vào BLHS. Nội dung quy định có thể tham khảo quy định tại Điều 252 BLHS Cộng hòa Liên bang Đức với quy định về trộm có tính chất cướp: "người nào bị bắt quả tang khi trộm cắp mà dùng bạo lực hoặc sử dụng những sự đe dọa với sự nguy hiểm hiện hữu cho thân thể hoặc tính mạng chống lại một người để giữ sự chiếm hữu đồ vật đã trộm cắp được thì bị xử phạt như một người thực hiện tội phạm cướp"[93, tr.402]. Bên cạnh đó, khi chưa có điều kiện để sửa đổi bổ sung hay xây dựng mới BLHS thì cần ban hành văn bản quy định trường hợp này thay thế cho Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP để có căn cứ pháp lý, tạo thuận lợi cho việc áp dụng quy định về chuyển hóa tội phạm trên thực tế.

4.2.2. Giải pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật và xây dựng án lệ về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức

Qua quá trình công tác nói chung, áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử đối với các loại án phức tạp nói riêng như án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, liên ngành tư pháp trung ương và nhất là các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương cũng như mỗi ngành cần thường xuyên tổng kết thực tiễn để xác định những kết quả đạt được cũng như những khó khăn, hạn chế, vướng mắc và những sai sót thường gặp. Trên cơ sở thẳng thắn trao đổi, phân tích để tìm ra

nguyên nhân và đề ra hướng giải quyết phù hợp, kịp thời, xác định đúng, đầy đủ những sai sót thường gặp, những vấn đề chưa thống nhất, mâu thuẫn về quan điểm giải quyết giữa các ngành hoặc các cơ quan, thậm chí trong từng cơ quan, từng địa phương để xác định cách giải quyết đúng đắn, xác định tiêu chuẩn chung phù hợp, thống nhất để từ đó người tiến hành tố tụng có căn cứ áp dụng cho các trường hợp trên thực tế. Công tác này có thể thực hiện thông qua nhiều hình thức và quy mô như: Liên ngành tư pháp bàn bạc để tìm ra hướng giải quyết phù hợp, ban hành văn bản hướng dẫn chung nhằm giải quyết mâu thuẫn, khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật; mỗi ngành tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật trong từng khâu công tác của ngành mình để tổng hợp khó khăn vướng mắc và đưa ra cách giải quyết thống nhất hướng dẫn áp dụng trong ngành. Thông qua việc tổ chức các hội nghị tổng kết kinh nghiệm áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng để góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng đang trực tiếp giải quyết loại án này; các cơ quan cấp trên ban hành thông báo rút kinh nghiệm sau khi giải quyết mỗi vụ án lớn, phức tạp, có sai sót để các cơ quan cấp dưới thực hiện một cách thống nhất, ví dụ, thông báo rút kinh nghiệm đối với một vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có sai sót trong áp dụng pháp luật dẫn đến bị kháng nghị, bị hủy án,…; hoặc mỗi ngành tư pháp tổng kết thực tiễn theo loại án, loại vi phạm theo định kỳ hàng năm, hàng quý hoặc trong thời điểm loại án đó xảy ra nhiều, trở thành điểm nóng để có hướng chỉ đạo phù hợp cũng như giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc phát sinh. Không dừng lại ở đó, qua một thời gian thực hiện việc hướng dẫn, mỗi ngành, mỗi cơ quan cần tổng kết thực tiễn về kết quả đạt được cũng như hạn chế khi áp dụng hướng dẫn cũng như tổng hợp những vấn đề mới phát sinh để có hướng giải quyết kịp thời, triệt để những khó khăn vướng mắc.

Bên cạnh đó, đối với loại án được đánh giá là phức tạp và văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ như án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, mỗi ngành Công an, Kiểm sát và Tòa án cần tăng cường hơn nữa việc đánh giá đúng thực trạng

công tác, rút ra hạn chế, nguyên nhân, đưa ra giải pháp khắc phục thích hợp giúp cho cán bộ tiến hành tố tụng học tập, rút kinh nghiệm thông qua xây dựng các chuyên đề nghiệp vụ về công tác áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội này ở mỗi ngành cũng như thống nhất liên ngành. Thông qua quá trình xây dựng chuyên đề cũng như tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm, góp ý cho chuyên đề và quá trình phổ biến nội dung chuyên đề cho các ngành, các cơ quan và cán bộ tiến hành tố tụng sẽ hoàn thiện hơn về cả lý luận và kinh nghiệm giải quyết cũng như vướng mắc hạn chế gặp phải khi giải quyết loại án này. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương mà các cơ quan tư pháp rất tích cực trong việc xây dựng chuyên đề tổng kết thực tiễn hàng năm về những khó khăn vướng mắc khi giải quyết các loại án cụ thể và đề xuất phương hướng giải quyết cũng như định hướng nhận thức cho các cán bộ thực tiễn trong việc khắc phục hạn chế, giải quyết khó khăn vướng mắc. Tuy nhiên, đối với các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức thì các cơ quan tư pháp của thành phố chưa xây dựng chuyên đề tổng kết thực tiễn riêng. Các chuyên đề tổng kết thực tiễn của các địa phương chính là nguồn tư liệu chính xác và thiết thực để các cơ quan tư pháp ở trung ương có cơ sở thực tiễn để xây dựng văn bản hướng dẫn một cách phù hợp, kịp thời và chính xác. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn để các cơ sở đào tạo xây dựng các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu một cách chính xác, phù hợp và kịp thời, kết hợp lý luận và thực tiễn một cách chặt chẽ, bảo đảm hiệu quả đào tạo và sức sống của các chương trình bồi dưỡng, góp phần giải quyết khó khăn cho công tác thực tiễn của ngành, trên cơ sở đó nâng cao trình độ nhận thức cũng như năng lực nghiệp vụ cho cán bộ tiến hành tố tụng.

Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức có đặc thù là hành vi phạm tội trên thực tế luôn đa dạng, phức tạp và có sự thay đổi nhanh chóng. Thực tế này làm cho các quy định của pháp luật thường không dự liệu được và không theo kịp. Vì vậy khi áp dụng pháp luật, các cơ quan và người tiến hành tố tụng ở liên ngành tư pháp rất cần có sự hướng dẫn nghiệp vụ từ cấp trên để có thể áp dụng pháp luật một cách chính xác, linh hoạt và thống nhất. Thực tiễn cho thấy, việc chưa

thống nhất trong quyết định mức hình phạt đối với những người phạm tội trong các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có một nguyên nhân là chưa có quy định về nguyên tắc đánh giá, quyết định hình phạt đối với từng vai trò phạm tội trong vụ án một cách thống nhất. Vì vậy, theo tác giả, trước mắt, khi chưa có điều kiện sửa đổi bổ sung quy định của BLHS hiện hành thì cơ quan có thẩm quyền, cụ thể là Tòa án nhân dân tối cao hoặc liên ngành tư pháp cần ban hành văn bản hướng dẫn trong đó hướng dẫn về việc phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt trong vụ án đồng phạm nói chung, phạm tội có tổ chức nói riêng. Trong đó nêu rõ nguyên tắc áp dụng hình phạt là trên cơ sở cân nhắc các điều kiện khác ngang nhau thì người tổ chức phải chịu TNHS tăng nặng hơn so với người thực hành; người xúi giục chịu TNHS như người thực hành; người giúp sức được giảm nhẹ TNHS hơn so với người thực hành. Khi có điều kiện sửa đổi bổ sung quy định của BLHS trong những lần sửa đổi tiếp theo thì quy định này cần được đưa vào Phần chung BLHS làm cơ sở pháp lý cho việc xử lý có tính chất phân hóa đối với những người đồng phạm nói chung và những người phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản nói riêng.

Bên cạnh đó, mặc dù BLHS hiện hành chưa có quy định về tổ chức tội phạm nhưng hướng dẫn tại mục I Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16 tháng 11 năm 1988 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã có nêu các dạng hành vi câu kết trong phạm tội có tổ chức, trong đó có dạng "Những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội như: đảng phái, hội, đoàn phản động, băng, ổ trộm, cướp, … có những tên chỉ huy, cầm đầu". Đây là dạng hành vi phạm tội mà chủ thể thực hiện hiện nay được gọi với thuật ngữ là "tổ chức tội phạm". Hành vi phạm tội nói chung và phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện bởi các chủ thể này có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn rất nhiều so với trường hợp phạm tội có tổ chức thông thường. Vì vậy, để phân hóa TNHS một cách đúng đắn, phù hợp thì hình phạt đối với các chủ thể này khi phạm tội phải cao hơn đối với các chủ thể khác. Để thực hiện điều này thì cần có cơ sở pháp lý. Theo tác giả, khi BLHS chưa có quy định thì cơ quan có thẩm quyền, cụ thể trong trường hợp này là

TAND tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn, kế thừa quy định tại Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ và quy định thêm về việc quyết định mức án nặng hơn đối với người phạm tội là những người đồng phạm đã tham gia một tổ chức phạm tội. Điều này vừa giải quyết vướng mắc khi hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn về phạm tội có tổ chức nói chung cho BLHS hiện hành để các cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ áp dụng, không phải áp dụng tinh thần của một văn bản đã hết hiệu lực thi hành là Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ; vừa bảo đảm căn cứ, định hướng để các tòa án quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, phù hợp, thống nhất đối với những người phạm tội nói chung và phạm tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng với tư cách là thành viên của một tổ chức tội phạm.

Ngoài ra, việc cân nhắc, xây dựng án lệ về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung đang có xu hướng tăng về cả số lượng và mức độ phức tạp. Việc áp dụng pháp luật hình sự khi xử lý đối với loại án này của các cơ quan có thẩm quyền đòi hỏi phải đúng quy định của pháp luật và bảo đảm thống nhất trên cả nước. Tuy nhiên, các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung xảy ra một cách "muôn hình vạn trạng" với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau, cách hiểu và áp dụng pháp luật của mỗi cơ quan, người tiến hành tố tụng trong một số trường hợp cũng chưa thống nhất dẫn đến cách xử lý, mức hình phạt... trong một số trường hợp không thống nhất. Trước thực trạng đó cùng với xu hướng xây dựng án lệ ở nước ta hiện nay thì việc xây dựng án lệ đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng là hướng mà các cơ quan có thẩm quyền cần xem xét, thực hiện một cách kịp thời. Có thể nói, xây dựng án lệ là một trong những giải pháp để bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng ở nước ta. Thực tế cho thấy, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh số lượng vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tương đối lớn so với cả nước, quy mô lớn, tính chất phức tạp, mang điển hình của loại án này ở nước ta. Hoạt động tiến hành tố tụng nói

chung và xét xử nói riêng của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố được tiến hành tương đối tốt và ngày càng được hoàn thiện. Chính vì vậy, việc xây dựng án lệ về việc xử lý loại tội phạm này từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp và có khả năng mang lại hiệu quả cao, bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật mà cụ thể là xét xử đối với các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, bảo đảm những vụ án có tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần lựa chọn những bản án có giá trị làm rõ quy định của pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức còn có cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ án về tội danh này, thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề phát sinh trên thực tế mà chưa có điều luật quy định cụ thể, những bản án có tính chuẩn mực và có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử đối với loại tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức để Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố làm án lệ.

4.2.3. Nâng cao nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân

Để giải quyết các vụ án hình sự nói chung, các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, cụ thể là cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Kết quả hoạt động của các cơ quan được phản ánh qua hiệu quả công việc của những người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này. Hồ Chủ tịch đã từng nói: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"[37, tr.269], "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém"[37, tr.240]. Trong các văn kiện của Đảng qua từng thời kỳ cũng khẳng định, cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Trong đó, Nghị quyết số 08-NQ/TW về "một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới" và Nghị quyết số 49-NQ/TW về "chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" của Bộ Chính trị cũng đã thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo là phải xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nhất là trong giai đoạn

hiện nay, đội ngũ cán bộ tư pháp, của nước ta còn thiếu về số lượng, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ còn hạn chế, thậm chí một số cán bộ thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, tha hóa, biến chất,... thì yếu tố con người - cán bộ càng cần được chú trọng hơn nữa. Bên cạnh đó, hàng ngày, hàng giờ, họ phải thường xuyên tiếp xúc, đối diện với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm. Nếu cán bộ tư pháp không được trau dồi, rèn luyện về đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp thì rất dễ bị những yếu tố tiêu cực từ mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường cám dỗ. Để nâng cao nhận thức về tư tưởng chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, trước hết mỗi cán bộ tư pháp với vai trò đặc thù, phải tự rèn luyện ý thức chính trị, phải luôn xác định công tác điều tra, truy tố, xét xử là công tác chính trị, phải quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng vào trong hoạt động tố tụng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng cơ quan và cá nhân, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, mỗi cán bộ tiến hành tố tụng phải ý thức được tầm quan trọng cũng như trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm quyền con người, hạn chế tình trạng oan, sai trong giải quyết vụ án hình sự và bảo đảm tính pháp chế. Muốn nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án hình sự nói chung, giải quyết các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng thì việc cần làm đầu tiên là phải nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp thực hiện công tác này. Muốn quá trình giải quyết vụ án được đúng đắn, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự của đội ngũ người tiến hành tố tụng cần được hoàn thiện một cách tốt nhất. Mỗi quyết định tố tụng mà những con người này tham mưu, ban hành đều ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời, đến sinh mệnh chính trị của mỗi người bị buộc tội. Điều này đòi hỏi mỗi người tiến hành tố tụng phải cân nhắc một cách thấu đáo trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra những quyết định đúng đắn khi áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án. Muốn đạt được hiệu quả trong quá trình đó đòi hỏi nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cần được chú trọng và không ngừng nâng cao.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử một vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng có tính phức tạp cao, dễ bị nhầm lẫn khi quy định về

tội danh này có yếu tố tương đồng với các tội danh khác,… Trong quá trình này, các chủ thể tiến hành tố tụng được pháp luật trao cho quyền tự đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án trên cơ sở niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật của mình. Các vấn đề về lý luận được đặt ra như các yếu tố cấu thành tội phạm, yếu tố "câu kết chặt chẽ", phân biệt một cách chính xác yếu tố phạm tội có tổ chức với các dạng đồng phạm khác và quyết định hình phạt phù hợp,… đòi hỏi sự chứng minh một cách chính xác, thuyết phục. Vì vậy, khi các chủ thể đó có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có đạo đức, nói khách khác là họ phải "có tâm" và "có tầm" thì các quyết định tố tụng của họ mới có cơ sở vững chắc, bảo đảm tính khách quan, đúng đắn, phù hợp và tránh tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Bên cạnh đó, trong quá trình tiến hành tố tụng phải thường xuyên tiếp xúc với đủ loại vi phạm pháp luật và tội phạm ngày càng phức tạp, tinh vi. Nếu đội ngũ cán bộ tư pháp không được trau dồi, rèn luyện về chuyên môn, đạo đức cũng như bản lĩnh nghề nghiệp một cách thường xuyên thì rất dễ trở nên lạc hậu, sa ngã và rất khó có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Để nâng cao chất lượng cán bộ đầu vào, các cơ quan tư pháp cần quan tâm hơn, chủ động hơn với chất lượng nguồn nhân lực đầu vào. Một việc làm hết sức quan trọng là hoàn thiện tiêu chuẩn tuyển chọn và tổ chức thi tuyển một cách nghiêm túc để đạt mục tiêu chuẩn hóa đầu vào đội ngũ cán bộ tư pháp. Tiêu chuẩn đưa ra phải cụ thể, rõ ràng, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ đặt ra và phù hợp với từng giai đoạn lịch sử nhất định. Bên cạnh đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng cần có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, đủ tài vào làm việc. Không những thế, phải có cơ chế, chế độ lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tiến hành tố tụng, khuyến khích được sự cố gắng và gắn bó với nghề của họ. Việc bảo đảm đủ số lượng những người tiến hành tố tụng hình sự cũng là vấn đề rất cần sự quan tâm. Hiện tại chỉ có lực lượng Điều tra viên trong ngành công an nhân dân là được đào tạo một cách có hệ thống mang tính liên tục, kế thừa tại các trường trong Ngành công an nhân dân nên phần nào chủ động hơn về nguồn nhân lực. Ngành Kiểm sát và Tòa án mới chỉ bắt đầu thực hiện bước đầu với quy mô nhỏ. Vì vậy, lực lượng Kiểm sát viên và Thẩm phán có nguồn chủ yếu là tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp các trường luật trên cả nước sau đó được đưa đi đào tạo về nghiệp vụ ngắn hạn. Trong khi đó, hiện tại chế độ đãi ngộ và thu nhập trong

ngành Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân chưa đủ sức thu hút nhân tài vào công tác trong ngành. Vì vậy, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vào công tác một thời gian đã xin nghỉ và chuyển sang làm công việc khác vì mức thu nhập không bảo đảm cuộc sống nhưng trách nhiệm công việc lớn. Do đó, để chủ động hơn về nguồn nhân lực thì ngành Kiểm sát và Tòa án cần có kế hoạch dài hạn trong đào tạo và đề nghị Nhà nước tăng cường chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng. Bên cạnh đó cũng cần tránh trường hợp tuyển dụng một cách tràn lan, tuyển dụng không phù hợp dẫn đến chỗ thì thừa, chỗ thì thiếu cán bộ.

Tuy nhiên, bên cạnh việc tuyển dụng thì đào tạo cũng là việc hết sức quan trọng. Sau khi được tuyển vào ngành, những cán bộ đó phải được đào tạo các khóa ngắn hạn và có đủ thời gian công tác thực tế mới có thể được bổ nhiệm. Và theo tác giả cũng như nhiều ý kiến của các cán bộ thực tiễn hiện nay, để bổ nhiệm được những Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ cũng cần phải tổ chức thi tuyển. Thông qua thi tuyển, qua những cuộc sát hạch nghiêm ngặt mới có cơ hội thẩm định trình độ năng lực thật sự của họ. Tổ chức thi một cách nghiêm túc, công bằng, bảo đảm người được bổ nhiệm phải thực sự đủ tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, phải thường xuyên bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần thường xuyên quan tâm đến việc nâng cao ý thức chính trị, đạo đức của đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng bằng các hình thức như: Tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Bộ chính trị, của Ban chấp hành Trung ương, của Cấp ủy Đảng, địa phương, các chỉ thị công tác của ngành nhằm nắm vững các nhiệm vụ chính trị mà Đảng đề ra trong từng thời kỳ cách mạng, đề cao trách nhiệm của Đảng viên trong việc bảo vệ lợi ích của Đảng, của nhân dân; Tổ chức học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; học tập và rèn luyện đạo đức cách mạng,…

Nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được hình thành và phát triển từ khi các cán bộ đó học tập ở các cơ sở đào tạo cho đến khi họ được tuyển vào ngành và trong suốt quá trình làm việc trong ngành, bao gồm cả được đào tạo và tự đào tạo. Vì vậy, để nâng cao chất lượng về mọi mặt của

cán bộ tư pháp thì cần tiến hành tốt cả việc lựa chọn cán bộ đầu vào và tiếp tục đào tạo, tự đào tạo, bồi dưỡng trong suốt quá trình làm việc. Trong đó, yếu tố tự đào tạo trong quá trình thực hiện công việc là chủ yếu và rất quan trọng. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phụ thuộc rất lớn vào khả năng cũng như ý thức của bản thân mỗi cán bộ.

Những quyết định của cán bộ tư pháp ảnh hưởng rất lớn đến số phận con người. Sự sai sót dù nhỏ cũng có thể dẫn đến hậu quả lớn mà rất khó, thậm chí không thể khắc phục được. Chính vì vậy, trước khi đưa ra quyết định, mỗi cán bộ tư pháp cần cân nhắc hết sức thận trọng. Để khuyến khích điều đó, bên cạnh việc khen thưởng cũng cần có cơ chế xử phạt phù hợp đối với cán bộ tư pháp khi thực hiện nhiệm vụ để mỗi cán bộ luôn phải chú ý cân nhắc trước khi ra bất cứ một quyết định tố tụng nào. Căn cứ vào nhiệm kỳ của các chức danh tư pháp, các cấp có thẩm quyền cần xây dựng những tiêu chí nghiêm ngặt và rõ ràng về đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh những tiêu chí mà chúng ta đang áp dụng, theo tác giả cần xây dựng một tiêu chí nữa là nếu trong một năm, cán bộ tư pháp nào chỉ một lần để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội thì xem như năm đó không hoàn thành nhiệm vụ, trong nhiệm kỳ năm năm có hai năm không hoàn thành nhiệm vụ thì không xem xét tái bổ nhiệm. Đây là biện pháp giúp xóa bỏ sự chây ỳ trong việc học tập nâng cao trình độ và bảo đảm sự thận trọng khi đưa ra quyết định của các cán bộ tư pháp. Nếu được áp dụng một cách nghiêm túc, khách quan và triệt để thì tác giả tin rằng nó sẽ phần nào giúp hạn chế tình trạng oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nói chung và áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Bên cạnh chất lượng, số lượng của các cán bộ tiến hành tố tụng cũng là vấn đề đang đặt ra. Trước sự "quá tải" trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều kiện số lượng người tiến hành tố tụng ít và đang có chủ trương tinh giản biên chế, hạn chế tuyển thêm cán bộ nhưng số lượng án không giảm, mức độ phức tạp thì ngày càng gia tăng đang đặt ra áp lực rất lớn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc giải quyết các vụ án cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng không nằm ngoài tình trạng trên. Vì vậy, việc tăng cường đội ngũ cán bộ

tiến hành tố tụng bảo đảm đủ số lượng để thực hiện nhiệm vụ, tránh sự quá tải ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết vụ án nói chung, án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng cũng đang là vấn đề cấp bách hiện nay. Mỗi cơ quan tư pháp cần có kế hoạch tuyển dụng, thi tuyển một cách kịp thời, có lộ trình cụ thể để bổ sung nguồn cán bộ, tránh thiếu hụt số lượng cũng như đủ thời gian đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ tiến hành tố tụng.

4.2.4. Các giải pháp khác

4.2.4.1. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật

Thực tiễn và lý luận là hai vấn đề cần được thực hiện song hành, bổ trợ lẫn nhau, vì thế, để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, năng lực công tác, cũng như kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn giải quyết án hình sự nói chung, án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng thì việc tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về việc áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và cử các cán bộ tiến hành tố tụng đi học tập các lớp này là điều cần thiết nhằm hoàn thiện về kiến thức lý luận, trên cơ sở lý luận mới giải quyết tốt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật cho cán bộ tiến hành tố tụng trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong thời gian qua đã và đang được các ngành tư pháp rất quan tâm. Các lớp tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ về giải quyết án hình sự nói chung, một số loại án về các tội phạm thường xảy ra có tính phổ biến nhưng có nhiều khó khăn, vướng mắc, trong đó có các tội phạm về ma túy, cướp tài sản, tội phạm có tổ chức,… đã được tổ chức. Đây là hình thức tập huấn nâng cao trình độ chuyên sâu mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Căn cứ vào yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể và xuất phát từ thực tiễn của công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, lãnh đạo của các ngành tư pháp nói chung, lãnh đạo cơ quan tiến hành tố tụng ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng cần chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ của ngành, các chuyên gia trong và ngoài ngành, xây dựng, biên soạn tài liệu tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ về áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố xét xử đối với các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cho đối tượng

là cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng trong ngành cũng như trên địa bàn thành phố nhằm tạo điều kiện cho họ trao đổi kinh nghiệm thông qua bồi dưỡng kiến thức lý luận và thông qua thảo luận, trao đổi, tọa đàm về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật và thực tiễn thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, thường xuyên đối với với các cán bộ tiến hành tố tụng hiện nay hầu hết được thực hiện trên cơ sở các lớp được tổ chức tập trung ở các đơn vị sự nghiệp của ngành tư pháp như Học viện Tòa án của ngành Tòa án; Trường Đại học kiểm sát và Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh của ngành Kiểm sát; Học viện cảnh sát, Đại học Cảnh sát của ngành Công an thông qua một số chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho tất cả các địa phương với số lượng cán bộ được triệu tập có hạn. Trong điều kiện quá tải về công việc, số cán bộ được cử đi học tập, tập huấn hàng năm không nhiều. Bên cạnh đó, thực tế có những chương trình không phù hợp nhu cầu của địa phương, mỗi địa phương có những loại án phổ biến khác nhau, có nhu cầu được bồi dưỡng về các loại án khác nhau. Ở thành phố Hồ Chí Minh các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức xảy ra nhiều, nảy sinh nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình xử lý thì sẽ có nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng nhưng các địa phương khác có thể không có hoặc có ít loại án này. Vì vậy, để bảo đảm phù hợp với tình hình tội phạm ở địa phương, nhu cầu được bồi dưỡng cụ thể của cán bộ ở mỗi địa phương, các cơ quan tiến hành tố tụng ở mỗi địa phương cần chủ động trong việc phối hợp với các cơ sở đào tạo là đơn vị sự nghiệp của mỗi ngành để thiết kế những chương trình với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tình hình ở địa phương mình để bảo đảm về số lượng cũng như chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của cơ quan trong từng khâu công tác cụ thể bảo đảm hiệu quả khi xây dựng chương trình cũng như tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Ví dụ, trước tình trạng loại án này xảy ra nhiều, quá trình giải quyết có nhiều khó khăn, hạn chế thì các cơ quan tiến hành tố tụng ở thành phố Hồ Chí Minh cần hợp tác với các cơ sở đào tạo để thiết kế, biên soạn tài liệu và giảng dạy chuyên đề riêng về những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và những giải pháp khắc phục cụ thể. Từ đó thống nhất

nhận thức, nâng cao hiểu biết của cán bộ tiến hành tố tụng đối với loại án này, hạn chế sai sót, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm là hoạt động phức tạp, trong quá trình này, các chủ thể tiến hành tố tụng được pháp luật trao cho quyền tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật của mình. Vì vậy, khi các chủ thể đó có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nắm vững kiến thức về pháp luật thì các quyết định tố tụng của họ mới có cơ sở thực tế, bảo đảm tính khách quan, đúng đắn và phù hợp với pháp luật và đó cũng chính là cơ sở quan trọng làm giảm tình trạng oan, sai trong giải quyết án hình sự nói chung và án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

4.2.4.2. Đầu tư thỏa đáng công cụ hỗ trợ và cơ chế, chính sách cho người tiến hành tố tụng

Để bảo đảm việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tiến hành tố tụng đối với các vụ án hình sự nói chung và các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng, việc quan tâm đầu tư công cụ hỗ trợ cho các cơ quan và người tiến hành tố tụng hình sự cũng rất quan trọng. Thực tế cho thấy, mặc dù đã được Đảng, Nhà nước quan tâm nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và cơ quan tiến hành tố tụng ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng còn khó khăn, thiếu thốn, phần lớn là xuống cấp, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Mặc dù đây là loại án có tính nguy hiểm cao khi tội phạm được thực hiện một cách có tổ chức, đa số là bởi các đối tượng nguy hiểm, có vũ khí, ... nhưng quá trình giải quyết loại án này, những người tiến hành tố tụng cũng không được trang bị thêm công cụ hỗ trợ đầy đủ hơn so với các loại án khác. Đặc biệt từ khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 03/12/2012 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013, trong đó quy định: Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên ngay từ khâu dự toán cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương để bố trí chi cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị nói

chung và cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng trong rất nhiều trường hợp bị dừng lại, trong khi đó trụ sở làm việc của các đơn vị từ Cơ quan điều tra đến Viện kiểm sát, Tòa án, nhất là ở cấp huyện còn chật hẹp, xuống cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện để bảo đảm công tác còn thiếu thốn, lạc hậu, không bảo đảm tính cơ động, nhanh chóng trong việc thực hiện công tác, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Theo đó đề xuất cần xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc, trang bị đầy đủ phương tiện làm việc cũng như trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động. Khi đầu tư nên phù hợp với tình hình thực tế, tránh tình trạng dàn đều, lãng phí và không hiệu quả. Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước cần quan tâm, đầu tư hơn nữa cho các cơ quan tiến hành tố tụng như: tăng cường cơ sở vật chất về trụ sở làm việc, các phương tiện, máy móc phục vụ công tác,… Ngoài ra, cần tăng cường công tác đầu tư tài liệu, sách tham khảo, các văn bản phục vụ trực tiếp cho nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng vào hoạt động chuyên môn của cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng trực tiếp giải quyết án hình sự nói chung, án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Bên cạnh đó, để phát hiện kịp thời và điều tra bước đầu đối với tội phạm, trong đó có tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức, thời gian vừa qua, Công an thành phố đã thành lập nhiều lực lượng phòng, chống tội cướp tài sản có hiệu quả như lực lượng Cảnh sát hình sự đặc nhiệm Công an thành phố tham gia vào công tác tuần tra mật phục, truy bắt các băng nhóm cướp tài sản, cướp giật tài sản, tội phạm hình sự đặc biệt nguy hiểm trên đường phố rất hiệu quả. Ngoài ra trong những đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, Công an thành phố đã thành lập các "Tổ tuần tra đặc biệt" - Tổ công tác 363. Đây là lực lượng tuần tra hỗn hợp gồm ba đơn vị gồm Cảnh sát hình sự đặc nhiệm, Cảnh sát giao thông và Cảnh sát cơ động, được trang bị đầy đủ vũ khí, công cụ hỗ trợ, có nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên các tuyến, địa bàn trọng điểm nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm trên đường phố, nơi công cộng, làm cơ sở cho việc áp dụng pháp luật hình sự trong các giai đoạn sau. Đối tượng trấn áp là tất cả các loại tội phạm, trong đó tập trung tội phạm cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản, ma túy... với địa bàn hoạt động linh hoạt, không theo quy luật. Các tổ 363 được thành lập với

mục đích để quán xuyến địa bàn, góp phần quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội cướp tài sản nói riêng trong các dịp lễ, tết. Ngoài ra, nhiều quận, huyện trên địa bàn thành phố đã vận động người dân, doanh nghiệp ủng hộ kinh phí lắp đặt camera an ninh ở nhiều tuyến đường, khu phố trên địa bàn đem lại hiệu quả rõ rệt trong công tác phòng chống tội phạm, tạo thuận lợi lớn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm. Để phát huy hiệu quả và bảo đảm hoạt động lâu dài, ổn định của các mô hình này nhằm phục vụ cho mục đích trấn áp, điều tra, xử lý tội phạm thì việc nhà nước đầu tư kinh phí cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cũng như duy trì công tác này là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Trong điều kiện kinh tế của Nhà nước còn nhiều khó khăn, để bảo đảm hiệu quả trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, lãnh đạo của các cơ quan tiến hành tố tụng cần chủ động, có kế hoạch đề nghị Nhà nước từng bước tăng cường cơ sở vật chất cho ngành. Chú trọng đến việc trang bị phương tiện, điều kiện cần và đủ cho các khâu, các bộ phận trọng yếu trong việc giải quyết loại án này. Ví dụ như việc chú trọng đầu tư công nghệ để quản lý tin báo tội phạm, quản lý án hình sự theo chương trình quản lý thống nhất trong ngành; phấn đấu trong thời gian sớm nhất 100% các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp đều được nối mạng máy tính nội bộ và nối mạng với cơ quan lãnh đạo cao nhất là Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với chế độ lương, phụ cấp của cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng trong những năm gần đây đã có sự cải thiện như phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp chức vụ,... Tuy nhiên, chính sách, chế độ đãi ngộ nói chung đối với cán bộ cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là Viện kiểm sát, Tòa án vẫn còn theo hệ số, ngạch bậc của công chức nói chung ở mức vừa phải mà không muốn nói là thấp so với mặt bằng chung, chưa thực sự tạo động lực để khuyến khích, động viên nhằm làm cho cán bộ yên tâm công tác, phấn đấu nâng cao chất lượng công tác. Bên cạnh đó, đối với đặc thù các vụ án phạm tội có tổ chức nói chung, cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng được thực hiện bởi những người đồng phạm, có tổ chức với mức độ nguy hiểm cao, mức án phải chịu thường là nặng, thường liên quan đến tài chính, nhất là tội phạm được thực hiện bởi các tổ chức tội phạm. Việc đe dọa, mua chuộc đối với cán bộ tiến hành tố tụng là điều có thể xảy ra. Điều này

cũng dễ làm phát sinh tiêu cực đối với những người không vững vàng, khó có thể bảo đảm được sự vô tư, khách quan, độc lập của cán bộ tiến hành tố tụng khi tiến hành tố tụng đối với các vụ án nói chung, các vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Để khắc phục tình trạng trên, cần phải cải tiến chế độ tiền lương và các chế độ phụ cấp khác cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng để họ có thể yên tâm công tác, không vì lợi ích vật chất mà làm lệch cán cân công lý. Bên cạnh đó, các biện pháp bảo đảm về an ninh được áp dụng với mục đích bảo toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản cho những người tiến hành tố tụng, nhất là kiểm sát viên, thẩm phán đối với các vụ án nói chung và án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng cũng cần được xem xét áp dụng. Việc sử dụng biện pháp nào, theo cách thức nào sẽ do cơ quan an ninh quyết định trên cơ sở xem xét tình hình cụ thể để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cán bộ tiến hành tố tụng yên tâm công tác. Các biện pháp bảo đảm về xã hội cho cán bộ tiến hành tố tụng như quy định về bồi thường thiệt hại khi họ và gia đình phải chịu những tổn hại về tính mạng, tài sản và sức khoẻ do hoạt động nghề nghiệp của họ gây ra cũng cần được xem xét đến.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở kết hợp lý luận và thực tiễn, đánh giá những sai lầm, hạn chế và nguyên nhân ở chương 2 và chương 3, ở chương này tác giả đã nghiên cứu, phân tích yêu cầu đặt ra trong việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nhằm định hướng cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện. Qua đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các giải pháp được đưa ra bao gồm giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật và xây dựng án lệ về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức; Nâng cao nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân và một số giải pháp khác bổ trợ cho việc áp dụng pháp luật. Trong đó, giải pháp hoàn thiện pháp luật bao gồm đề xuất: Mở rộng khái niệm về đồng phạm; bổ sung tình tiết "do tổ chức tội phạm thực hiện" vào quy định về tội cướp tài sản và một số tội phạm cụ thể khác; bổ sung điều luật quy định về tổ chức tội phạm; quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm; luật hóa quy định về chuyển hóa tội phạm; xây dựng và ban hành án lệ. Các giải pháp khác bao gồm: tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật; đầu tư thỏa đáng cơ sở vật chất, trang thiết bị và chế độ cho người tiến hành tố tụng. Từ những giải pháp trên, tác giả mong muốn góp phần giải quyết một cách tương đối đầy đủ, toàn diện những khó khăn, vướng mắc mà lý luận cũng như thực tiễn đặt ra đối với công tác áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian tới

KẾT LUẬN

Trong các tội xâm phạm sở hữu, tội cướp tài sản là tội phạm xâm hại nghiêm trọng tới cả quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân, gây thiệt hại về tài sản cũng như tính mạng, sức khỏe của con người và là vấn đề gây nhức nhối đối với toàn xã hội. Tội phạm này vừa phổ biến, đa dạng về hình thức, đối tượng phạm tội lại vừa gây tâm lý hoang mang trong đại đa số bộ phận dân chúng, gây ảnh hưởng rất lớn tới trật tự an toàn xã hội. Trong đó, tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức – hình thức đồng phạm có mức độ nguy hiểm cao nhất - ngày càng gia tăng về số lượng cũng như hình thức thực hiện ngày càng tinh vi hơn, gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn, nhất là ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đảng, Nhà nước cũng đã và đang rất chú trọng đến việc xây dựng chính sách, pháp luật để phòng chống tội cướp tài sản nói chung và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng. Trong những năm qua, các cơ quan trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều cố gắng trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này nhưng do nhiều nguyên nhân nên tội phạm này vẫn có chiều hướng gia tăng với tính chất, mức độ ngày càng phức tạp, nguy hiểm, gây ra hậu quả lớn cho tình hình an ninh trật tự, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như đời sống nhân dân trên địa bàn thành phố.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội cướp tài sản, chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và chuyên sâu về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức từ thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh dưới góc độ luật hình sự. Việc nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng, tìm ra những bất cập phát sinh từ việc áp dụng pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn này để từ đó đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức là thực sự cần thiết nhằm góp phần đảm bảo an ninh trật tự, ổn định và phát triển đời sống kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, tác giả đã quyết định chọn đề tài "*Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh"* làm đề tài nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức và việc áp dụng quy định pháp luật về tội này vào thực tiễn. Với khả năng nghiên cứu còn hạn chế, tác giả đã cố gắng nghiên cứu toàn diện các vấn đề liên quan đến luận án và đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, tác giả đã đưa ra khái niệm, đặc điểm của tội cướp tài sản, khái niệm về phạm tội có tổ chức và khái niệm, đặc điểm của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức.

Thứ hai, luận án đã phân tích quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong lịch sử và trong BLHS hiện hành.

Thứ ba, luận án đã phân tích và so sánh quy định về phạm tội có tổ chức trong pháp luật Việt Nam với Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; phân tích quy định về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong BLHS của một số quốc gia khác, từ đó rút ra những quy định cần thực hiện trước yêu cầu nội luật hóa cũng như những quy định tiến bộ mà Việt Nam có thể học hỏi, tiếp thu khi hoàn thiện quy định về tội phạm có tổ chức, phạm tội có tổ chức trong BLHS nói chung và vận dụng cho tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức nói riêng.

Thứ tư, luận án đã làm rõ thực trạng áp dụng quy định của pháp luật về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh qua thực trạng định tội và thực trạng quyết định hình phạt, qua đó tìm ra những vi phạm, sai lầm và nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm đó gắn liền với những đặc trưng riêng của tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ năm, luận án đã phân tích yêu cầu đặt ra trong việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức. Trên cơ sở đó, kết

hợp với những nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về chế định đồng phạm, phạm tội có tổ chức và tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức cũng như đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trong thời gian tới, trong đó có các giải pháp sau:

Giải pháp hoàn thiện pháp luật: bao gồm giải pháp mở rộng khái niệm về đồng phạm; bổ sung điều luật quy định về tổ chức tội phạm; bổ sung tình tiết "do tổ chức tội phạm thực hiện" vào quy định về tội cướp tài sản và một số tội phạm cụ thể khác; quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm.

Giải pháp hướng dẫn áp dụng pháp luật và xây dựng án lệ về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức để tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật về tội danh này được thực hiện một cách đúng đắn, thống nhất.

Giải pháp nâng cao nhận thức về áp dụng pháp luật hình sự đối với tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức của đội ngũ người tiến hành tố tụng bao gồm Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân để bảo đảm cho quy định của pháp luật về tội danh này được hiểu và áp dụng một cách đầy đủ và chính xác.

Các giải pháp khác bao gồm: tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về áp dụng pháp luật; đầu tư thỏa đáng công cụ hỗ trợ và cơ chế, chính sách cho người tiến hành tố tụng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. *Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản dưới hình thức có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, năm 2015, Tạp chí Thanh tra số 07/2015

2. *Một số sai lầm phổ biến trong định tội danh đối với tội cướp tài sản dưới hình thức có tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh*, năm 2015, Tạp chí Kiểm sát số 16/2015

3. *Tình tiết định khung phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, năm 2020, Tạp chí Công thương số 1 – tháng 01/2020

4. *Bình luận về một số tình tiết tăng nặng định khung mới trong tội cướp tài sản quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, năm 2020, Tạp chí Công thương số 2 – tháng 02/2020

5. *Bình luận về tội cướp tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, năm 2020, Tạp chí Công thương số 17 – tháng 07/2020

6. *Một số ý kiến về áp dụng dấu hiệu định khung phạm tội có tổ chức trong tội cướp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017),* năm 2020, Tạp chí Khoa học Kiểm sát số chuyên đề 03 (41)/2020.

7. *Quyết định hình phạt đối với tội cướp tài sản trong trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),* năm 2021, Tạp chí Công thương số 21 – tháng 09/2021

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2002. *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/5/2002 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2005. *Nghị quyết số 49-NQ/TW 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Phạm Văn Báu. 2010. *Tội cướp tài sản trong Luật hình sự Việt Nam,* http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/159 (15/8/2019).
4. Bộ Chính trị. 2002. *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính. 2012. *Quyết định số 3063/QB-BTC ngày 03/12/2012 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013*, Hà Nội.
6. *Bộ luật hình sự Indonesia*. 1999. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. *Bộ luật hình sự Malaysia*. 1997. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. *Bộ luật hình sự Singgapo*. 1998. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. *Bộ luật hình sự Thái Lan*. 1998. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Mai Bộ. 2018. *Các tội xâm phạm sở hữu*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9 kỳ I tháng 5.
11. Nguyễn Mai Bộ. 2010. *Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
12. Lê Văn Cảm. 2005. *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự phần chung, (Sách chuyên khảo sau Đại học*), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
13. Phạm Thị Hà Châu. 2016. *Tội cướp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Chí. 2001. *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận án tiến sỹ, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.

15. Chính phủ. 2011. *Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội,* Hà Nội.
16. Chủ tịch Chính phủ lâm thời. 1945. *Sắc lệnh số 47 ngày 10 tháng 10 năm 1945*, Hà Nội.
17. Phí Thành Chung. 2010. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.
18. *Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia* (2004), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Cục Cảnh sát hình sự. 2012. *Công văn số 1369/C45-P5 ngày 24/7/2012 về Hướng dẫn thống kê tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
21. Đinh Bích Hà (dịch) 2007. *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa,* Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Hiển. 2016. *Tổ chức tội phạm ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
23. Trần Văn Hiếu. 2019. *Phòng ngừa tình hình tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Thị Phương Hoa. 2015. *Báo cáo tổng kết đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ, Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội.
25. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa*. 1995. Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hòa*. 2000. Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999,* Tạp chí Luật học, số 2.
27. Nguyễn Ngọc Hòa. 2015. *Tội phạm và cấu thành tội phạm,* Nxb Tư Pháp, Hà Nội.

28. Nguyễn Thị Thu Hòa. 2011. *Người thực hành trong đồng phạm theo luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Trần Minh Hưởng. 2002. *Tìm hiểu BLHS nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Bình luận và chú giải*, Nxb Lao động, Hà Nội.
30. Quách Ngọc Lân. 2007. *Hoạt động của lực lượng cảnh sát nhân dân trong phòng ngừa tội phạm có tổ chức ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ luật học, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
31. Nguyễn Thị Trang Liên. 2009. *Các hình thức đồng phạm trong Luật hình sự Việt Nam,* Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
32. TS. Phạm Văn Lợi (chủ biên). 2007. *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
33. Trần Văn Luyện (cùng các tác giả). 2018. *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Uông Chu Lưu (chủ biên). 2008. *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Nguyễn Đức Mai (chủ biên). 2018. *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự hiện hành (sửa đổi, bổ sung năm 2017),* Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
36. Dương Tuyết Miên. 2003. *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội.
37. Hồ Chí Minh toàn tập. 2004. Nxb Chính trị quốc gia, tập 5, Hà Nội.
38. PGS.TS. Hồ Trọng Ngũ. 2002. *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. PGS.TS. Hồ Trọng Ngũ. 2006. *Tội phạm có tổ chức – Lịch sử và vấn đề hôm nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
40. PGS.TS. Hồ Trọng Ngũ. 2009. *"Vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm hình sự pháp nhân trong sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 3, Hà Nội.

41. Nguyễn Quốc Nhật. 2005. *Tội phạm có tổ chức – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Nguyễn Ngọc Nhuận - Nguyễn Tá Nhí. 2001. *Luật triều hình Lê*, Nxb Pháp Lý, Hà Nội.
43. PGS.TS. Cao Thị Oanh (chủ biên). 2015. *Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt tài sản*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
44. Quốc hội. 1985. *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
45. Quốc hội. 1999. *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
46. Quốc hội. 2009. *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
47. Quốc hội. 2015. *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
48. Quốc hội. 2017. *Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung),* Hà Nội.
49. Quốc hội. 2018. *Luật Quốc phòng*, Hà Nội.
50. Quốc hội. 2017. *Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.
51. Đinh Văn Quế. 2019. *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 - Phần thứ hai - các tội phạm - Chương XVI các tội xâm phạm sở hữu, chương XVII các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
52. Đinh Văn Quế. 2019. *"Một số vấn đề về đồng phạm quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự",*
<http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=10931636>, (15/8/2019).
53. PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn (2018), *Luật hình sự so sánh (Sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
54. Lê Thị Sơn. *1997. Chế định đồng phạm trong pháp luật hình sự ở một số nước trên thế giới*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 11, Hà Nội.
55. TS. Lê Thị Sơn. 2003. *Về tội phạm có dấu hiệu "có tổ chức" trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học số 1.

56. Nguyễn Trung Thành. 2002. *Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng chống*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật.
57. Nguyễn Văn Thành (chủ biên). 2001. *Hoàng Việt Luật lệ, tập IV*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
58. Nguyễn Đức Thảo. 2016. *Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
59. Lê Hữu Thể. 2002. *Một số ý kiến về khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, phân loại tội phạm có tổ chức ở Việt Nam/ Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Những giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm có tổ chức ở Việt Nam trong tình hình mới- Bộ Công an*, Hà Nội.
60. Thủ tướng Chính phủ. 1998. *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 phê duyệt chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.
61. Thủ tướng chính phủ. 2013. *Quyết định số 605/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2013 phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em,* Hà Nội.
62. Thủ tướng chính phủ. 2016. *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2016 phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030*
63. Thủ tướng chính phủ. 2017. *Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 phê duyệt chương trình thực hiện kết luận số 05-KL/TW ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm đến năm 2020*, Hà Nội.
64. PGS.TS. Kiều Đình Thụ. 1996. *Tìm hiểu luật Hình sự Việt Nam*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

65. Nguyễn Duy Thuần. 1991. *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Bùi Đình Tiến. 2010. *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc đối với nhóm tội phạm có tổ chức*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
67. Dương Văn Tiến. 1986. *Các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm*, Tạp chí Nhà nước Pháp luật, số 1.
68. Dương Văn Tiến. *1998. Về các giai đoạn thực hiện hành vi đồng phạm*, Tạp chí Luật học, số 3.
69. Trần Quang Tiệp. 1997. *Chế định đồng phạm trong pháp luật hình sự ở một số nước trên thế giới,* Tạp chí Nhà nước Pháp luật, số 11.
70. Trần Quang Tiệp. 2000. *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
71. Trần Quang Tiệp. 2007. *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
72. TS. Trần Quang Tiệp. 2003. *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức tội phạm, tội phạm có tổ chức và phạm tội có tổ chức,* Tạp chí Kiểm sát, số 7.
73. Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ. 2015. *Bản án số 04/2015/HSST ngày 29/3/2015.*
74. Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ. 2017. *Bản án số 14/2017/HSST ngày 17/8/2017*.
75. Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. 2011. *Bản án số 38/2011/HSST ngày 04/12/2011.*
76. Toà án nhân dân Quận 7. 2015. *Bản án số 75/2015/HSST ngày 16/4/2015.*
77. Tòa án nhân dân Quận 7. 2018. *Bản án số 39/2018/HSST ngày 11/04/2018.*
78. Tòa án nhân dân quận Tân Bình. 2011. *Bản án số 63/2011/HSST ngày 26/12/2011.*
79. Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. 2013. *Bản án số 417/2013/HSST ngày 19/11/2013.*

80. Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. 2014. *Bản án số 32/2014/HSST.*

81. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. *2011. Bản án số 18/2011/HSPT ngày 11/02/2011*.

82. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2011. *Bản án số 32/2011/HSST ngày 12/4/2011.*

83. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2012. *Bản án số 13/2012/HSST ngày 06/3/2012.*

84. Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2012. *Bản án số 67/2012/HSST ngày 28/6/2012.*

85. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017.*

86. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2018.*

87. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2019.*

88. Tòa án nhân dân tối cao. 1975. *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự, tập I,* Hà Nội.

89. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp. 2001. *Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.

90. Tòa án nhân dân tối cao. 1986. *Nghị quyết số 04-HĐTPTANDTC/NQ ngày 29 tháng 11 năm 1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của bộ luật hình sự,* Hà Nội.

91. Tòa án nhân dân tối cao. 1988. *Nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 16/11/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung nghị quyết số 02-HĐTP/NQ ngày 05-01-1986*, Hà Nội.

92. Toà án nhân dân tối cao. 1989. *Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19 tháng 04 năm 1989 hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự,* Hà Nội.

93. Tòa án nhân dân tối cao. 2003. *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
94. Tòa án nhân dân tối cao. 2006. *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
95. Tòa án nhân dân tối cao. 2007. *Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt*, Hà Nội.
96. Trường Đại học Luật Hà Nội (dịch). 2011. *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
97. Trường Đại học Luật Hà Nội (dịch). 2011. *Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên Bang Đức*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
98. Trường Đại học Luật Hà Nội. 2018. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm, quyển 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
99. Trường Đại học Luật Hà Nội. 2019. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
100. Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2015. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm – Quyển 1)*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
101. Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2019. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
102. Đào Trí Úc, 2000. *Luật hình sự Việt Nam (quyển I) – Những vấn đề chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
103. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2013. *Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2013 về Sơ kết tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; phòng, chống tội phạm mua bán người 6 tháng đầu năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2013,* thành phố Hồ Chí Minh.

104. Uỷ ban thường vụ Quốc hội. 1970. *Pháp lệnh số 150-LCT ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân*, Hà Nội.
105. Uỷ ban thường vụ Quốc hội. 1970. *Pháp lệnh số 149-LCT ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
106. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2011. *Thông báo số 79/TB-VKSTC-V3 ngày 20 tháng 04 năm 2011*.
107. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2011. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012*.
108. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2012. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013*.
109. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2013. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014*.
110. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2014. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015*.
111. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2015. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016*.
112. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2016. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*.
113. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2017. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2018*.
114. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2018. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2019*.
115. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2019. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2020*.
116. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 2020. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021*.
117. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp. 2006. *Từ điển Luật học,* Nxb Từ điển Bách khoa, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

118. Viện Ngôn ngữ học. 2011. *Từ điển tiếng Việt,* Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
119. Võ Khánh Vinh. 1989. *Quyết định hình phạt: Một số vấn đề chung*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4.
120. Võ Khánh Vinh. 2003. *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
121. Võ Khánh Vinh. 2013. *Lí luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
122. Võ Khánh Vinh (chủ biên). 2005. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung),* Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
123. GS.TS Võ Khánh Vinh. 2013. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
124. Võ Khánh Vinh (chủ biên). 2014. *Giáo trình sau đại học luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
125. GS.TS Võ Khánh Vinh. 2020. *Chính sách pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
126. Vụ Quản lý khoa học và Công nghệ - Bộ Công an. 2001. *Cơ sở khoa học để hoàn thiện chính sách hình sự trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam,* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
127. Lương Hải Yến. 2011. *Quyết định hình phạt trong đồng phạm*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
128. http://www.commonlii.org/ke/other/KECKRC/2001/14.html
129. http://tphcm.chinhphu.vn/trung-tam-kinh-te-thuong-mai.
130. Chris E. McGoey, Robbery Fact. 2012. *Violient crimé against persons*, Carolina Academic Press. USA.
131. CODE PÉNAL DU CENTRE VIET NAM, Chapitre IX, De la pluralité d'agents punissabies à raison du même crime ou délit – De la complicité, Bulletin Offciel du Ministère dé Colonies. Sài Gòn 1933.

132. Franklin E. Zimring and James Zuehl (1986), ”Victim injury and death in urban robbery: A Chicago study”, Journal of Legal Studies, Volume 15, 38 pages.
133. H.L.A. Hart. 1968. *Các nguyên tắc của hình phạt và trách nhiệm hình sự*, Nxb Oxford.
134. J.J. Haus. 1995. *Các nguyên tắc của hình phạt*, Beclin.
135. Jamé. W.Osterburg. 2013. *Criminal Investigation - A Method for Reconstructing the Past, USA*
136. Orgnaized Crime (4th Edition). Michael D. Lyman and Gary W. Potter. Pearson Education. New Jersey. United State of America.
137. President’s commission on organized crime Honorable Ronald Reagan – President of the United States the White House Washington, D.C 20500. 1968.

PHỤ LỤC

Bảng 3.1. Số vụ án, số bị cáo đã bị xét xử về Tội cướp tài sản từ năm 2011 đến năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ án	Số bị cáo
2011	255	637
2012	234	512
2013	154	405
2014	196	460
2015	130	267
2016	146	328
2017	102	220
2018	97	194
2019	116	278
2020	132	317
2021	152	384
Tổng số	1.714	4.002
Trung bình	155,8	363,8

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.2. Tỷ lệ số vụ án và số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản qua các năm từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Số vụ án	Tỷ lệ vụ án (%)	Số bị cáo	Tỷ lệ bị cáo (%)
2011	255	100	637	100
2012	234	91,8	512	80,4
2013	154	60,4	405	63,4
2014	196	76,7	460	72,2
2015	130	51	267	41,9
2016	146	57,3	328	51,5
2017	102	40	220	34,5
2018	97	39,6	194	30,5
2019	116	38	278	43,6
2020	132	51,8	317	49,8
2021	152	59,6	384	60,3

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.3. Số bị cáo trung bình trong các vụ án đã bị xét xử về Tội cướp tài sản từ năm 2011 đến năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ án	Số bị cáo	Trung bình số bị cáo/vụ
2011	255	637	2,5
2012	234	512	2,2
2013	154	405	2,6
2014	196	460	2,4
2015	130	267	2,1
2016	146	328	2,3
2017	102	220	2,2
2018	97	194	2,3
2019	116	278	2,4
2020	132	317	2,4
2021	152	384	2,5
Trung bình	155,8	363,8	2,33

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.4. Số vụ án và số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản với tình tiết định khung phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Số vụ án về Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức	Số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức	Trung bình số bị cáo/vụ
2011	106	419	3,9
2012	114	380	3,3
2013	91	284	3,1
2014	82	260	3,2
2015	51	155	3,0
2016	42	145	3,5
2017	32	116	3,6
2018	29	104	3,6
2019	48	177	3,7
2020	59	224	3,8
2021	63	249	3,9

Tổng số	717	2.513	
Trung bình	65,2	228,4	3,5

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.5. Tỷ lệ số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức qua các năm từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Số vụ án về tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức	Tỷ lệ vụ án (%)	Số bị cáo bị xét xử về tội cướp dưới hình thức phạm tội có tổ chức	Tỷ lệ bị cáo (%)
2011	106	100	419	100
2012	114	107,5	380	90,7
2013	91	85,8	284	67,8
2014	82	77,4	260	62,1
2015	51	48,1	155	37
2016	42	39,6	145	34,6
2017	32	30,2	116	27,7
2018	29	27,6	104	24,8
2019	48	45,3	177	42,2
2020	59	55,7	224	58,2
2021	63	59,4	249	59,4

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.6. So sánh số vụ án và số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản với tình tiết định khung phạm tội có tổ chức so với số vụ án và số bị cáo bị xét xử về Tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Số vụ án cướp tài sản (1)	Số vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức (2)	Tỷ lệ % (2/1)	Số bị cáo cướp tài sản (3)	Số bị cáo cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức (4)	Tỷ lệ % (4/3)
2011	255	106	41,6	637	419	65,8
2012	234	114	48,7	512	380	74,2
2013	154	91	59,1	405	284	70,1
2014	196	82	41,8	460	260	56,5
2015	130	51	39,2	267	155	58,1
2016	146	42	28,8	328	145	44,2
2017	102	32	31,4	220	116	52,7
2018	97	29	29,9	194	104	53,6
2019	116	48	41,4	278	177	63,7

2020	132	59	44,7	317	224	70,7
2021	152	63	41,4	384	249	64,8
Tổng	1.714	717	41,8	4.002	2.513	62,8

Nguồn: *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.*

Bảng 3.7. Thống kê số vụ án cướp tài sản và cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức được xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Số vụ án cướp tài sản	Số vụ án cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức	Số bị cáo cướp tài sản	Số bị cáo cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức
2011	255	106	637	419
2012	234	114	512	380
2013	154	91	405	284
2014	196	82	460	260
2015	130	51	267	155
2016	146	42	328	145
2017	102	32	220	116
2018	97	29	194	104
2019	116	48	278	177
2020	132	59	317	224
2021	152	63	384	249
Trung bình	155,8	65,2	363,8	228,4
Tổng	1.714	717	4.002	2.513

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.8. Cơ cấu hình phạt áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Tổng số bị cáo đã xử lý	Mức hình phạt						
		Cho hưởng án treo	Tù dưới 3 năm	Tù từ trên 3 năm đến 7 năm	Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	Tù từ trên 15 năm	Tù chung thân	Tử hình (Áp dụng trước 01/7/2016)
2011	637	24	198	242	140	33	0	0
2012	512	21	162	194	115	20	0	0
2013	405	15	120	157	95	18	0	0
2014	460	13	89	168	126	61	2	1
2015	267	9	77	102	64	12	3	0
2016	328	17	98	126	76	11	0	0
2017	220	10	65	82	50	13	0	
2018	194	6	42	78	46	21	1	
2019	278	9	85	106	67	11	0	
2020	317	18	95	117	75	12	0	
2021	384	23	98	157	91	15	0	
Tổng	4.002	165	1.129	1.529	945	227	6	1
Tỷ lệ	100%	4,12%	28,21%	38,2%	23,61%	5,67%	0,14%	0,02%

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.9. Cơ cấu hình phạt áp dụng đối với người phạm tội cướp tài sản dưới hình thức phạm tội có tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2021

Năm	Tổng số bị cáo đã xử lý	Mức hình phạt			
		Cho hưởng án treo	Tù dưới 3 năm	Tù từ trên 3 năm đến 7 năm	Tù từ trên 7 năm đến 15 năm
2011	419	04	92	203	120
2012	380	06	97	176	101
2013	284	02	93	104	85
2014	260	03	50	105	102
2015	155	01	28	76	50
2016	145	01	14	79	51
2017	116	02	28	45	41
2018	104	01	12	52	39
2019	177	01	25	96	55
2020	224	03	61	97	63
2021	249	03	68	108	70
Tổng	2.513	27	568	1.141	777
Tỷ lệ	100%	1,07%	22,6%	45,4%	30,9%

Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh